



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN | 2017

Điều
Kỳ diệu
từ
Thảo Nguyên



Địa chỉ: 92 Võ Thị Sáu, phường Thanh Nhân,
quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
Tel: (+84-24) 6276 6366 ; Fax: (+84-24) 6276 6466
Email: info@gtnfoods.com.vn Website: www.gtnfoods.com.vn



TIÊU ĐIỂM GTNFOODS 2017 & THÔNG ĐIẾP CỦA LÃNH ĐẠO

- 06 • Tầm nhìn, sứ mệnh, và triết lý kinh doanh
- 08 • Điểm nhấn và các sự kiện nổi bật
- 10 • Thông điệp của lãnh đạo
- 14 • Các chỉ tiêu chính

GIỚI THIỆU VỀ GTNFOODS

- 18 • Thông tin chung
- 30 • Các cột mốc phát triển của tập đoàn
- 35 • Mộc Châu Milk
- 40 • Vinatea
- 46 • Các lĩnh vực kinh doanh khác
- 48 • Cơ cấu tổ chức
- 56 • Định hướng chiến lược 2018 - 2020

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- 60 • Bối cảnh triển vọng kinh tế chung
- 63 • Kết quả hoạt động năm 2017
- 78 • Kế hoạch hoạt động 2018

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- 84 • Báo cáo của Hội đồng quản trị
- 88 • Báo cáo của ban kiểm soát
- 91 • Báo cáo quản trị
- 92 • Quản trị rủi ro
- 97 • Thông tin cổ phiếu và quan hệ cổ đông

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 107 • Điểm qua các con số và Hoạt động tiêu biểu 2017
- 108 • Tầm nhìn, chiến lược Phát triển bền vững của GTNfoods giai đoạn 2018 - 2020

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- 110 • Báo cáo tài chính hợp nhất Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 (Đã được kiểm toán)



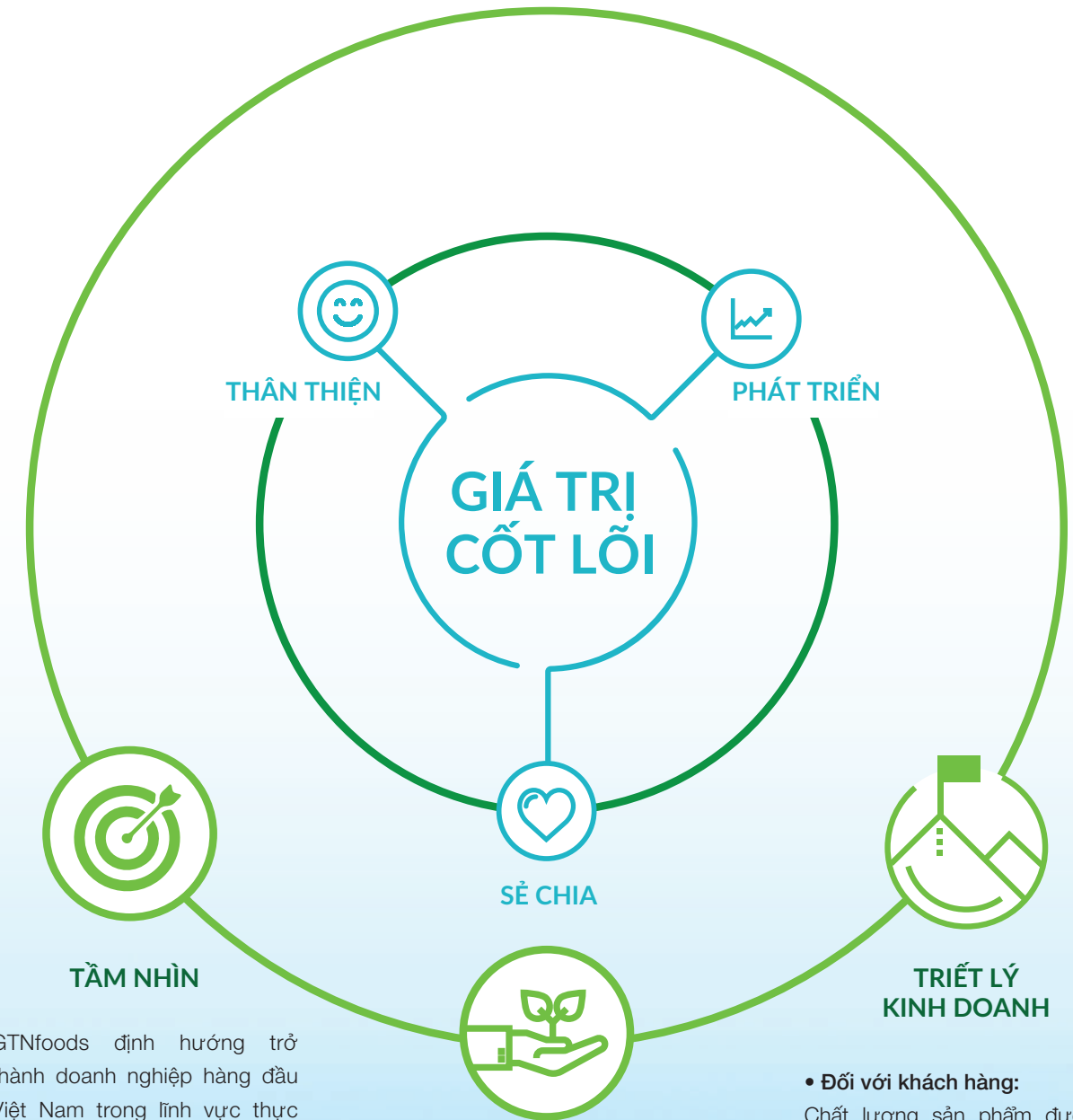
TIÊU ĐIỂM GTNFOODS 2017 & THÔNGIỆP CỦA LÃNH ĐẠO



I. TẦM NHÌN, SỨ MỆNH VÀ TRIẾT LÝ KINH DOANH

“

GTNfoods định hướng trở thành doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực thực phẩm sạch từ chuỗi giá trị nông nghiệp bền vững và khép kín. ”

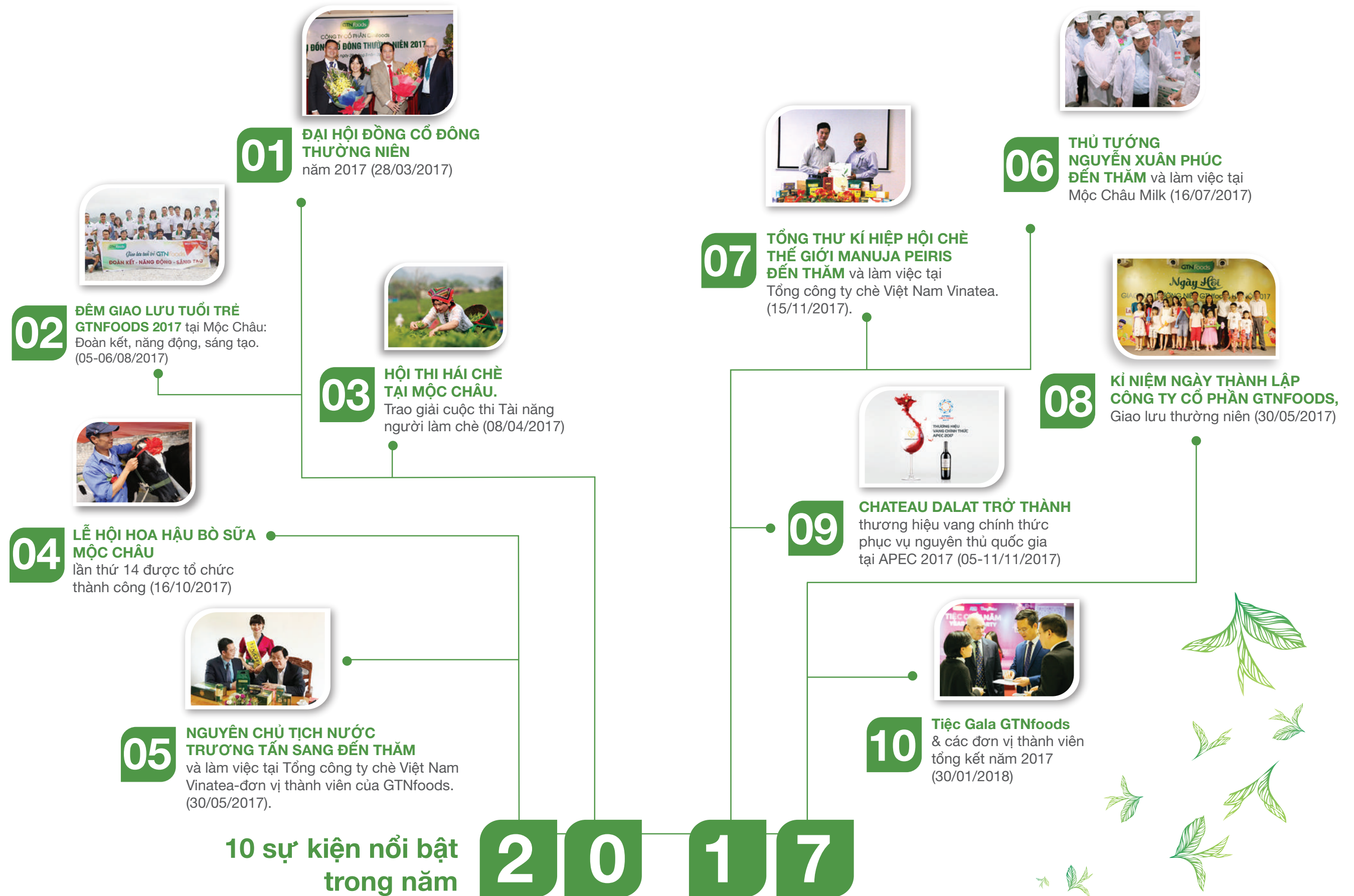


GTNfoods định hướng trở thành doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực thực phẩm sạch từ chuỗi giá trị nông nghiệp bền vững và khép kín. Trọng tâm là sản xuất và phân phối các sản phẩm thực phẩm gồm Sữa và Trà với mục tiêu phát triển cùng cộng đồng, thân thiện và bảo vệ môi trường, mang lại lợi ích tốt nhất cho khách hàng, nhà đầu tư, người lao động và toàn xã hội.

GTNfoods luôn sáng tạo, đổi mới và phát triển không ngừng nhằm khẳng định giá trị và sứ mệnh của một doanh nghiệp Việt, tiên phong đưa các thương hiệu thực phẩm sạch Việt Nam vươn cao ở thị trường trong nước và quốc tế. Với mục tiêu tăng trưởng xanh và bền vững, GTNfoods hướng tới sức khỏe cộng đồng, sự thân thiện với môi trường và các hoạt động mang tính lan tỏa cao trong xã hội.

- **Đối với khách hàng:**
Chất lượng sản phẩm được đặt lên hàng đầu.
- **Đối với nhân viên:**
Đời sống của nhân viên là trách nhiệm ưu tiên.
- **Đối với các cổ đông:**
Đảm bảo lợi ích lâu dài cho các cổ đông.
- **Đối với xã hội:**
Thành quả của doanh nghiệp luôn gắn kết với cộng đồng.

II. ĐIỂM NHẤN VÀ CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT



III. THÔNG điệp CỦA LÃNH ĐẠO

Kính thưa quý Cổ đông,
Nhà đầu tư, các Đối tác và Khách hàng
cùng toàn thể Cán bộ Công nhân viên thân mến,

Năm 2017, GTNfoods đã bước những bước lớn trên chặng đường tái cơ cấu các mảng kinh doanh cốt lõi theo chiến lược trở thành một công ty thực phẩm sạch là Sữa Mộc Châu, Trà Vinatea và Vang Đà Lạt với chuỗi giá trị nông nghiệp khép kín, định hướng phát triển bền vững, đây cũng là tôn chỉ hàng đầu mà chúng tôi theo đuổi.



Ông TẠ VĂN QUYỀN

Chủ tịch hội đồng quản trị

Nền kinh tế Việt Nam cũng đánh dấu bước chuyển mình trong năm 2017 khi tăng trưởng GDP đạt 6,81%, cùng với đó là sự tăng trưởng ngoạn mục của tầng lớp trung lưu báo hiệu sự nở rộ của ngành hàng thực phẩm sạch và có lợi cho sức khỏe. Thị trường ngành sữa Việt Nam trong giai đoạn 2011-2015 tăng trưởng bình quân 17% mỗi năm, dự đoán trong những năm tới tiếp tục tăng trung bình 9%/năm và đạt mức 27-28 lít/ người/ năm vào năm 2020. Các nước trong khu vực như Hàn Quốc, Nhật Bản và Trung Quốc có mức tiêu thụ sữa trung bình trên đầu người lần lượt là 76 lít, 89 lít và 39 lít, điều này cho thấy tiềm năng phát triển của ngành sữa tươi sạch Việt Nam đang rộng mở phía trước.

Điểm nổi bật trong năm 2017 của Mộc Châu Milk là đã nỗ lực trong hoạt động sản xuất kinh doanh với kết quả tăng trưởng doanh thu đạt mức tăng trưởng chung của ngành và 6% tăng lợi nhuận thuần sau thuế, dù thị trường cạnh tranh gay gắt. Số lượng điểm bán hàng của Mộc Châu Milk đã tăng 10%, hệ thống Horeka, phân phối tại các trường học cũng được phát triển nhanh chóng. Hoa hậu bò sữa lần thứ 14, được tổ chức thành công vào tháng 10 năm 2017, đã thu hút 700 hộ chăn nuôi bò sữa tại Mộc Châu, cộng đồng cư dân và hàng ngàn khách du lịch. Đây là hoạt động văn hóa thường niên nhằm tôn vinh và quảng bá môi trường đặc sắc của vùng thảo nguyên Mộc Châu, với những người nông dân và đàn bò sữa mang đẳng cấp quốc tế. Ngoài ra, ban lãnh đạo của Mộc Châu Milk đẩy mạnh việc thường xuyên gặp gỡ và trao đổi kinh nghiệm cùng các chuyên gia trong ngành đến từ Mỹ, Hàn Quốc, Thụy Điển,...

Cùng những tín hiệu đáng mừng của ngành sữa, thị trường chè cũng khởi sắc khi nhu cầu tiêu thụ toàn cầu đang ngày càng tăng cao, cho thấy xuất khẩu chè của Việt Nam sẽ có nhiều triển vọng, trong đó ba thị trường xuất khẩu lớn nhất bao gồm Pakistan, Đài Loan và Nga. Năm 2017 là một năm thành công với Vinatea khi đạt được Chứng nhận Nông nghiệp bền vững RA cho các vùng chè chính, Chứng nhận thực hành sản xuất nông nghiệp tốt tại Việt Nam – Nhóm sản phẩm trồng trọt VIETGAP cho hầu hết các vùng nguyên liệu chè đang khai thác. Tổng doanh thu bán chè tăng 33%, trong đó chè thô tăng 34% và đóng góp 93,7% tỷ trọng, chè thương hiệu chiếm 6%. Năng lực bán hàng tăng từ 4.000 tấn 1 năm từ giai đoạn trước khi cổ phần hóa lên 10.000 tấn 1 năm. Ngoài các thị trường xuất khẩu truyền thống, các sản phẩm chè Vinatea đã được mở rộng tới các nước khó tính hơn như Anh, Mỹ, Nhật và Thụy Điển. Đặc biệt chú trọng phát triển tại các thị trường đem lại giá trị thặng dư cao hơn như Mỹ, Đài Loan và Nga; thị trường truyền thống Trung Đông phát triển thêm các khách hàng mới tại Jordan, UAE. Dù chặng đường phía trước còn nhiều gian nan và thử thách, GTNfoods vẫn đang vững vàng tiếp tục tiến lên, phần nào được thể hiện qua những thành quả đạt được và kết quả kinh doanh 2017. Doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn năm 2017 tăng xấp xỉ 2.000 tỷ đồng, tương ứng tăng 108% doanh thu cùng kỳ. Tỷ trọng doanh thu từ các mảng kinh doanh cốt lõi tăng 2.586 tỷ đồng, tương ứng 687% so với cùng kì. Tỷ suất lợi nhuận gộp tăng từ 4% lên 12% là thành quả của việc chuyển dịch cấu trúc mặt hàng từ dần trái sang tập trung vào các ngành hàng cốt lõi Sữa Mộc Châu và Trà Vinatea. Lợi nhuận sau thuế đạt 152 tỷ, tăng 136 tỷ VND tương ứng 850% so với 2016, lợi nhuận thuộc Cổ đông công ty mẹ đạt 40,4 tỷ.

GTNfoods luôn mong muốn mang lại cho cộng đồng nguồn thực phẩm thật sự tốt và chất lượng. Các sản phẩm sữa của Mộc Châu Milk đều được sản xuất 100% từ nguồn sữa tươi nguyên chất mát lạnh của những cô bò tại cao nguyên Mộc Châu. Các dòng sản phẩm trà thương hiệu của Vinatea đến từ các vùng nguyên liệu sạch - đạt chứng nhận RA về phát triển nông nghiệp bền vững.. GTNfoods đã, đang và sẽ tạo ra những thế hệ thực phẩm Việt Nam an toàn, tươi ngon, tốt cho sức khỏe đến với người tiêu dùng.

Bằng những hạ tầng doanh nghiệp đã có, Ban Lãnh Đạo GTNfoods trẻ, nhiệt huyết, ham học hỏi, đã đúc rút nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực nông nghiệp và thực phẩm, đội ngũ CBCNV nhiệt huyết, cố gắng cùng tạo nên một tập thể cùng nỗ lực hết mình. GTNfoods quyết tâm vượt qua mọi rào cản, thử thách, đạt được mục tiêu đã đề ra trong thời gian tới nhằm xây dựng nền tảng phát triển trong tương lai:

- Tập trung đầu tư mạnh vào hoạt động sữa, gia tăng tỷ lệ sở hữu trực tiếp và gián tiếp vào Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu. Đẩy mạnh thoái vốn vào các khoản đầu tư ngoài hoạt động kinh doanh cốt lõi. Mục tiêu vốn hóa thị trường đến năm 2020 trên 10,000 tỷ VND.
- Đối với Mộc Châu Milk: Tái định vị thương hiệu, đẩy mạnh Marketing thông qua việc phát triển hoạt động bán hàng, tăng cường điểm bán, mở rộng kênh bán hàng hiện đại. Đặt mục tiêu tăng trưởng doanh thu 15%-20% một năm. Đẩy mạnh gia tăng đàn bò với mục tiêu đạt 100.000 con vào năm 2030.
- Đối với Vinatea: Tiếp tục phát triển quy trình canh tác nông nghiệp đạt tiêu chuẩn Quốc tế. Nâng cao xuất khẩu chè nguyên liệu vào các thị trường khó tính với tỷ suất lợi nhuận cao. Đẩy mạnh mảng chè thương hiệu, xây dựng kênh phân phối, gia tăng hiện diện trên thị trường Việt Nam và quốc tế.
- Đối với Ladofoods: Cùng hỗ trợ, hợp tác phát triển nhằm nâng giá trị lợi nhuận mà Vang Đà Lạt đóng góp cho Tập đoàn.

Thay mặt Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ nhân viên của Công ty Cổ phần GTNfoods, tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc tới các quý Cổ đông, Nhà đầu tư, Khách hàng và các Đối tác đã luôn tin tưởng, ủng hộ, đồng hành cùng chúng tôi. Hy vọng rằng quý vị sẽ tiếp tục kề vai sát cánh cùng chúng tôi vì sự phát triển bền vững hơn của chúng ta trong tương lai. GTNfoods sẽ tiếp tục phát huy năng lực mạnh mẽ hơn nữa theo những định hướng và tôn chỉ của mình đã đề ra.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công.
Trân trọng cảm ơn!
Chủ tịch Hội đồng quản trị.



Tiến sĩ **MICHAEL LOUIS ROSEN**

Giám đốc điều hành

Kính gửi các cổ đông của GTNfoods,

Khi chọn “Mountain Fresh, Mountain Good” là câu chủ đề của Báo Cáo Thường Niên GTNfoods 2017, tôi hy vọng sẽ thể hiện được những gì mà GTNfoods đang và trong niềm tin của tôi, sẽ thành công trong việc đưa những sản phẩm thực phẩm sạch có giá trị cao của Việt Nam đến tay người tiêu dùng trong nước và quốc tế.

Dòng suy nghĩ của tôi bắt đầu đến với Mộc Châu Milk, vùng đất trù phú nép mình trong những dãy núi, thung lũng Mộc Châu và vùng lân cận khu vực Sơn La.

Các đồn điền quan trọng nhất của Vinatea là ở Mộc Châu và vùng núi Phú Thọ.

Tiếp nối mạch suy tư, tôi nghĩ tới Vang Đà Lạt, một thương hiệu thuộc quyền sở hữu của chúng ta - cũng nằm ở vùng núi Đà Lạt.

Các vùng núi của Việt Nam hình thành nên từng sản phẩm cốt lõi của GTNfoods.

Những vùng cao nguyên, thảo nguyên xanh tốt này mang ý nghĩa vô cùng quan trọng với GTNfoods, mà những vùng núi khác không đủ điều kiện để đáp ứng.

Không khí tươi mát. Đất đai “sạch” và màu mỡ. Người dân nơi đây cần cù, chân chất, trung thực. Và như một bằng chứng, đàn bò sữa của Mộc Châu là đàn bò sữa tốt nhất ở Việt Nam; sản lượng sữa của mỗi một con bò sữa tại đây cao hàng đầu Việt Nam; tỷ lệ chất béo cao trong từng lít sữa bò nguyên chất. Các sản phẩm chè của chúng ta thật là tuyệt vời, 10.000 tấn chè hảo hạng mà Việt Nam có thể cung cấp cho thị trường trong nước và thế giới hằng năm.

Khi bắt đầu một cuộc hành trình, bạn phải có một ý tưởng rõ ràng và kiên định: Tại sao bạn muốn đến nơi đó? Bạn đã xây dựng kế hoạch cụ thể và hoàn hảo như thế nào để có thể đi tới đích? Nếu bạn không đi tới đích, bạn đã thất bại.

Tầm nhìn và sứ mệnh của công ty là tài sản quan trọng nhất. Nhà quản lý phải đưa ra một tầm nhìn và sứ mệnh có khả năng dẫn tới thành công, và sau đó đặt ra các mục tiêu và chiến lược để biến giấc mơ thành hiện thực.

GTNfoods may mắn sở hữu những sản phẩm thực phẩm sạch tuyệt vời không gì sánh bằng và cơ hội đưa chúng tới gần hơn với người tiêu dùng Việt Nam và quốc tế. Trách nhiệm của GTNfoods là khác biệt hóa từng sản phẩm và đạt được đẳng cấp giá trị thương hiệu nhất định trong cộng đồng người tiêu dùng, phản ánh sự ưu việt vốn có của những sản phẩm này.

Chúng tôi nhận thức được trách nhiệm lớn lao này, và các bạn có quyền tiếp tục trao cho chúng tôi các trách nhiệm này trong năm 2018 và xa hơn thế nữa.

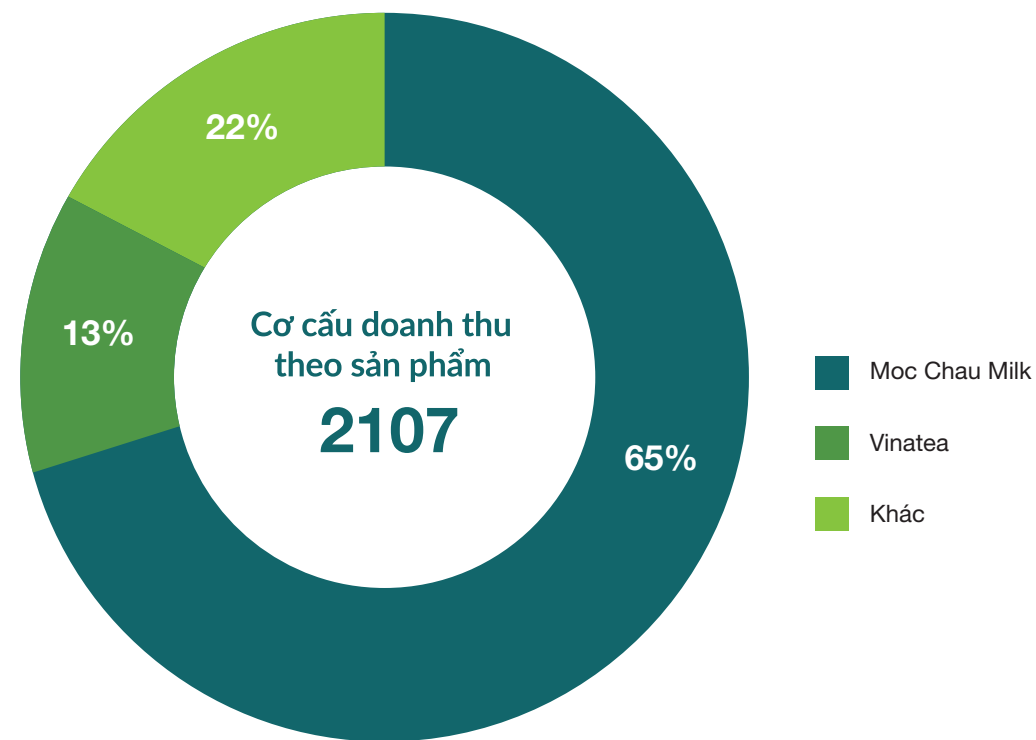
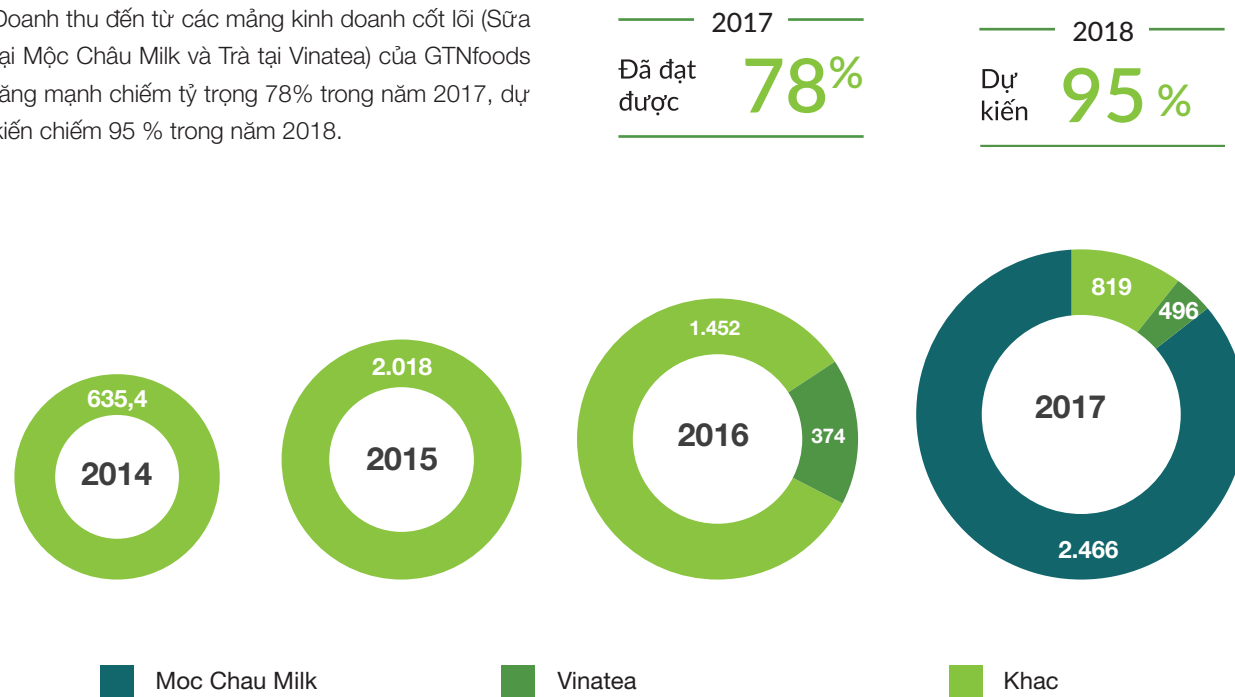
Trân trọng,
Tiến sĩ Michael Louis Rosen - Giám đốc điều hành



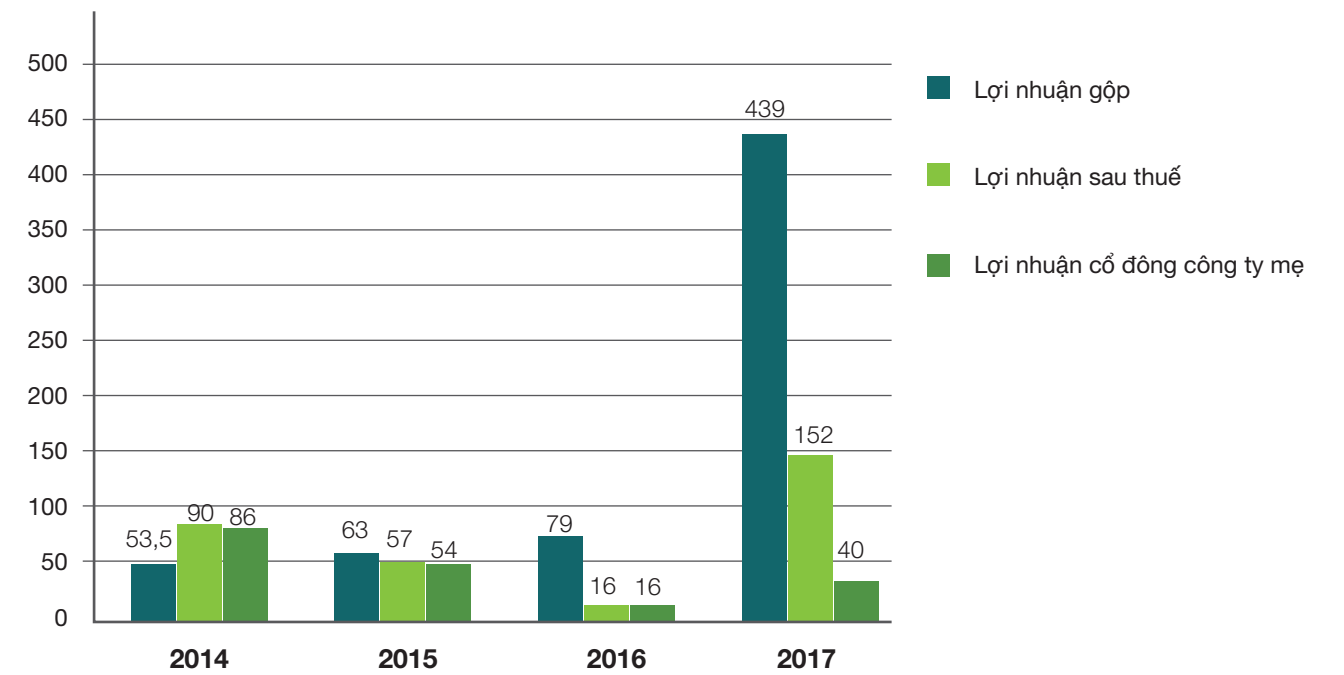
IV. CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH

Tăng trưởng doanh thu thuần qua các năm

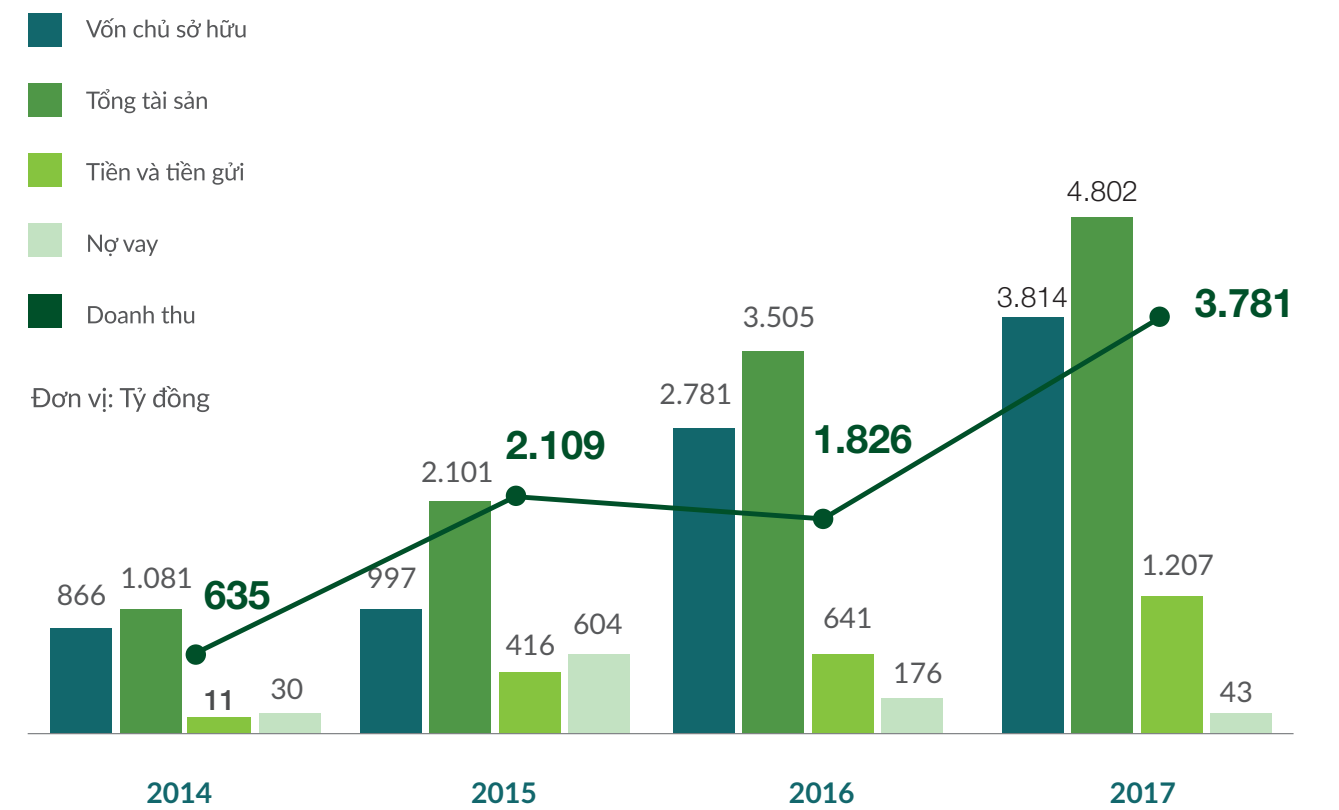
Doanh thu đến từ các mảng kinh doanh cốt lõi (Sữa tại Mộc Châu Milk và Trà tại Vinatea) của GTNfoods tăng mạnh chiếm tỷ trọng 78% trong năm 2017, dự kiến chiếm 95 % trong năm 2018.



Lợi nhuận qua các năm

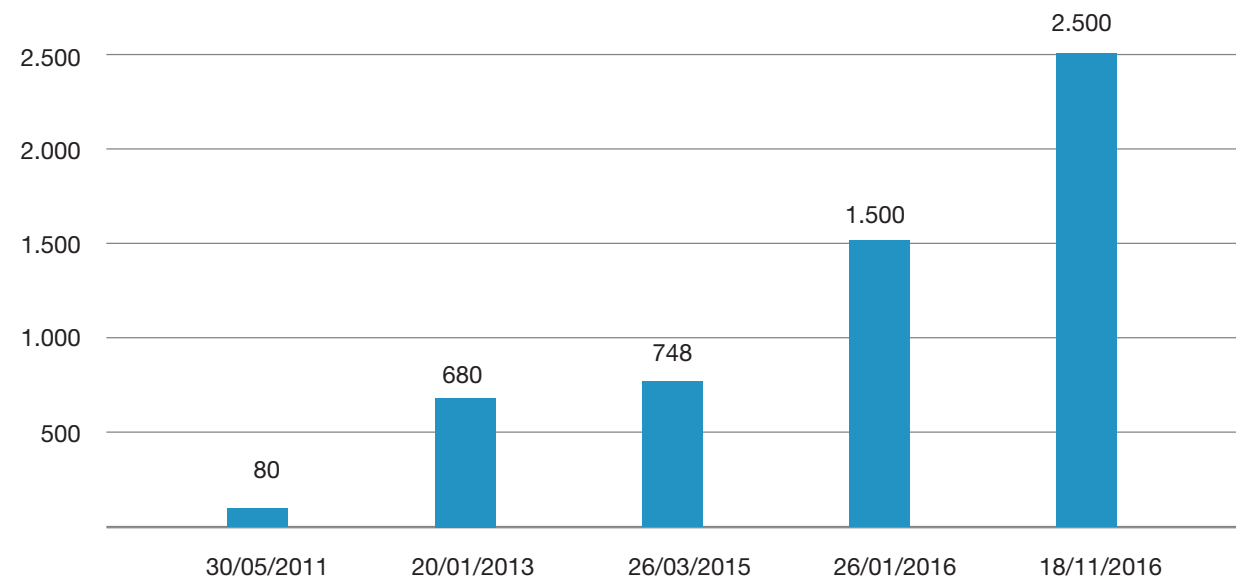


Biến động tài sản qua các năm



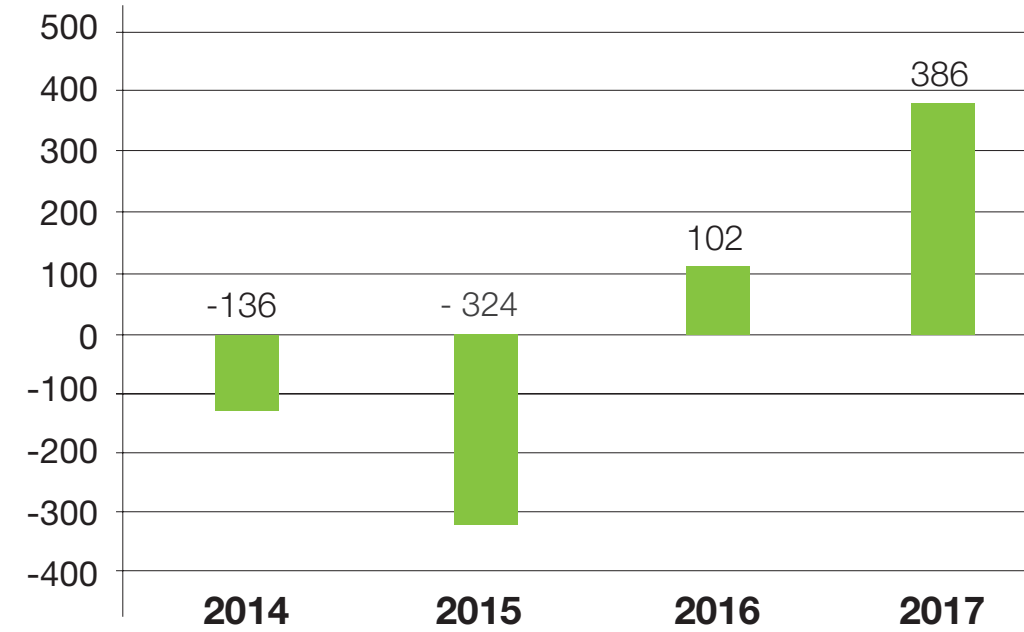
Quá trình thay đổi vốn điều lệ

Đơn vị: Tỷ đồng



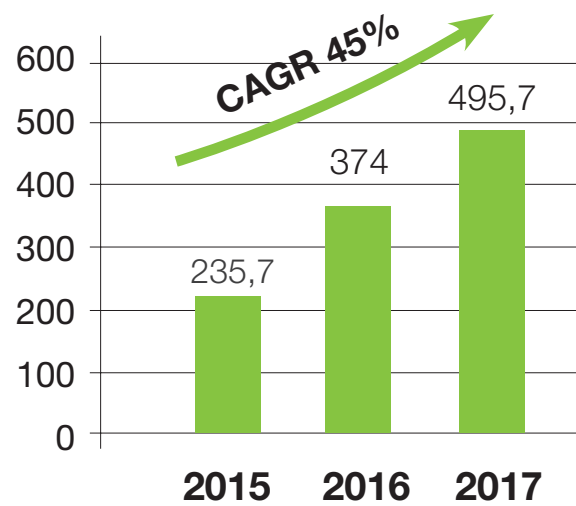
Dòng tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất

Đơn vị: Tỷ đồng



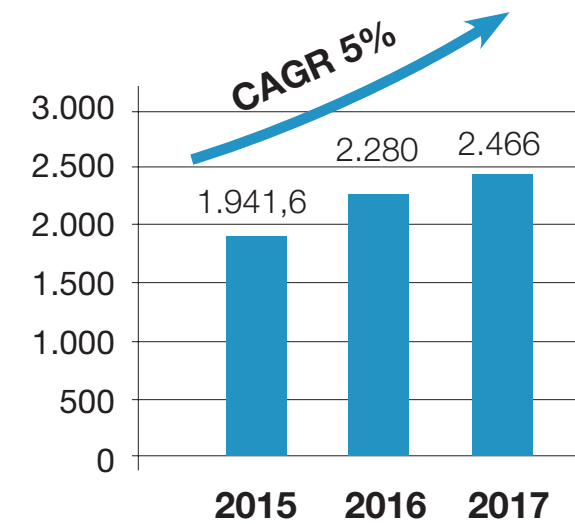
Tăng trưởng doanh thu thuần Vinatea

Đơn vị: Tỷ đồng



Tăng trưởng doanh thu thuần Mộc Châu Milk

Đơn vị: Tỷ đồng



GIỚI THIỆU VỀ GTNFOODS

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS
Tên tiếng Anh	GTNFOODS JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	GTNfoods
Mã cổ phiếu	GTN được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo quyết định số 367/QĐ-SGDHCM ngày 23/09/2014
Giấy phép đăng kí kinh doanh và mã số thuế	0105334948 đăng kí ngày 30 tháng 05 năm 2011. Đăng ký thay đổi lần thứ 14 vào ngày 17 tháng 11 năm 2016
Vốn điều lệ	2.500.000.000.000 đồng
Địa chỉ	92 Võ Thị Sáu, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
Số điện thoại	(84-24) 6276 6366
Số fax	(84-24) 6276 6466
Email	info@gtnfoods.com.vn
Website	www.gtnfoods.com





**Tươi ngon thuần khiết
Năng lượng dồi dào**



2. Các ngành hàng kinh doanh chính của GTNfoods

Từ một công ty đầu tư đa ngành đa nghề trong quá khứ, từ năm 2014, xác định tiềm năng và cơ hội phát triển của ngành thực phẩm hàng tiêu dùng và nông nghiệp, Ban lãnh đạo GTNfoods đã đưa ra một quyết định táo bạo và mang tính lịch sử trong sự phát triển của Tập đoàn, chiến lược phát triển của GTNfoods đã thay đổi hoàn toàn từ năm 2014 tới nay, khi đó là tập trung đầu tư và phát triển theo định hướng với mục tiêu trở thành một doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực thực phẩm sạch với chuỗi giá trị nông nghiệp bền vững và khép kín, thông qua việc thực hiện các thương vụ đầu tư, mua bán sáp nhập các công ty tiền thân thuộc Nhà nước với bề dày lịch sử hoạt động, thương hiệu phổ biến, cơ sở hạ tầng tốt, nhưng gặp nhiều rào cản trong hệ thống quản trị, phát triển kênh phân phối, bán hàng và marketing.

Lần lượt đầu tư vào các doanh nghiệp tiền thân từ các công ty nhà nước là Công ty cổ phần Thực Phẩm Lâm Đồng (Ladofoods) với sản phẩm ghi dấu ấn tên tuổi trên thị trường là Vang Đà Lạt; Tổng công ty Chè Việt Nam – CTCP (Vinatea) và gián tiếp sở hữu Sữa Mộc Châu thông qua Tổng công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (Vilico), GTNfoods đã hoàn thiện “bức tranh tổng thể” với 4.700 ha đồi chè khắp cả nước, đàn bò sữa hơn 23.000 con cùng hơn 1.000 ha đất nông nghiệp tập trung ở Mộc Châu kết hợp với trên 4.000 ha của các nông hộ liên kết, và vùng nguyên liệu nho đang mở rộng lên tới 100 ha tại Ninh Thuận. Các vùng nguyên liệu nông nghiệp sạch này có quy trình nông nghiệp được quản lý chặt chẽ, khép kín với quy trình sản xuất đảm bảo chất lượng tới tận tay người tiêu dùng cuối cùng, chính là các bộ phận cho GTNfoods phát triển trong ngành thực phẩm sạch tại Việt Nam.

Hiện nay GTNfoods đã trở thành một Tập đoàn thực phẩm sạch với chuỗi giá trị nông nghiệp bền vững và khép kín với các mảng kinh doanh chính là Sữa Mộc Châu, Trà Vinatea và Vang Đà Lạt, là những thương hiệu đã có từ lâu đời và được đánh giá cao tại thị trường trong nước và quốc tế.



Sữa tươi thanh trùng không đường

Sữa tươi thanh trùng có đường

Sữa tươi thanh trùng có đường

Sữa tươi thanh trùng không đường

SỮA TƯƠI THANH TRÙNG MỘC CHÂU MILK

100%

TỪ SỮA BÒ TƯƠI NGUYÊN CHẤT



Sữa tươi tiệt trùng dừa



Sữa tươi tiệt trùng chuối



Sữa tươi tiệt trùng cam



Sữa tươi tiệt trùng dâu



Sữa tươi tiệt trùng sôcôla



Sữa tươi tiệt trùng có đường



Sữa tươi tiệt trùng không đường



Sữa tươi tiệt trùng đại mạch



Từ khát khao
SỮA SẠCH
 đến ước mơ

ĐẠI NÔNG TRƯỜNG
100.000 CON BÒ SỮA



Sữa chua uống tiệt trùng vị cam



Sữa chua uống tiệt trùng vị dâu



Sữa chua uống tiệt trùng vị ổi



Sữa chua có đường



Sữa chua không đường



Sữa chua hoa quả



Sữa chua nha đam



Sữa Chua nếp cẩm



Sữa bánh đặc sản Mộc Châu

TRÀ AN TOÀN CHO SỨC KHỎE



Bạch Trà Nén



Trà Hương Việt



Bạch Trà



Trà Oolong thượng hạng



Trà Oolong



Trà Vân Sơn



Trà Hoa Nhài

Trà An Toàn Cho Sức Khỏe



Trà Thái Nguyên túi lọc



Trà Thái Nguyên sợi rời



Trà Đen Hảo Hạng



Trà Ngũ Ngon



Trà gừng



Trà Hoa Cúc Mật

II. CÁC CỘT MỐC PHÁT TRIỂN CỦA TẬP ĐOÀN



Bác Hồ thăm xưởng sản xuất chè Vinatea



Bác Hồ thăm sữa Mộc Châu

1959



Bác Hồ thăm xưởng sản xuất chè Vinatea

Công ty Cổ phần GTNfoods được thành lập ngày 30/05/2011, với vốn điều lệ 80 tỷ đồng, chuyên hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực như sản xuất tre công nghiệp, xây dựng hạ tầng, khoáng sản, vật liệu xây dựng, nhựa, nông sản và thực phẩm.

30/05/2011

07/2013

GTNfoods mua cổ phần của Công ty Cổ phần Thực Phẩm Lâm Đồng (Ladofoods).



Chính thức niêm yết trên HOSE với mã chứng khoán GTN. Cũng trong năm này, Công ty đã xác định lại chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp, đẩy mạnh đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp và hàng tiêu dùng.

05/2014

03/2015

GTNfoods nâng tỷ lệ sở hữu tại Ladofoods lên 35%.



GTNfoods mua cổ phần của Vinatea với tỷ lệ sở hữu đạt 75%

12/2015

Quý I năm 2016

GTNfoods nâng tỷ lệ sở hữu tại Vinatea lên 95%.



GTNfoods phát hành cổ phần riêng lẻ từ 752 tỷ lên 1500 tỷ với sự tham gia của các cổ đông chiến lược Invest Tây Đại Dương, TAEL, SNET.

26/01/2016

18/11/2016

GTNfoods phát hành cổ phần riêng lẻ lần thứ hai trong vòng 1 năm từ 1500 tỷ lên 2500 tỷ với sự tham gia của các cổ đông hiện hữu là Invest Tây Đại Dương, TAEL và các cổ đông tổ chức mới là PEMN, Kingsmead, Probus, Hanil Feeds.



GTNfoods sở hữu 65% Vilico qua đó hợp nhất Mộc Châu Milk.

01/2017

11/2017

GTNfoods nâng tỷ lệ sở hữu tại Vilico lên 73,72%.

Sau một thời gian dài tiến hành M&A, tổng tài sản của GTNfoods tính đến cuối năm 2017 đạt 4.802 tỷ đồng, tăng gần 1.300 tỷ đồng so với đầu năm, nguồn vốn chủ sở hữu cũng tăng mạnh 1.032 tỷ đồng so với đầu kỳ, lên mức 3.814 tỷ đồng.

Năm 2017 GTNfoods đạt gần 3.781 tỷ đồng doanh thu, tăng 108% so với cùng kỳ năm 2016. Lợi nhuận sau thuế thu về 152 tỷ đồng, tăng 850%. Lợi nhuận sau thuế thuộc cổ đông công ty mẹ đạt hơn 40,4 tỷ đồng, tăng 159% so với năm 2016.

CÁC THÀNH TỰU PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM NỔI BẬT



Năm 2007

Mộc Châu Milk đạt giải thưởng Sao Vàng Đất Việt lần 1 năm 2007. Lần 2 năm 2009.



Tháng 07/2011

Các sản phẩm của Mộc Châu Milk đạt giải thưởng hàng Việt Nam được người tiêu dùng Thủ Đô yêu thích.



13/11/2015

Các sản phẩm của Mộc Châu Milk được vinh dự nhận giải thưởng Bông Lúa Vàng lần thứ 2 năm 2015.



23/12/2015

Đạt được Chứng nhận thực hành sản xuất nông nghiệp tốt tại Việt Nam – Nhóm sản phẩm trồng trọt VIETGAP cho hầu hết các vùng chè đang khai thác.



16/12/2016

Thương hiệu Chateau Dalat của nhà làm vang Ladora Winery đã chính thức được trưởng ban tổ chức Cuộc thi Vang Quốc tế Cathay Pacific 2016 trao giải Bạc, sau khi so sánh thử mù giữa dòng Chateau Dalat Signature Shiraz với 4 sản phẩm đến các quốc gia khác như Pháp, Úc, Chile, Nam Phi trong cùng phân khúc giá

Năm 2011

Các sản phẩm của Mộc Châu Milk đạt giải thưởng Hàng Việt Nam chất lượng cao lần thứ 1 năm 2011, lần 2 năm 2012, lần 3 năm 2013, lần 4 năm 2015.



Năm 2014

Các sản phẩm của Mộc Châu Milk lọt Top 10 thương hiệu phát triển bền vững sản phẩm chất lượng cao.



25/11/2016

Tổng Công ty Chè Việt Nam (Vinatea) tổ chức sự kiện mang đậm giá trị văn hóa và cảm xúc với chủ đề “Điều kỳ diệu thiên nhiên ban tặng”, Vinatea giới thiệu đến công chúng những kết quả đầu tiên của cuộc đổi mới toàn diện và đánh dấu cột mốc đầy ý nghĩa tái định vị thương hiệu trên thị trường, cho ra mắt các sản phẩm trà thương hiệu Vinatea, đồng thời định hướng chiến lược kinh doanh mới



Quý 3 năm 2017

Các vùng chè chính của Vinatea đạt được chứng chỉ quốc tế Rainforest Alliance về phát triển nông nghiệp bền vững. Để đạt được chứng chỉ này doanh nghiệp phải đạt được những yêu cầu khắt khe trong tất cả các khâu từ công tác nông nghiệp đến công nghiệp theo tiêu chuẩn mạng lưới nông nghiệp bền vững SAN (Sustainable Agriculture Network). Bên cạnh đó, các yếu tố về cơ sở vật chất, nhà xưởng, hệ thống quản lý nội bộ hay hệ thống tài liệu lưu trữ cũng cần được tuân theo các quy định của tiêu chuẩn SAN.





III. MỘC CHÂU MILK



> 60.000
Điểm bán

23.000
Bò sữa

Sản lượng
~ 100.000
tấn sữa tươi/năm

Được thành lập ngày 08/04/1958, Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu, tiền thân là Nông trường Mộc Châu là đơn vị đầu tiên khai mở ra ngành chăn nuôi và sản xuất sữa công nghiệp tại Việt Nam.

Cách Hà Nội gần 200 km về phía Tây Bắc, Mộc Châu, cao nguyên xanh mướt là nơi được thiên nhiên ban tặng cho đất đai màu mỡ, khí hậu quanh năm trong lành mát mẻ. Một ngày ở Mộc Châu có thể hội tụ đủ 4 mùa xuân - hạ - thu - đông, một trong những vùng đất hiếm hoi phù hợp với việc phát triển đàn bò sữa tại Việt Nam. Nhiều chuyên gia chăn nuôi đánh giá, cùng với Đà Lạt, Mộc Châu là vùng đất tốt nhất để có thể phát triển đàn bò sữa quy mô lớn.

Không chỉ có vùng thảo nguyên xanh với những đồi cỏ, đồi ngô xanh mướt, Mộc Châu Milk còn phải kể đến những nông trại bò sữa có quy mô lớn được vận hành theo quy chuẩn quốc tế, không khác nhiều so với các trại bò sữa tại Hàn Quốc hay Australia cùng sự tận tụy của những người nông dân. Năm 1987 - 1988, khi chuyển đổi sang cơ chế khoán hộ đến tận những người chăn nuôi bò sữa, đàn bò của Mộc Châu Milk tăng trưởng không ngừng, đến nay đã đạt hơn 23.000 con, năng suất bình quân đạt ~26 lít sữa/con/ngày. Toàn bộ sữa vắt ra từ đàn bò, đi thẳng tới nhà máy để cho ra dòng sữa thương phẩm Mộc Châu Milk quen thuộc với người tiêu dùng.



Những trang trại bò sữa đạt tiêu chuẩn quốc tế

Không chỉ được thiên nhiên ưu đãi để phát triển vùng nguyên liệu dồi dào, thảo nguyên xanh Mộc Châu còn có những người nông dân chăn bò thật thà, chất phác, chăm chỉ, cần mẫn. Họ kiên trì với con đường mình đã chọn, từng bước xây dựng cho mình những trang trại bò sữa lớn với quy mô từ vài chục con cho đến hàng trăm con. Người nông dân chăn bò ở Mộc Châu sử dụng toàn bộ máy móc hiện đại trong chăn nuôi như: Máy vắt sữa, máy vắt sữa... và cuối cùng phân bổ sau khi thu hoạch cũng được xử lý tự động nhằm đảm bảo môi trường xanh sạch và phục vụ cho việc trồng ngô cỏ, làm thức ăn cho bò.

Lựa chọn mô hình khoán hộ và liên kết bền vững giữa doanh nghiệp và các hộ chăn nuôi bò sữa, Mộc Châu Milk là một chuỗi nông nghiệp khép kín tối ưu. Người dân

được làm sở hữu đàn bò, là người chủ trang trại, họ luôn dốc lòng dốc sức xây dựng và phát triển những tài sản đó. Đồng thời, chăn nuôi bò sữa là công việc mang lại thu nhập cao nhưng cũng đòi hỏi công nghệ cao, bắt buộc, những người chăn nuôi bò sữa cũng phải là những công nhân bậc cao, liên tục trau dồi và học hỏi kiến thức. Mộc Châu Milk thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo kỹ thuật chăn nuôi bò, cùng với đó, tạo điều kiện để người nông dân chăn bò Mộc Châu thường xuyên được đi các nước có nền công nghiệp sản xuất sữa tiên tiến như Mỹ, Úc... để tiếp cận và học tập cách chăn nuôi bò hiện đại của các nước bạn, từ đó áp dụng máy móc hiện đại, các kỹ thuật khoa học vào nuôi bò sữa nhằm nâng cao năng suất, giúp cho sữa bò có chất lượng tốt nhất.

Công ty Cổ phần giống bò sữa Mộc Châu đã đạt được các giải thưởng cao quý là Quả cầu bạc, giải thưởng Chất lượng cao Việt Nam 2001, giải Sao vàng đất Việt năm 2003 do Bộ Khoa học Công nghệ và Môi Trường cấp, giải Cúp Sen Vàng, và cùng nhiều huy chương vàng, bạc và giấy khen khác dành cho các sản phẩm sữa và chế biến từ sữa. Mộc Châu trở thành một trong năm vùng trọng điểm phát triển bò sữa của cả nước. Công ty Cổ phần Giống Bò Sữa Mộc Châu đã và đang được Nhà Nước đầu tư thành trung tâm giống bò sữa của cả nước.

Cái bắt tay bền chặt của người chăn nuôi với doanh nghiệp

Để đẩy mạnh phát triển quy mô đàn bò sữa, Công ty cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu đã chọn cách liên kết bền chặt với người nông dân để cùng phát triển. Theo đó, Mộc Châu Milk sẽ là trung tâm đào tạo kỹ năng và chuyển giao công nghệ chăn nuôi cho người nông dân, giúp họ tiếp cận với khoa học kỹ thuật để sản xuất theo quy mô hàng hóa.

Chính sách phát triển của Mộc Châu Milk là bền vững, nên trong tất cả các khâu chăn nuôi, sản xuất, doanh nghiệp đều đầu tư đồng bộ và chú trọng đến sự gắn kết để đạt chất lượng cao nhất. Minh chứng là hiện nay, sản phẩm sữa do người nông dân đã đến với người tiêu dùng thông qua chuỗi sản xuất - chế biến sâu và kết nối thị trường.

Đặc biệt, đối với một sản phẩm đặc thù gắn bó với ngành nông nghiệp việc đảm bảo để đồng vốn của người nông dân được bảo toàn và phát huy tối đa hiệu quả, Mộc Châu Milk đã trở thành doanh nghiệp đầu tiên ở Việt Nam thành lập quỹ bảo hiểm vật nuôi và bảo hiểm giá sữa từ năm 2004 và đến nay, mô hình của Mộc Châu Milk vẫn là mô hình đáng được học hỏi nhất trong việc quá trình triển khai Bảo hiểm nông nghiệp tại Việt Nam.

Từ cái bắt tay bền chặt của người nông dân với Mộc Châu Milk mà mỗi ngày, sau 2 ca vắt sữa bò, tất cả số sữa thu mua từ 660 trang trại chăn nuôi sẽ được vận chuyển về nhà máy bằng xe chuyên dụng. Tại đây, dây chuyền sản xuất hiện đại với công nghệ sản

xuất sữa theo tiêu chuẩn châu Âu hoạt động tất cả các ngày trong tuần, thậm chí cả ngày nghỉ và lễ tết để đảm bảo các sản phẩm sữa tươi luôn được tươi ngon nhất đưa ra thị trường. Tất cả các hộ chăn nuôi đều áp dụng quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP để đảm bảo chất lượng sữa của đàn bò, kết hợp nguồn thức ăn sẵn có tại Mộc Châu, công ty còn nhập thêm cỏ từ Mỹ với thành phần dinh dưỡng cao, tiến hành trộn theo tỷ lệ thích hợp tại nhà máy thức ăn TMR phục vụ cho đàn bò của công ty cũng như của các hộ gia đình.

Song song với liên tục cải tiến trong hệ thống, Mộc Châu Milk cũng tạo động lực cho người lao động bằng hoạt động thường niên là ngày hội Hoa Hậu Bò Sữa. Vào tháng 10 dương lịch hằng năm nông trường Mộc Châu nhận nhíp bởi khách du lịch thập phương và người chăn bò nô nức chuẩn bị từ chăm bẵm, tắm rửa sạch sẽ, chải lông, cắt tỉa móng chân, thoa dầu thơm... để những cô bò có thể tỏa sáng trong ngày hội Hoa hậu bò sữa Mộc Châu - một cuộc thi độc nhất vô nhị ở Việt Nam, tôn vinh nghề chăn nuôi bò sữa, tri ân người nông dân và đàn bò mang đẳng cấp quốc tế của họ, giúp họ thấy được niềm tự hào về nghề nuôi bò sữa. Ngoài ra, mục đích của cuộc thi này là tạo động lực thúc đẩy các hộ chăn nuôi áp dụng các phương pháp cải tiến, công nghệ chăn nuôi hiện đại theo tiêu chuẩn châu Âu và châu Mỹ tạo ra dòng bò hạt nhân cao sản, đồng thời là sân chơi để người chăn nuôi có giao lưu học hỏi, thúc đẩy phong trào thi đua trong lao động sản xuất... và quảng bá thương hiệu sữa Mộc Châu Milk.

Các sản phẩm Sữa “trọn tâm lòng Mộc Châu”

Mộc Châu Milk hiện đang là thương hiệu sữa lớn trên thị trường Việt Nam, đặc biệt tại miền Bắc và Bắc Trung Bộ bởi hương vị sữa đặc trưng thơm ngon tự nhiên, an toàn cho người sử dụng. Mộc Châu Milk sở hữu hệ thống các sản phẩm phong phú được làm từ 100% sữa tươi nguyên chất với chất lượng

đạt tiêu chuẩn quốc tế bao gồm các nhóm sản phẩm sữa nước tiệt trùng, thanh trùng, sữa chua uống, sữa chua ăn,... với nhiều mùi vị, độ ngọt, độ béo khác nhau phù hợp với thị hiếu từng nhóm khách hàng, được người tiêu dùng Việt Nam ưa chuộng rộng rãi. Ngoài ra, Mộc Châu Milk cũng phát triển các sản phẩm từ sữa khác như váng sữa, bơ, bánh sữa, đặc biệt sản phẩm phô mai Tomme được sử dụng tại nhiều chuỗi nhà hàng khách sạn hàng đầu Việt Nam.

Sự kết hợp cùng GTNfoods để hướng tới tương lai Đầu năm 2017, GTNfoods sở hữu 65% cổ phần tại Vilico cũng giúp cho GTNfoods gián tiếp sở hữu 51% cổ phần tại CTCP Giống bò sữa Mộc Châu (Mộc Châu Milk). Mộc Châu Milk đóng góp 2.466 tỷ doanh thu thuần vào kết quả kinh doanh của GTNfoods, giúp tổng doanh thu của toàn tập đoàn cán ngưỡng 3.781 tỷ doanh thu và 439 tỷ đồng lợi nhuận gộp trong năm 2017.

Tới thời điểm hiện tại, Mộc Châu Milk đã có ba trại chăn nuôi tập trung với quy mô 1.000 con bò, tổng cộng khoảng 3.000 con, số lượng bò khoán tại các hộ dân là gần 20.000 con, 1.000 ha đất nông nghiệp tập trung với sản lượng khoảng 100.000 tấn sữa tươi/năm. Công ty dự kiến duy trì tăng trưởng đàn bò 15 - 20% hàng năm, khí hậu thổ nhưỡng mát mẻ, chủ động được nguồn thức ăn sạch góp phần tạo ra được những sản phẩm sữa tươi ngon, tinh khiết nhất, đạt tiêu chuẩn Châu Âu, và dự kiến tăng lên 35000 con vào năm 2020.

Với chiến lược đầu tư trung và dài hạn của GTNfoods vào kiến tạo tổ chức cũng như tái định vị thương hiệu, mở rộng thị trường, Mộc Châu Milk hứa hẹn sẽ có bước chuyển mình ngoạn mục trong tương lai gần trên tất cả các khía cạnh, đặc biệt đạt được kỳ vọng tăng trưởng vượt qua mức trung bình ngành, giữ vững vị thế hàng đầu tại thị trường sữa Việt Nam.



CHUỖI GIÁ TRỊ BỀN VỮNG VÀ KHÉP KÍN CỦA MỘC CHÂU MILK



660
Hộ chăn nuôi bò sữa



1.000
Hecta chăn nuôi



100.000
Tấn sữa / năm

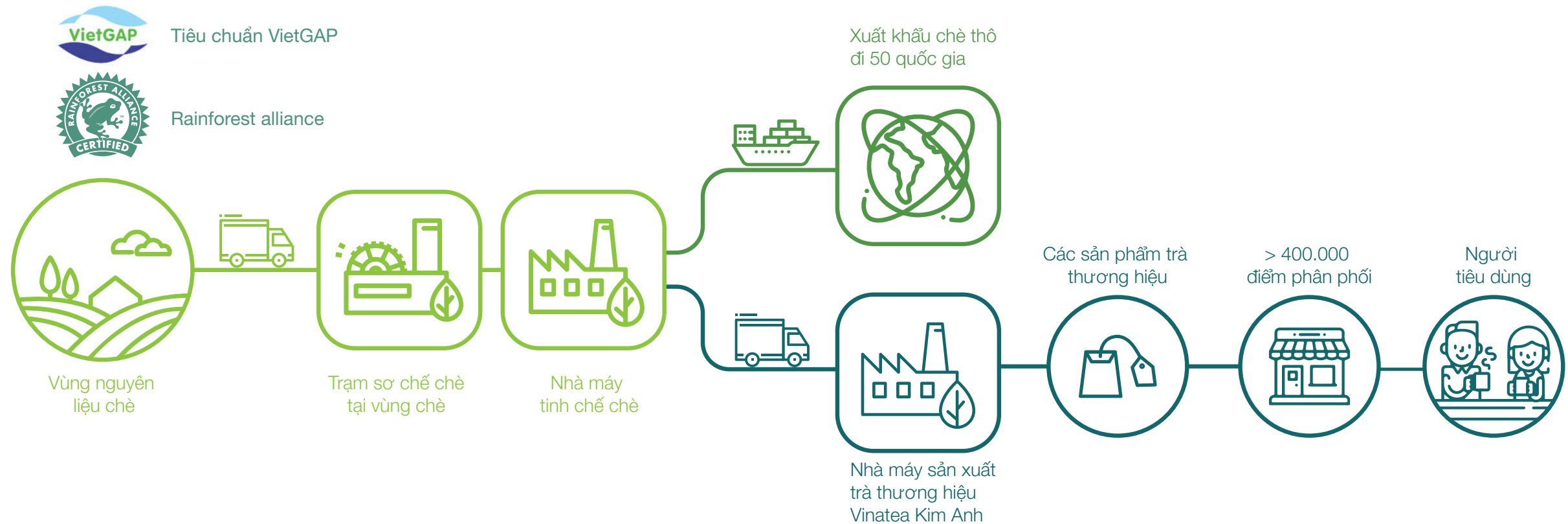


IV. VINATEA

Vùng nguyên liệu chè
4.700 ha

Sản lượng chè
10.000 tấn

Xuất khẩu
> 50 quốc gia



CHUỖI GIÁ TRỊ BỀN VỮNG VÀ KHÉP KÍN CỦA VINATEA

Tổng công ty Chè Việt Nam - CTCP (Vinatea) tiền thân là doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Bộ NN & PTNT được thành lập từ năm 1958 và nhiều năm liền vinh dự nhận được Huân chương lao động hạng 1, 2, 3 cùng bằng khen, cờ thi đua của Chính phủ, của Bộ NN & PTNT sau hơn 50 năm hoạt động. Theo Quyết định 864 của Thủ Tướng Chính phủ về việc chuyển đổi mô hình doanh nghiệp sang công ty cổ phần, tháng 12 năm 2015 Tổng công ty Chè Việt Nam MTV chính thức chuyển đổi mô hình sang Tổng công ty Chè Việt Nam – CTCP, Công ty Cổ phần thừa hưởng tất cả các quyền lợi và nghĩa vụ của Tổng công ty Chè Việt Nam trước đó. Vinatea sở hữu quỹ đất khai thác rộng lớn, vùng nguyên liệu trồng

chè và nhà máy sản xuất chè trải dài khắp các tỉnh phía Bắc với ở các tỉnh Phú Thọ, Mộc Châu, Thái Nguyên, Yên Bái, Nghĩa Lộ, Liên Sơn, Hà Tĩnh, Hà Nội...

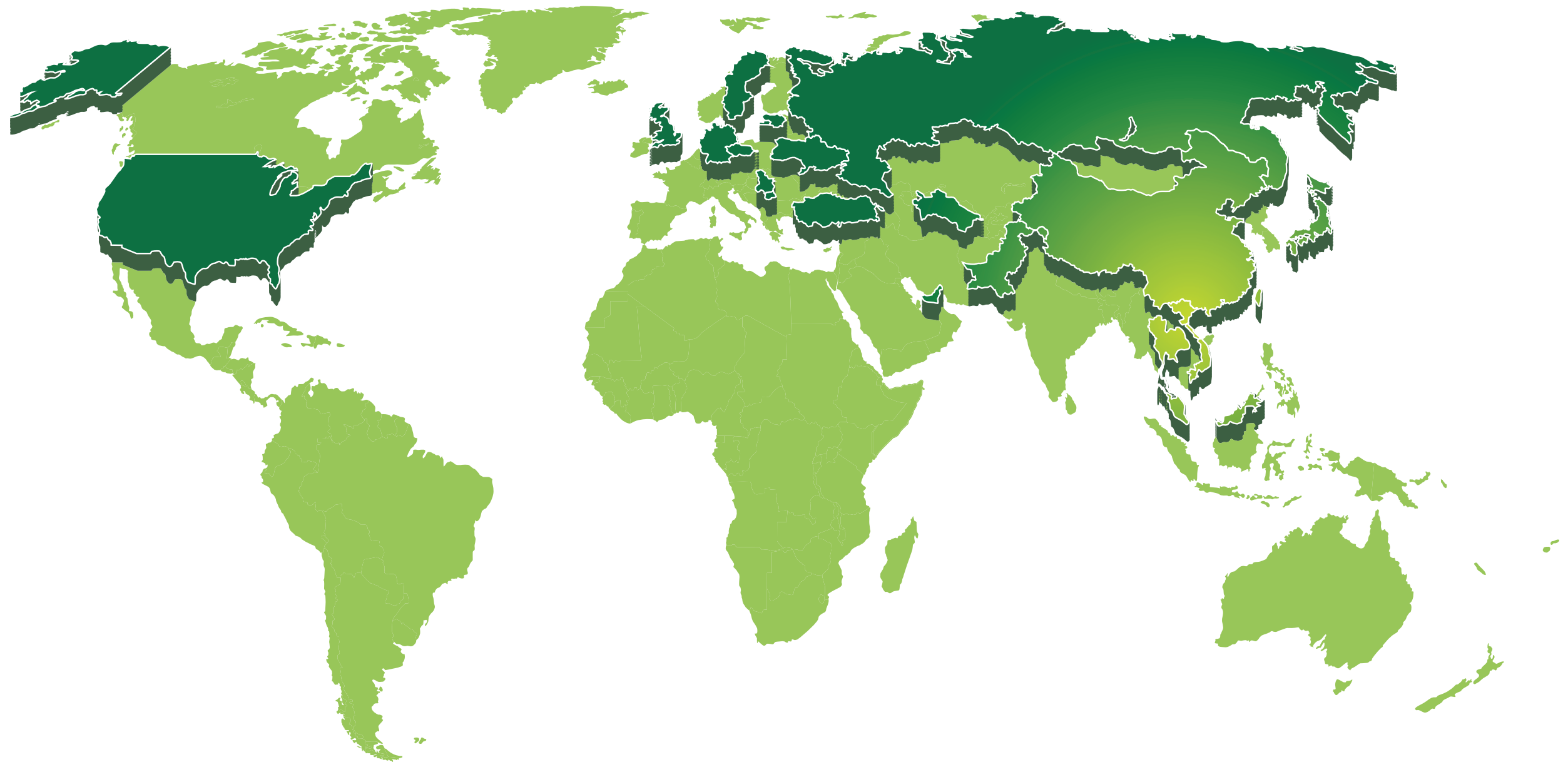
Việt Nam hiện đang là quốc gia xuất khẩu chè thứ 5 trên thế giới, với 124.000 ha diện tích trồng chè, sản lượng đạt trên 500.000 tấn chè khô/năm. Thị trường chè toàn cầu đạt 24,3 tỷ USD trong năm 2016, dự kiến sẽ đạt 37,5 tỷ USD vào năm 2025, với tốc độ tăng trưởng 5%/năm trong giai đoạn từ 2017 - 2025, nhu cầu tiêu thụ chè toàn cầu ngày càng tăng cho thấy xuất khẩu chè của Việt Nam trong thời gian tới có nhiều triển vọng.

Vinatea hiện đang là nhà sản xuất có quy mô và địa bàn hoạt động lớn nhất ngành chè tại Việt Nam với tổng diện tích trồng chè gần 4.700 ha với các vườn chè năng suất cao, chất lượng tốt, các nhà máy chế biến hiện đại, hệ thống phụ trợ và phục vụ sản xuất kinh doanh hoàn chỉnh cùng đội ngũ cán bộ và công nhân có trình độ chuyên môn và tay nghề cao. Tổng sản lượng tiêu thụ của Vinatea ước đạt hơn 8.500 tấn năm 2016, cán mốc 10.000 tấn năm

2017, trong đó, vùng nguyên liệu Mộc Châu đóng góp 30%, Thanh Sơn – Phú Thọ đóng góp 55% và một số vùng chè khác. Dự kiến sản lượng trong các năm tới sẽ tiếp tục tăng do Vinatea mở rộng mảng chè thương mại và đẩy mạnh khai thác các vùng nguyên liệu chè mới. Kết thúc năm 2017, tổng doanh thu của Vinatea đạt gần 500 tỷ đồng, vượt xa con số 375 tỷ của năm 2016.

THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

- Trung Quốc
- Cộng Hòa Séc
- Đông Âu
- Đức
- Nhật Bản **NEW**
- Trung Đông
- Pakistan
- Afghanistan
- Oman
- Nga
- Đông Nam Á
- Thụy Điển **NEW**
- Đài Loan
- Anh Quốc **NEW**
- Mỹ **NEW**



Mảng chè nguyên liệu vẫn đem lại phần lớn doanh thu cho Vinatea, tương đương 93,7% tổng doanh thu. Tận dụng lợi thế quan hệ thương mại rộng khắp toàn cầu với trên 120 công ty và tổ chức thương mại tại trên 50 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong năm 2018, Vinatea sẽ tiếp tục mở rộng thị trường xuất khẩu thông qua việc nâng tỷ trọng doanh thu từ các thị trường tiêu thụ chè lớn như Đài Loan, Nga, Trung Đông, đồng thời hướng tới các thị trường cao cấp như Mỹ, Anh, Nhật Bản và EU. Các sản phẩm chè của Vinatea đạt chất lượng cao, đáp ứng được các yêu

cầu kiểm duyệt gắt gao do đó, giá chè xuất khẩu trung bình của Vinatea thường cao hơn so với mặt bằng giá chung của Việt Nam và đang tịnh tiến về giá chè trung bình của thế giới là \$2,8/kg. Các sản phẩm được khách hàng ưa chuộng bao gồm chè đen chế biến theo công nghệ Orthodox, CTC, chè Oolong, pouchung, chè Gunpowder, chè xanh chế biến theo công nghệ OTD, chè xanh theo công nghệ Nhật Bản, các loại chè được thảo, chè ướp hương hoa quả. Trong nước, Vinatea là nhà cung cấp sản phẩm cho gần 200 công ty kinh doanh chè trên toàn quốc.

Nhìn lại các bước chuyển mình rõ rệt trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Vinatea từ khi GTNfoods tiếp quản, thấy được sự kiện toàn trong bộ máy nhân sự, quy trình quy chế được đảm bảo và đặc biệt, chất lượng sản phẩm được nâng cao một cách rõ rệt do việc kiểm soát quy trình trồng trọt và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật chặt chẽ. Điều này đem lại lợi thế cạnh tranh tốt cho sản phẩm của Vinatea khi đứng trước các thị trường khó tính, có yêu cầu kiểm soát chất

lượng gắt gao đối với sản phẩm nhập khẩu như Mỹ, Anh, Nhật Bản và các nước EU. Đây cũng là thị trường sẽ đem lại giá trị thặng dư cao hơn cho sản phẩm chè của công ty. GTNfoods kỳ vọng với những chiến lược đúng đắn đang được vạch ra và thực hiện, Vinatea sẽ không chỉ chiến thắng trên thị trường chè nguyên liệu, mà còn đưa trà thương hiệu trở thành những sản phẩm thân thuộc trong đời sống hằng ngày của người tiêu dùng thị trường Việt Nam.

THỊ TRƯỜNG TRÀ THƯƠNG HIỆU NỘI ĐỊA

Song song với chiến lược mở rộng thị trường chè nguyên liệu, Vinatea cũng đạt được những thành công đáng kể khi cho ra mắt các sản phẩm trà thương hiệu dành cho thị trường nội địa vào tháng 11/2016, như trà thượng đỉnh (với 4 loại là Bạch Trà Trăm Năm, Trà OoLong Thượng hạng, Bạch Trà Nén và Bộ sản phẩm Trà Hương Việt); dòng trà phổ thông (Trà xanh Thái Nguyên, Trà Hoa Nhài và Trà Đen Thượng hạng); dòng trà thảo mộc (Trà Ngủ ngon, Trà Gừng, Trà Hoa Cúc Mật). Tính đến cuối năm 2017, Vinatea đã ký kết hợp tác phân phối các sản phẩm của mình với một số đơn vị phân phối lớn có thương hiệu với tổng dung lượng ước đạt hơn 400,000 điểm bán hàng. Vinatea kỳ vọng sự hợp tác này có thể đem lại doanh thu và tăng trưởng đều đặn cho trà thương hiệu trong những năm tiếp theo.

Suốt 50 năm lịch sử hoạt động, tôn chỉ trong mọi hoạt động của Vinatea vẫn luôn là không ngừng hoàn thiện để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng; Cung ứng các sản phẩm chất lượng cao, an toàn và thân thiện với môi trường. Trong kế hoạch lớn, Vinatea sẽ phát triển ngành trà thành tổ hợp sản phẩm nông nghiệp - ẩm thực - văn hoá - du lịch, kiến tạo những nguồn cảm hứng mới cho công chúng và nâng cao tầm vóc tương xứng với vị thế của doanh nghiệp quan trọng nhất và lâu năm nhất của ngành trà Việt Nam.

Một số chuỗi nhà hàng khách sạn đang đồng hành sử dụng trà Vinatea như: Metropole, Sheraton, JW Marriott, Sunway Hotel, Sunrise Hội An.

Chuỗi siêu thị có cung cấp trà Vinatea hiện nay: BigC, VinMart, Lanchi, LotteMart, Co.op Mart, TMart, AEON, FiviMart.



V. CÁC LĨNH VỰC KINH DOANH KHÁC

ĐƠN VỊ LIÊN KẾT - LADOFOODS

Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng - Ladofoods được kế thừa trên nền tảng xưởng rượu Lafaro của người Pháp, xây dựng và tích lũy từ thế kỷ 19, chuyên sản xuất các loại rượu dâu tằm, được ưa chuộng bởi người Đà Lạt trong thời tiết giá lạnh vùng cao nguyên.

Trong hơn 25 năm phát triển, Ladofoods đã không ngừng thay đổi, chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước sang doanh nghiệp cổ phần, năng động bước vào thị trường mở cửa. Ngoài ra Ladofoods cũng thành công trong việc xây dựng thương hiệu Vang Đà Lạt, uy tín và tạo ấn tượng tốt đối với người tiêu dùng trong và ngoài nước. Mẫu mã và chất lượng sản phẩm của Vang Đà Lạt không ngừng thay đổi cải tiến để ngày càng tốt hơn, chuyên nghiệp hơn, cạnh tranh với các dòng vang nhập khẩu.

Ngày 24/9/2016, Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng – Ladofoods chính thức khánh thành Nhà làm vang chuyên nghiệp Ladora Winery, bước đi mang tính chiến lược của Ladofoods để trở thành nhà làm vang thực thụ lớn nhất khu vực Đông Nam Á, hướng tới mục tiêu ghi dấu ấn vang Việt trên bản đồ vang thế giới. Ladora Winery sở hữu quy trình sản xuất hiện đại theo chuẩn công nghệ làm vang hàng đầu tại châu Âu. Bên cạnh đó, để có thể tạo nên những sản phẩm vang hảo hạng, Ladora Winery quy tụ một đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm đến từ châu Âu - cái nôi của rượu vang thế giới - và lực lượng kỹ sư làm vang được đào tạo và làm việc trong môi trường vang chuyên nghiệp tại nhiều quốc gia như Pháp, Ý, Thụy Sĩ... Đến nay, những vụ nho chất lượng cao đầu tiên với độ chua, độ chua và độ đường hài hòa lý tưởng - tương đương với những vườn nho rượu tốt nhất ở châu Âu - đã được thu hoạch và ủ chiết để tạo thành những chai vang đẳng cấp. Ladora Winery đã đem đến thị trường nhiều dòng sản phẩm vang, từ phổ thông đến dòng cao cấp thực thụ được giới chuyên môn và những người sành vang đánh giá cao. Trong đó, tiêu biểu là các dòng sản phẩm Vang Đà Lạt và dòng vang Việt cao cấp Chateau Dalat đầu tiên trên thị trường.

Trong tương lai gần, Ladora Winery sẽ mở rộng vùng nho nguyên liệu cao cấp lên đến 100 hecta, áp dụng những tiêu chuẩn, quy trình và công nghệ canh tác hiện đại nhất. Vùng nguyên liệu chất lượng cao của Ladora Winery còn là một mô hình điển hình về sản xuất nông nghiệp hiện đại hóa, khởi xướng hướng đi mới cho nông nghiệp Việt Nam theo hướng khoa học, hiện đại và hiệu quả.

Hệ thống phân phối rượu vang của Ladofoods khá rộng lớn với các đại lý, nhà phân phối đã có mặt ở tất cả 64 tỉnh thành và hơn 80.000 điểm bán lẻ phủ rộng khắp cả nước. Ngoài ra, các sản phẩm của Công ty cũng xuất hiện tại nhiều các hệ thống siêu thị lớn nhỏ tại Việt Nam như Metro, Big C, Coop Mart, Fivi Mart, Hapro Mart, Coop Food, Citimart, Vinatex Mart... Bên cạnh thị trường trong nước,

sản phẩm Vang Đà Lạt hay nhân hạt điều cũng được Công ty xuất khẩu đi các nước Châu Âu, Châu Á, Mỹ, Úc, với hơn 50 đối tác xuất khẩu.

Tại hội nghị APEC 2017, loại vang thương hạng của Việt Nam - Chateau Dalat Signature Shiraz, còn được nhiều người gọi là “Vang Nguyên Thủy”, là loại vang chính thức và duy nhất được sử dụng để chiêu đãi các Nguyên Thủ Quốc Gia và các đoàn khách VIP tháp tùng sự kiện nhóm họp tại Đà Nẵng trong tuần lễ đầu tiên của tháng 11 trong cuộc họp thượng đỉnh tại Đà Nẵng. Trước đó, Chateau Dalat đã đạt được hai giải thưởng từ các cuộc thi vang quốc tế là giải bạc tại cuộc thi Cathay Pacific vào tháng 11 năm 2016 và giải Đồng tại cuộc thi vang tại San Francisco, Hoa Kỳ vào tháng 8 năm 2017.

Đây được xem là một bước ngoặt to lớn cho không chỉ một doanh nghiệp hay một thương hiệu mà còn là dấu ấn đậm nét của ngành làm vang tại Việt Nam. Đồng thời, cũng trong năm 2017, Chateau Dalat của còn trở thành thương hiệu vang đầu tiên của Việt Nam được trưng bày tại Bảo tàng vang Thế giới Vineum Bodensee (Đức).



**THƯƠNG HIỆU
VANG CHÍNH THỨC
APEC 2017**



CHĂN NUÔI - VILICO

Tổng công ty Chăn nuôi Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 862/NN-TCCB/QĐ ngày 21/6/1996 trên cơ sở tổ chức, sắp xếp lại các doanh nghiệp có quan hệ gắn bó kinh tế, công nghiệp, thương mại, thông tin, khoa học kỹ thuật, nghiên cứu, ... hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi trên toàn quốc, trực thuộc thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT. Năm 2013 Tổng công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 14/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ. Tháng 7/2013, Tổng công ty Chăn nuôi Việt Nam-CTCP chính thức hoạt động theo loại hình công ty cổ phần sau khi thực hiện thành công phương án cổ phần hóa thông qua việc phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng. Ngày 26/10/2015, cổ phiếu Tổng công ty Chăn nuôi Việt Nam-CTCP (mã chứng khoán VLC) chính thức được giao dịch trên sàn UPCOM, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Trải qua hơn 20 năm xây dựng và trưởng thành, Tổng công ty Chăn nuôi Việt Nam-CTCP (VILICO) đã vượt qua nhiều khó khăn, thử thách phát triển và hoàn thành nhiệm vụ được giao, góp phần vào sự tăng trưởng chung của ngành chăn nuôi, cung cấp thực phẩm cho xã hội, cộng đồng; bảo toàn và phát triển nguồn vốn; tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, lợi ích cho cổ đông và nhà đầu tư.

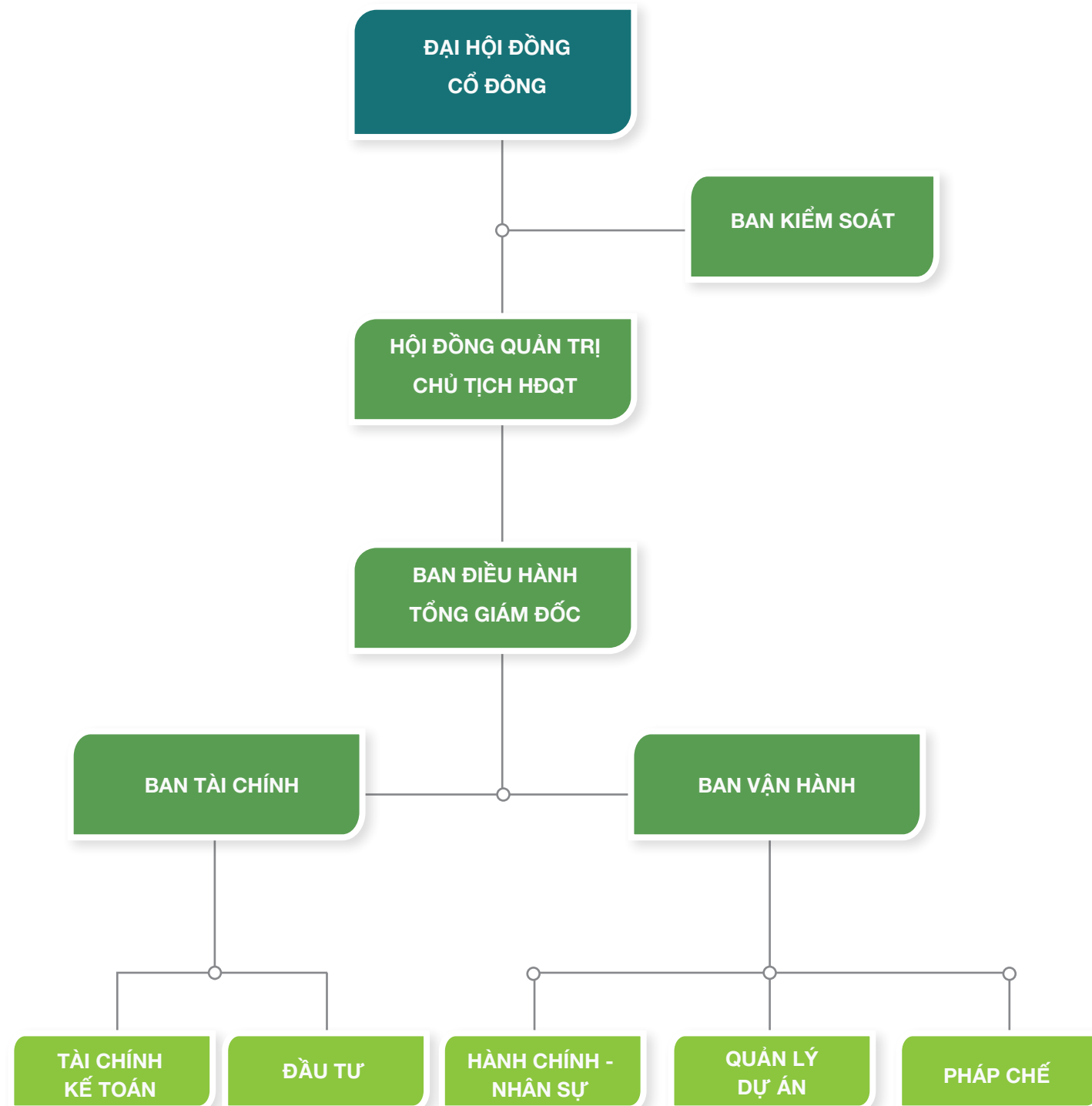
Tháng 1/2017, GTNfoods mua cổ phần nâng tỷ lệ sở hữu tại Vilico lên 65%, tham gia vào hệ thống quản trị của Vilico và đã tiến hành tái cơ cấu mạnh mẽ. Chiến lược tái cơ cấu Vilico dựa trên tình hình thực tế, Công ty xác định các mảng kinh doanh chính về chăn nuôi,

chủ động thoái vốn và ngừng các hoạt động kinh doanh không cốt lõi. Trong vận hành sản xuất kinh doanh, Vilico chủ động tái cơ cấu, đơn giản hóa tổ chức, tăng cường quản trị và giám sát, tối ưu hóa chi phí hoạt động của doanh nghiệp, đạt chuẩn mực chăn nuôi tiến tiến và tiêu chuẩn VIETGAP về quy trình chăn nuôi. Đồng thời, hệ thống quy trình, quy chế cho các phòng ban và quản trị nội bộ trại chăn nuôi được chuẩn hóa và ban hành, tăng cường kiểm soát. Đối với tổ chức nhân sự, Vilico đẩy mạnh cắt giảm nhân sự dư thừa, bổ sung và hoàn thiện đội ngũ nhân sự có chất lượng, áp dụng KPI trong quản lý và giám sát, tăng cường trao đổi đào tạo chung và đào tạo tư vấn kỹ thuật tại trại chăn nuôi.

Năm 2017, tình hình chăn nuôi gặp nhiều biến động, chịu ảnh hưởng từ việc Trung Quốc ngừng nhập khẩu đã khiến giá thịt lợn giảm mạnh và kéo dài từ đầu năm khiến các doanh nghiệp lớn trong ngành cũng như những người chăn nuôi nhỏ lẻ chịu ảnh hưởng nặng nề. Sau nhiều tháng chạm đáy, giá lợn hơi những tháng cuối năm đang có dấu hiệu tăng trở lại nhưng vẫn không đủ để cắt lỗ. Tình trạng giá thấp kéo dài, khó khăn trong khâu tiêu thụ, Vilico luôn theo dõi sát sao biến động trên thị trường để có kế hoạch ứng phó kịp thời. Công ty chủ động đối phó bằng cách cắt giảm chọn lọc 70% lợn nái sinh sản, tăng năng suất sinh sản (con cai sữa/nái/năm) lên 8,1%, làm việc với các đại lý để mở rộng bán hàng và thị trường tới Phú Thọ, Sơn Tây. Trong năm 2018, Vilico đặt mục tiêu có lãi tại mảng chăn nuôi lợn, phát triển sản phẩm lợn thịt, duy trì hiệu quả trên tất cả các mảng kinh doanh của Tổng công ty.

VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC

SƠ ĐỒ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT



1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- **Ông Tạ Văn Quyền:**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- **Ông Nghiêm Văn Thắng:**

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- **Ông Michael Rosen:**

Thành viên Hội đồng Quản trị

- **Ông Nguyễn Hồng Anh:**

Thành viên Hội đồng Quản trị

- **Ông La Mạnh Tiến:**

Thành viên Hội đồng Quản trị

- **Ông Lars Kjaer:**

Thành viên Hội đồng Quản trị

- **Bà Chew Mei Ying:**

Thành viên Hội đồng Quản trị

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HIỆN TẠI GỒM CÓ CÁC THÀNH VIÊN NHƯ SAU

SỰ THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HĐQT TRONG NĂM:

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2017 số 01/NQ/DHĐCĐTN, bổ nhiệm ông Nguyễn Hồng Anh và ông Lars Kjaer vào vị trí thành viên Hội đồng Quản trị thay thế cho hai ông Nguyễn Trí Thiện và ông Hoàng Mạnh Cường.



Ông **TẠ VĂN QUYỀN**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Năm 2012 Ông Tạ Văn Quyền trở thành Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty và giữ vị trí Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ năm 2016.
- Ông có nhiều năm kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực sản xuất, từng giữ nhiều chức vụ quan trọng như quản lý sản xuất tại Công ty Bánh Kẹo Hải Hà, Giám đốc điều hành Công Ty TNHH Chế Biến Thực Phẩm Tiến Bảo, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Giám Đốc Công ty cổ phần Thực Phẩm Q&Q Việt Nam.
- Khát khao của ông Quyền là đưa GTNfoods thành một công ty thực phẩm và hàng tiêu dùng hàng đầu Việt Nam với nhiều thương hiệu lớn.
- Ông Tạ Văn Quyền tốt nghiệp Đại học Bách Khoa Hà Nội chuyên ngành kỹ sư công nghệ thực phẩm.



Ông **NGHIÊM VĂN THẮNG**

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Ông Nghiêm Văn Thắng từng làm việc tại Phòng An toàn Thực phẩm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Ông có rất nhiều kiến thức và kinh nghiệm trong việc quản lý các mảng hoạt động sản xuất về nông nghiệp và thực phẩm mà hiện nay đang là mảng kinh doanh cốt lõi của GTNfoods, từng là Phó Trưởng phòng Kế hoạch tại Bibica, Trưởng phòng Sản xuất tại Bánh kẹo Tràng An.
- Ông Thắng cũng có kiến thức sâu rộng về quản lý tài chính, từng giữ vị trí Phó Trưởng phòng Giao dịch Tài sản, Morgan Stanley - Gateway, và Giám đốc Chi nhánh tại MBS. Năm 2012, ông Nghiêm Văn Thắng đầu tư vào Ladofoods, trở thành Thành viên Hội đồng Quản trị Ladofoods. Hiện ông Thắng đang giữ vị trí Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị tại Ladofoods.
- Ông rất có kinh nghiệm trong việc xây dựng và định hướng các hệ thống quản trị, bán hàng và phân phối. Ông là thành viên sáng lập của GTNfoods, đã dẫn dắt việc chuyển hóa doanh nghiệp tập trung vào mảng Nông nghiệp và Thực phẩm.
- Ông Nghiêm Văn Thắng tốt nghiệp Đại học Bách Khoa Hà Nội, chuyên ngành Kỹ sư Công nghệ Thực phẩm.



Ông **MICHAEL LOUIS ROSEN**

Thành viên Hội đồng Quản trị

- Ông Michael Louis Rosen có nhiều kinh nghiệm trong việc huy động vốn cho doanh nghiệp, đã từng huy động thành công 80 triệu USD cho Pan Group dưới vai trò CEO và Phó Chủ tịch.
- Ông đồng thời từng điều hành một doanh nghiệp thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán New York (NYSE). Ông Rosen từng là Giáo sư giảng dạy tại Khoa Quản lý, trường kinh doanh NYU; Nguyên Giám đốc Chiến lược của Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI).
- Tham gia với GTNfoods vào đầu năm 2016, với nhiều năm kinh nghiệm tại Việt Nam, ông Michael mong muốn đưa GTNfoods thành một tập đoàn lớn mang tầm quốc tế.
- Ông Michael Louis Rosen lấy bằng Tiến sĩ, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Wharton School of the University of Pennsylvania.



Ông **NGUYỄN HỒNG ANH**

Thành viên Hội đồng Quản trị

- Ông Nguyễn Hồng Anh là chuyên gia trong lĩnh vực nông nghiệp với hơn 20 năm kinh nghiệm trong vị trí quản lý như Giám đốc Trung tâm khuyến nông Hà Nội và Phó Chi cục trưởng Chi cục bảo vệ thực vật Hà Nội từ năm 2004 đến năm 2014.
- Ông Hồng Anh được bổ nhiệm làm Tổng Giám Đốc Villico, Công ty con của GTNfoods trong năm 2016 và sau đó là thành viên HĐQT GTNfoods vào tháng 3 năm 2017.
- Ông Hồng Anh tốt nghiệp bằng Thạc Sĩ nông nghiệp tại Đại học Quốc Gia Hà Nội.



Ông LARS KJAER

Thành viên Hội đồng Quản trị

- Ông Lars hiện đang là Phó Giám đốc quý PENM Partners - Đối tác chiến lược của GTNfoods từ năm 2016.
- Ông trở thành thành viên HĐQT GTNfoods từ tháng 3/2017.
- Ông Lars đã có kinh nghiệm làm thành viên HĐQT của 11 tập đoàn quốc tế và Việt Nam, bao gồm Tập đoàn Masan, Tập đoàn Hòa Phát, CTCP Nước khoáng Vĩnh Hảo, Coca-Cola Nordic Bottler.
- Ông Lars từng là Giám đốc quý Nordic Project Fund, tập trung vào các thị trường mới nổi với danh mục hơn 200 công ty; Giám đốc công ty InWear & IC và Giám đốc Carlsberg Đan Mạch.
- Với kinh nghiệm hoạt động sâu rộng về các thị trường mới nổi, xây dựng chiến lược, phát triển doanh nghiệp, phát triển hoạt động sản xuất, tái cấu trúc và M&A cũng như kinh nghiệm làm thành viên Ban lãnh đạo tại Việt Nam cũng như châu Âu, ông Lars là sự bổ sung lớn về khả năng gia tăng giá trị cho đội ngũ lãnh đạo của GTNfoods.



Ông LA MẠNH TIẾN

Thành viên Hội đồng Quản trị

- Ông La Mạnh Tiến đã dành nhiều tâm huyết, công sức của mình để xây dựng chiến lược phát triển và văn hóa doanh nghiệp.
- Ông Tiến tốt nghiệp ĐH Montesquieu University, Pháp và hiện là Thạc sỹ Quản lý Tài chính. Ông từng giữ các chức vụ quản lý cao cấp tại Tổng Công ty Cổ phần Vinaconex, Công ty Xây dựng Vincom, CTCP Vinabamboo.
- Với nhiều năm kinh nghiệm quản trị tại tập đoàn lớn, ông Tiến tham gia GTN với mong muốn xây dựng GTN thành một công ty lớn, chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả.
- Hiện nay, ông Tiến là thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc của Công ty cổ phần GTNfoods.



Bà CHEW MEI YING

Thành viên Hội đồng Quản trị

- Bà Chew Mei Ying có kinh nghiệm hơn 20 năm làm việc trong lĩnh vực kế toán và ngân hàng đầu tư, từng là trợ lý tại Công ty Kiểm toán Price Waterhouse Cooper trong 5 năm từ 1996 đến 2001, trước khi nắm giữ các chức vụ quản lý cấp cao như: Trưởng phòng tại Public Investment Bank Berhad từ 2001 đến 2005, Quản lý Cấp cao tại RHB Investment Bank Berhad từ 2005 đến 2007, Phó Giám đốc tại Am Investment Bank Berhad từ 2007 đến 2008.
- Từ 2008 đến nay, bà Chew Mei Ying nắm giữ vị trí Giám đốc Điều hành tại TAEL Partners Group, đối tác đầu tư chiến lược của GTNfoods.

2. BAN KIỂM SOÁT

Ông TRẦN VIỆT THẮNG

Trưởng ban Kiểm soát



- Ông Trần Việt Thắng có rất nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực Kế toán -- Kiểm toán và từng nắm giữ nhiều chức vụ quan trọng có liên quan như Trưởng phòng Kế toán tại CTCP Thép Thủ Đức, công ty con của Tổng Công ty Thép Việt Nam; Quản lý Tài chính tại CTCP Nhựa Gia Lợi; Trưởng Ban Kiểm soát tại CTCP Xây dựng Miền Nam; Trưởng Ban Kiểm soát tại CTCP Bê tông Hồng Hà Bình Dương; Thành viên HĐQT tại CTCP Bất động sản Nghĩa Nhân; Trưởng Ban Kiểm soát tại CTCP Dược phẩm Phyto. Tại Ladofoods, ông Thắng đang giữ vị trí Thành viên HĐQT kiêm Trưởng Ban Kiểm soát công ty. Ông Thắng cũng có nền tảng gia đình vững chắc làm việc trong ngành đầu tư và phát triển bất động sản tại TP. Hồ Chí Minh.

Ông Thắng tốt nghiệp với hai chuyên ngành Tài chính và Kế toán tại Đại học Tài chính – Kế toán.



Ông PAN MUN KIT

Kiểm soát viên

- Ông Pan Mun Kit có kinh nghiệm 10 năm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng đầu tư, hiện đang giữ vị trí Phó Chủ tịch của TAEL Partners Group từ 2013 đến nay. Ông từng làm việc tại Ngân hàng Đầu tư OSK – Malaysia từ 2007 đến 2009; Trợ lý Giám đốc Ngân hàng Đầu tư May Bank – Malaysia, 2009-2013.



Bà NGUYỄN THỊ THU

Kiểm soát viên

- Bà Nguyễn Thị Thu trở thành Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần GTNfoods từ tháng 4/2016. Trước đó bà Thu có từng giữ vị trí Kế toán tại CTCP Sản xuất và Thương mại Hachi và CTCP Đầu tư TMI Việt Nam. Bà Thu hiện đang là Thạc sỹ Kinh tế - Tài chính.

3. BAN ĐIỀU HÀNH TẠI GTNFOODS & CÁC CÔNG TY CON CỐT LÕI



Ông MICHAEL LOUIS ROSEN

*Tổng giám đốc GTNfoods
kiêm Thành viên HĐQT GTNfoods*



Ông LA MẠNH TIẾN

*Phó Tổng giám đốc GTNfoods
kiêm Thành viên HĐQT GTNfoods
Tổng giám đốc Vinatea*



Ông TRẦN CÔNG CHIẾN

Tổng Giám đốc Mộc Châu Milk

Ông Chiến có nhiều năm kinh nghiệm trong quản lý sản xuất nông nghiệp, đặc biệt trong mảng sản xuất sữa công nghiệp. Ông là một trong những người tiên phong khởi nghiệp trong ngành sữa Việt Nam. Là người có công đầu trong việc đưa Sữa Mộc Châu trở thành thương hiệu sữa Việt đầu tiên và thân thuộc với người tiêu dùng Việt Nam như ngày nay.



Ông NGUYỄN HỒNG ANH

*Tổng Giám đốc Vilico
kiêm Thành viên HĐQT GTNfoods*



Ông NGUYỄN VĂN MINH

Giám đốc Tài chính GTNfoods

Ông Nguyễn Văn Minh có kinh nghiệm và kiến thức trong lĩnh vực tài chính, quản trị với hơn 13 năm làm việc trong lĩnh vực tư vấn về quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ và tài chính cũng như kiểm toán đối với nhiều công ty trong nhiều lĩnh vực. Ông Minh từng là Trưởng Bộ phận kiểm toán nội bộ tại một công ty sữa hàng đầu tại Việt Nam. Ông Minh được bổ nhiệm làm Giám đốc Tài chính GTNfoods, trong tháng 10 năm 2017.



Ông HOÀNG MẠNH CƯỜNG

Kế toán trưởng GTNfoods

Ông Hoàng Mạnh Cường hiện là kế toán trưởng của Công ty Cổ phần GTNfoods, ông Cường có một thời gian là thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng GTNfoods. Trước khi gia nhập, ông từng giữ nhiều vị trí cao cấp tại các doanh nghiệp: Kế toán CTCP Liên hợp thực phẩm Hà Tây; Kế toán trưởng CTCP XNK Thực phẩm Bách hợp; Giám đốc CTCP Đầu tư và Sản xuất Trung Kiên. Ông Hoàng Mạnh Cường tốt nghiệp Thạc sĩ kinh tế và có sự am hiểu sâu sắc về lĩnh vực Tài chính – Kế toán.



Ông HOÀNG ĐĂNG TIẾN

Phó Tổng giám đốc Vinatea

Ông Hoàng Đăng Tiến có trên 15 năm kinh nghiệm trong kiểm soát và điều hành hoạt động doanh nghiệp, ông có kinh nghiệm lâu năm trong quản lý nguồn nhân lực, có kiến thức chuyên sâu về sản xuất thực phẩm.



Ông LÊ HẢI CHÂU

Phó Tổng giám đốc Vinatea

Ông Châu có trên 15 năm kinh nghiệm quản lý công nghệ và là chuyên gia kỹ thuật nông nghiệp. Hiện tại ông Châu chịu trách nhiệm mảng chè xuất khẩu và vùng chè lớn tại Phú Thọ của Vinatea.



Ông NGUYỄN DUY CHÁNH

Phó Tổng giám đốc Vinatea

Ông Nguyễn Duy Chánh có trên 30 năm kinh nghiệm trong kiểm soát và điều hành hoạt động trong ngành sản xuất và chế biến chè, đồng thời, ông có hiểu biết sâu rộng trong nông nghiệp và sản xuất chè.

VII. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC 2018 - 2020

GTNfoods cơ bản đã đi được một bước dài vào ngành thực phẩm sạch với chuỗi giá trị nông nghiệp bền vững và khép kín. Công ty đã chính thức có được trụ cột vững chắc là Mộc Châu Milk và Trà Vinatea, đồng thời có Vang Đà Lạt bổ trợ trong mô hình kinh doanh của mình với định hướng trở thành công ty hàng đầu về thực phẩm sạch tại Việt Nam trong tương lai gần.

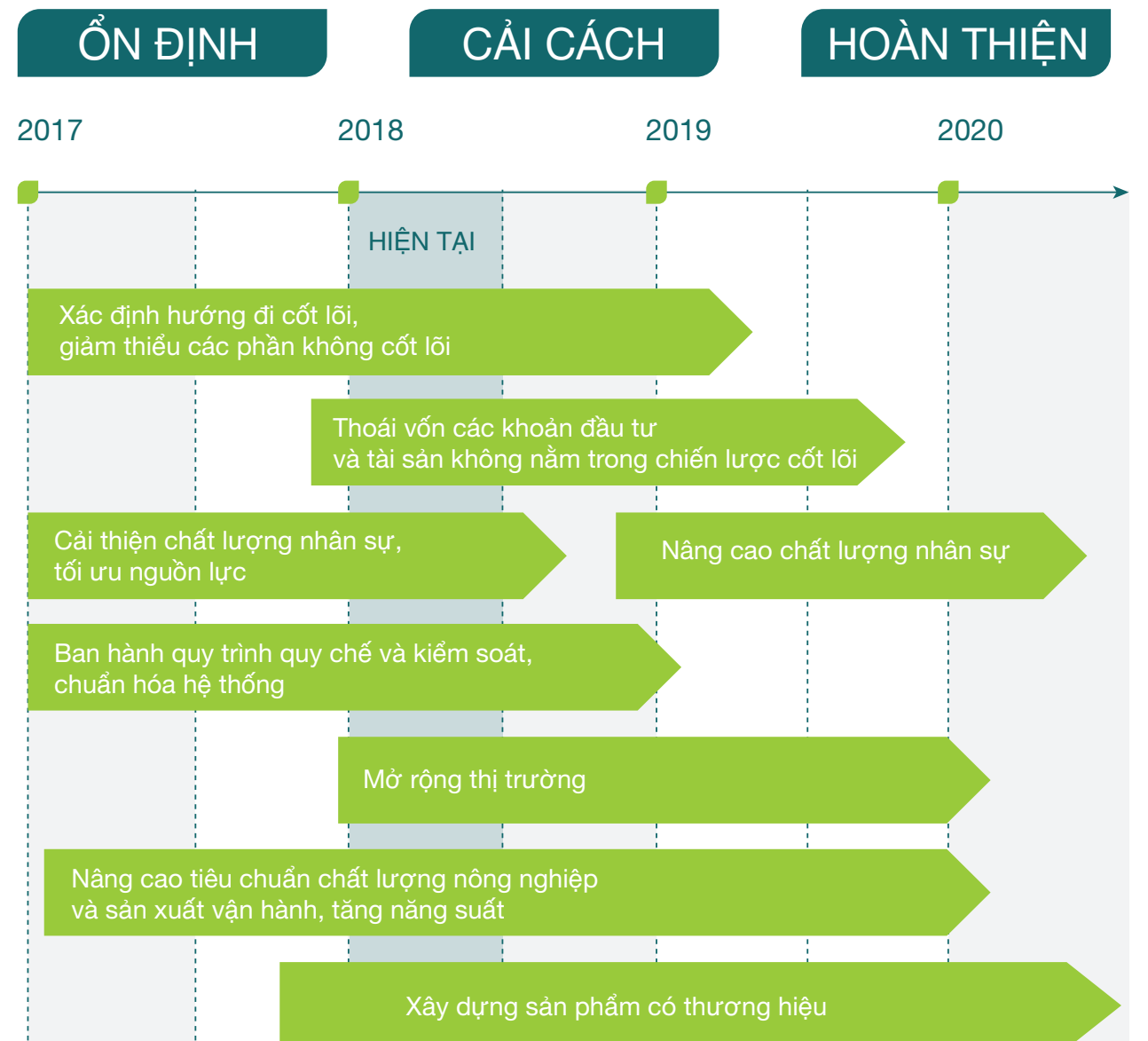
Trên bức tranh tổng thể, GTNfoods đã sở hữu 4.700 ha đồi chè xanh mướt hút tầm mắt trải dài khắp cả nước, đàn bò sữa hơn 23.000 con cùng hơn 1.000 ha đất nông nghiệp tập trung ở Mộc Châu kết hợp với trên 4.000 ha của các nông hộ liên kết; chưa kể đến vùng nguyên liệu nho đang mở rộng lên tới 100 ha tại Ninh Thuận của Ladofoods. Các vùng nguyên liệu nông nghiệp sạch này với quy trình nông nghiệp được quản lý chặt chẽ, khép kín với quá trình sản xuất đảm bảo chất lượng tới tận tay người tiêu dùng cuối cùng, chính là các bộ phận cho GTNfoods phát triển trong ngành nông nghiệp sạch tại Việt Nam.

GTNfoods tập trung vào hai mảng Sữa, Trà đẩy mạnh tái cấu trúc từ bên trong để nâng cao sức mạnh nội tại của cả hai mảng kinh doanh cốt lõi này, đặc biệt là Sữa. Đồng thời tăng cường định vị sản phẩm, các hoạt động truyền thông, xúc tiến bán hàng cho thương hiệu Mộc Châu Milk. Cũng cố và phát triển hoạt động bán hàng, tăng cường điểm bán, mở rộng kênh bán hàng hiện đại. Đặt mục tiêu tăng trưởng doanh thu 15%-20% một năm, nâng quy mô đàn bò sữa lên 100.000 con.

Đối với Vinatea, tiếp tục đẩy mạnh phát triển quy trình canh tác nông nghiệp đạt tiêu chuẩn Quốc tế, đẩy mạnh xuất khẩu chè nguyên liệu vào các thị trường khó tính với tỷ suất lợi nhuận cao, phát triển mảng nội tiêu chè thương hiệu, xây dựng kênh phân phối, gia tăng hiện diện trên thị trường.

Cùng với sự phát triển thị trường, GTNfoods đặc biệt chú trọng việc nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng, nhà máy một cách đồng bộ nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế khắt khe về vệ sinh an toàn thực phẩm. GTNfoods cũng sẽ liên tục đầu tư để hoàn thiện chuỗi cung ứng, đưa sản phẩm từ vùng nguyên liệu đến được với mọi gia đình. Với chiến lược phát triển bền vững, sản phẩm tươi sạch, GTNfoods đặt mục tiêu trở thành công ty đi đầu trong ngành thực phẩm sạch tại Việt Nam.

GTNfoods mong muốn sẽ viết nên câu chuyện đặc biệt về “thực phẩm sạch” khi hướng tới vấn đề sức khỏe cộng đồng, và hiệu quả kinh doanh được chứng minh bằng sự phát triển rõ rệt qua từng năm. Vấn đề về sử dụng thực phẩm an toàn ngày càng được quan tâm, bằng tôn chỉ của mình cùng những tiềm năng, triển vọng tăng trưởng trong ngành và chiến lược đầu tư bài bản, chuyên nghiệp, GTN kỳ vọng hiện thực hóa giấc mơ thực phẩm sạch đến từ chuỗi giá trị nông nghiệp bền vững và khép kín của mình.



HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



VINATEA
SINCE 1958

TRÀ NGỦ NGON++
TRÀ THẢO MỘC
100% Thiên nhiên

Trà thảo mộc thanh mát, lành tính, có nguồn gốc từ thiên nhiên, giúp có giấc ngủ ngon hơn.
A light and refreshing herbal tea naturally blended for a better sleep.

Thành phần / Ingredient

Bình vôi (30%), trà Decaf (tách cafein (20%)), cỏ ngọt (5%), cam thảo (5%), lạc tiên (15%), liên nhục (5%), cúc hoa (10%), lá sen (5%), tâm sen (5%), Stephania (30%), Decaf tea (20%), stevia (5%), liquorice (5%), passiflora foetida (15%), lotus seed (5%), withered chamomile (10%), lotus leave (5%),

Hướng dẫn sử dụng / Steeping guide

Cho một túi lọc vào tách, đổ lượng nước từ 150 - 250ml.
Put one tea bag into a cup, pour 150-250ml of boiling water.

Đợi 3 - 5 phút, nhúng túi trà vài lần trước khi sử dụng.
Wait 3-5 minutes, dip the tea bag a few times before use.

Một tách trà ngon sẵn sàng để thưởng thức. Thêm đường tùy sở thích.
A delicious cup of ready to serve hot tea. Add sugar to your taste.

Hướng dẫn bảo quản
Store in a cool, dry place.

I. BỐI CẢNH TRIỂN VỌNG KINH TẾ CHUNG

1. Tình hình kinh tế vĩ mô 2017

Năm 2017 đánh dấu sự khởi sắc của ngành sản phẩm tiêu dùng nhanh nói chung và ngành công nghiệp thực phẩm nói riêng

Năm 2017 đánh dấu bước chuyển mình của nền kinh tế Việt Nam khi tăng trưởng kinh tế đạt 6,81%, vượt chỉ tiêu 6,7% do Quốc hội đề ra, và là mức tăng trưởng cao nhất trong 10 năm qua, theo số liệu mới công bố của Tổng cục thống kê. Đặc biệt, nền kinh tế trong hai quý cuối năm đều ghi nhận mức tăng trưởng trên 7%. Việt Nam vẫn tiếp tục là thị trường tiềm năng đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Vốn thực hiện của dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt 17,5 tỷ USD, tăng 10,8% so với cùng kỳ năm 2016, là mức kỷ lục trong vòng 10 năm qua.

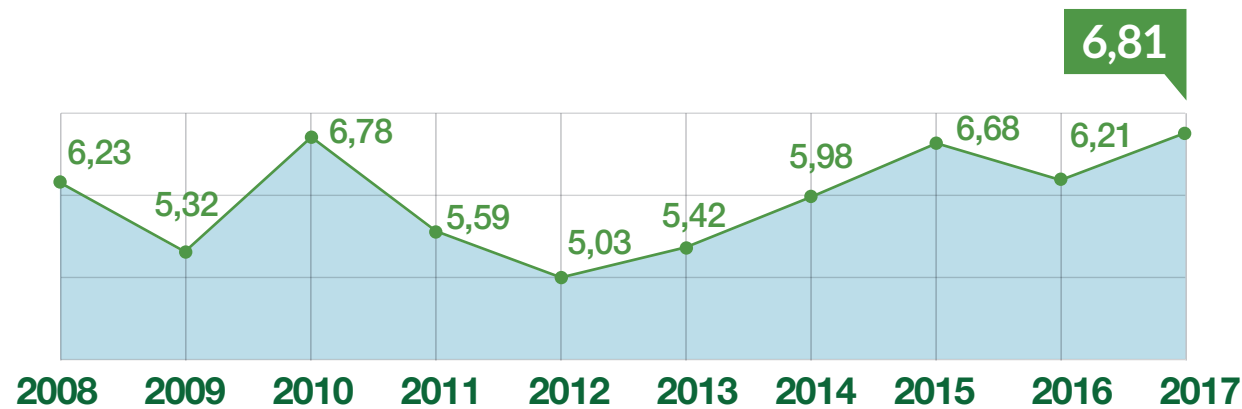
TOÀN CẢNH KINH TẾ - XÃ HỘI VIỆT NAM 2017

· TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP)

Đơn vị: %

* So với cùng kỳ năm 2016



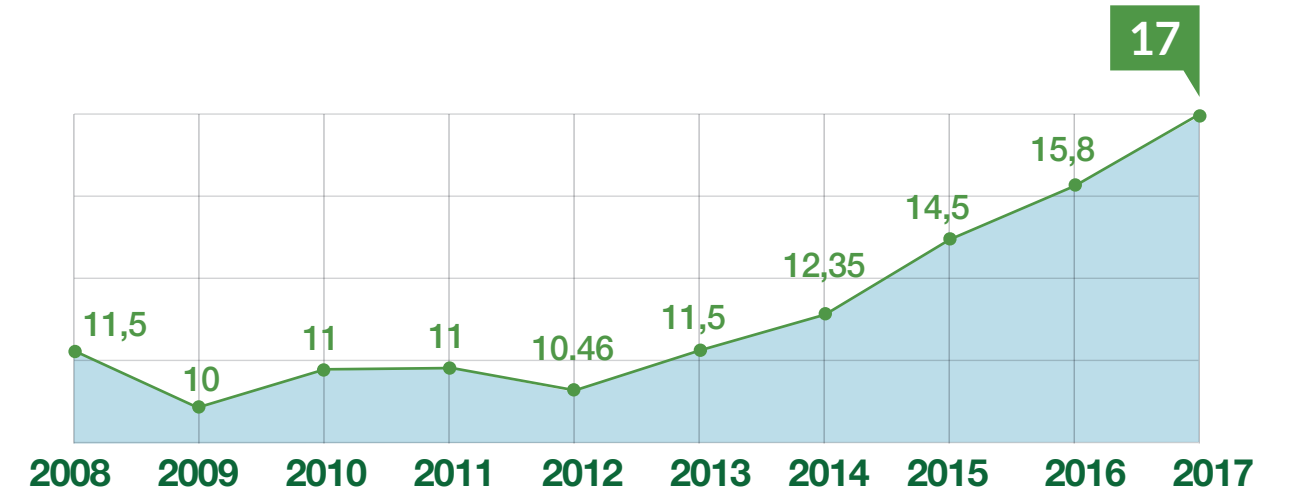
53,5 triệu đồng/người/năm
GDP bình quân đầu người
Tăng 3,7 triệu đồng

5.008 nghìn tỷ đồng
Quy mô nền kinh tế
đạt được

· VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI)

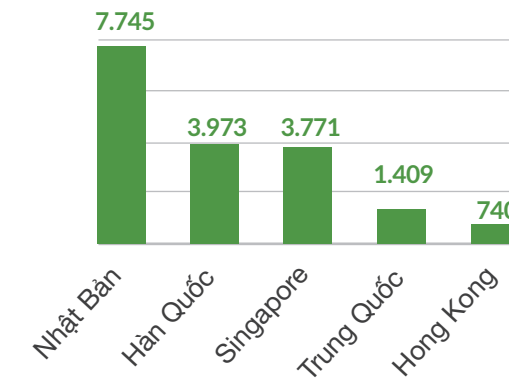
Vốn FDI giải ngân

Đơn vị: tỷ USD



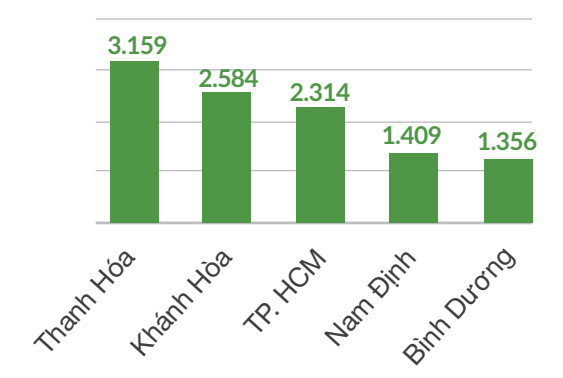
· Đối tác đầu tư lớn nhất

Đơn vị: triệu USD



· Địa phương thu hút nhiều vốn nhất

Đơn vị: triệu USD



Quy mô nền kinh tế năm 2017 theo giá hiện hành đạt trên 5 triệu tỷ đồng, trong đó khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ tiếp tục là thành phần chủ lực, đóng góp 74% vào quy mô nền kinh tế. GDP đầu người năm 2017 đạt 53,5 triệu đồng/năm (2.385 USD), tăng 170 USD so với 2016, tương đương với 7.67 %.

Diễn đàn Kinh tế thế giới xếp hạng năng lực cạnh tranh của Việt Nam tăng 5 bậc, lên thứ 55/137; Ngân hàng Thế giới xếp hạng về môi trường kinh doanh của Việt Nam tăng 14 bậc, lên thứ 68/190 quốc gia, vùng lãnh thổ.

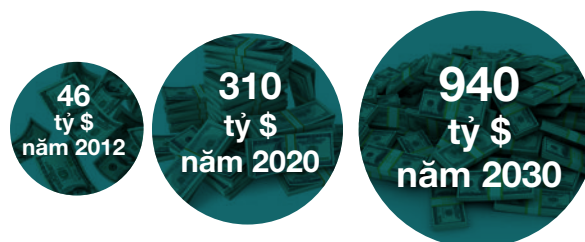
Chỉ số phát triển bền vững của Việt Nam năm 2017 tăng 20 bậc, lên mức 68/157 quốc gia, vùng lãnh thổ.

Trong năm nay, lạm phát được kiểm soát ở mức 3,53%, thấp hơn mức trần là 4%.

SỐ LƯỢNG TẦNG LỚP TRUNG LƯU



MỨC TIÊU THỤ



Theo BCG, “tầng lớp trung và thượng lưu” với mức thu nhập từ 714 USD/tháng ở Việt Nam sẽ tăng lên mức 33 triệu người trong thời gian 2014-2020. Trong khi đó, công ty nghiên cứu thị trường Nielsen ước tính rằng dân số thuộc tầng lớp trung lưu của Việt Nam sẽ đạt mức 44 triệu người vào năm 2020, và 95 triệu người vào năm 2030. Điều này, tạo cơ hội cho các ngành hàng tiêu dùng tăng trưởng mạnh mẽ, đặc biệt là các ngành hàng thực phẩm organic và bổ dưỡng cho sức khỏe.

Trong bối cảnh thu nhập của người dân đang tiếp tục tăng nhanh, tăng trưởng kinh tế được đẩy mạnh, vốn FDI ghi nhận sự tăng vọt trong năm nay, mức chi tiêu hộ gia đình cùng nhu cầu tiêu dùng thị trường nội địa gia tăng mạnh trong thời gian qua là dấu hiệu tích cực cho thấy xu hướng tăng trưởng rất nhanh của các ngành hàng tiêu dùng, đặc biệt là thực phẩm và đồ uống. Theo nghiên cứu mới nhất về xu hướng tăng trưởng lợi nhuận của AC Nielsen Việt Nam cho thấy nhờ nhu cầu tiêu dùng tăng mạnh mà ngành hàng tiêu dùng nhanh trong các quý đầu năm 2017 đạt mức tăng trưởng cao nhất trong vòng 3 năm qua, diễn ra ở tất cả 6 ngành hàng lớn, bao gồm nước uống, thực phẩm, sữa, sản phẩm chăm sóc gia đình, sản phẩm chăm sóc cá nhân và thuốc lá. Trong đó, các ngành hàng thực phẩm, sản phẩm chăm sóc gia đình và sản phẩm chăm sóc cá nhân đạt mức tăng trưởng kỷ lục, từ 12-14%.

Phân tích của các chuyên gia thị trường ngành tiêu dùng cũng chỉ ra rằng, sự phát triển của các doanh nghiệp thuộc nhóm hàng tiêu dùng, thực phẩm và đồ uống còn thể hiện qua mức vốn hóa lớn của các doanh nghiệp này. Theo Vietnam Report, tính đến cuối quý III/2017, tổng vốn hóa thị trường ngành này đạt khoảng 2,74 triệu tỷ đồng, tương đương 120,4 tỷ USD.

2. Triển vọng kinh tế vĩ mô 2018 và tăng trưởng các ngành cốt lõi:

2018 - Giữ vững đà tăng trưởng và tình hình kinh tế ổn định

Tiếp nối đà tăng trưởng tích cực trong năm 2017, các chuyên gia quốc tế rất lạc quan với tình hình tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong năm 2018 khi đưa ra nhận định dự đoán tăng trưởng GDP ở mức 6,8%, tiếp tục là một trong những thị trường tăng trưởng nhanh nhất châu Á trong năm 2018. Lạm phát năm 2018 đạt trung bình 4%, trong đó, nửa năm đầu sẽ cao, nửa cuối năm sẽ đi ngang. Ba lĩnh vực cơ bản là tài chính - ngân hàng, bất động sản - xây dựng và thực phẩm - hàng tiêu dùng được hầu hết các chuyên gia kinh tế đánh giá cao trong năm 2018, nhất là sự cải thiện biên lợi nhuận.

Chỉ số giá đồ uống thế giới theo tính toán của World Bank cho thấy giá chè thế giới tăng nhẹ trong quý 3 năm 2017 so với quý 2, và tăng 15% so với cùng quý năm

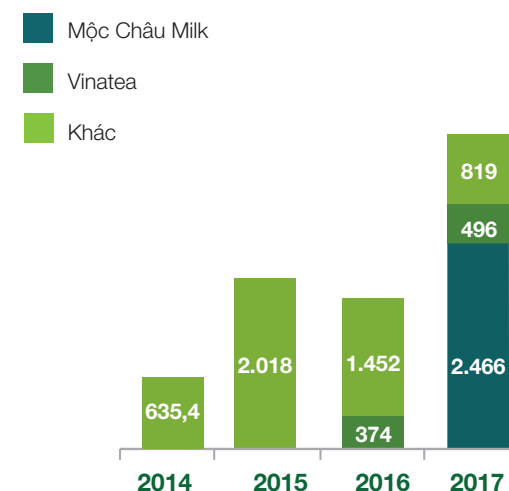
trước. Sau khi sản lượng thị trường vụ trước thiếu cung do thời tiết ảnh hưởng tới nhiều khu vực trồng chè trên thế giới, nhất là Đông Phi và Sri Lanka, sản lượng 2018 được dự báo khả quan hơn. Thị trường chè toàn cầu đạt 24,3 tỷ USD trong năm 2016, dự kiến sẽ đạt 37,5 tỷ USD vào năm 2025, với tốc độ tăng trưởng 5%/năm trong giai đoạn từ 2017-2025, nhu cầu tiêu thụ chè toàn cầu ngày càng tăng. Giá chè tăng 17% trong năm 2017, và dự báo sẽ duy trì vững trong năm 2018 và 2019.

Công ty Nghiên cứu thị trường BMI Research dự báo, với kết quả tích cực trong năm qua, ngành hàng tiêu dùng của Việt Nam sẽ tiếp tục duy trì mức tăng trưởng 2 con số trong giai đoạn 2018-2019, vào khoảng 10,9%/năm. Cũng theo dự báo của hãng nghiên cứu này, ngành sữa dự kiến tăng trưởng 10% và nhu cầu tiêu dùng sẽ tập trung tăng mạnh ở nhóm hàng thực phẩm và tiêu dùng thiết yếu.

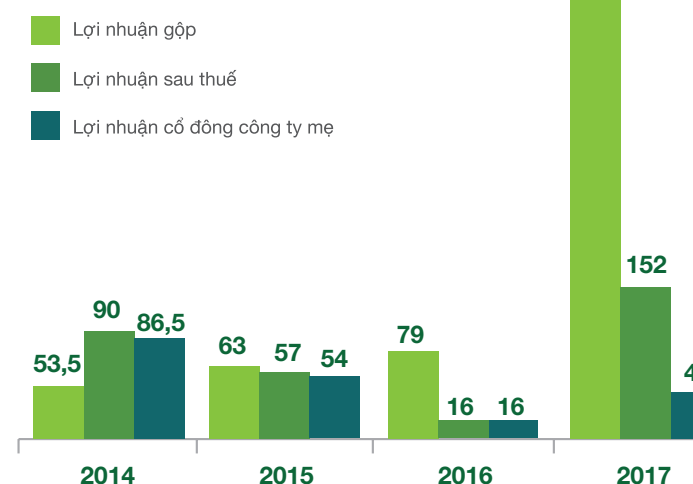
II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

• Biểu đồ cơ cấu doanh thu qua các năm



• Biểu đồ lợi nhuận



CHỈ TIÊU	NĂM 2017	NĂM 2016	THAY ĐỔI
Doanh thu thuần	3.781	1.826	108%
Lợi nhuận gộp	439	78,7	457%
Lợi nhuận thuần sau thuế	152	16	850%
Lợi nhuận cổ đông công ty mẹ	40,4	15,6	159%
EPS (VND)	162	101	60,4%

Trong năm 2017, GTNfoods tiếp tục thực hiện chuyển dịch trọng tâm kinh doanh thành một doanh nghiệp thực phẩm sạch, đồng thời nỗ lực không ngừng tái cơ cấu các đơn vị thành viên. Theo đúng lộ trình đã hoạch định 2017-2020, Ban Lãnh đạo GTNfoods vẫn đang tiến dần những bước vững chắc, phần nào được thể hiện qua bức tranh kết quả kinh doanh 2017.

Doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn năm 2017 tăng xấp xỉ 2.000 tỷ đồng, tương ứng 108% doanh thu cùng kỳ phần lớn nhờ giao dịch hợp nhất Tổng công ty chăn nuôi Việt Nam-CTCP. Trong đó, Mộc Châu Milk đóng góp 2.466 tỷ doanh thu thuần, doanh thu từ chè tăng 120 tỷ đồng (tương ứng tăng 32%). Các hoạt động không cốt lõi đang được cắt giảm dần theo đúng định hướng chiến lược của công ty khiến doanh thu các mảng này giảm xấp xỉ 600 tỷ đồng.

Tỷ suất lợi nhuận gộp tăng một cách tích cực từ 4% lên 12% là thành quả của việc chuyển dịch cấu trúc mặt hàng từ dần trái sang tập trung vào các ngành hàng cốt lõi Sữa và Chè.

Lợi nhuận sau thuế đạt 152 tỷ, tăng 136 tỷ VND tương ứng 850% so với 2016, lợi nhuận thuộc cổ đông công ty mẹ đạt 40,4 tỷ, EPS 162, tăng 60,4% so với cùng kỳ 2016. Tại quý IV năm 2017, Công ty đã chủ động giải quyết các yếu tố không hiệu quả gây chi phí như trích lập dự phòng đầy đủ cho các lô hàng tồn kho và khoản đầu tư tồn lại từ giai đoạn trước cổ phần hóa, cắt giảm đàn nái, cơ cấu lại nguồn nhân sự nhằm mục tiêu không gây ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh 2018.

Tại quý IV năm 2017, Công ty đã chủ động giải quyết các yếu tố không hiệu quả gây chi phí như trích lập dự phòng đầy đủ cho các lô hàng tồn kho và khoản đầu tư tồn lại từ giai đoạn trước cổ phần hóa, cắt giảm đàn nái, cơ cấu lại nguồn nhân sự nhằm mục tiêu không gây ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh 2018.

Hơn hết, trong năm 2017, hình ảnh GTNfoods là một công ty kinh doanh thực phẩm sạch, tận dụng ưu điểm vượt trội về chuỗi giá trị nông nghiệp khép kín và bền vững với hai dòng sản phẩm chính hiện tại là Trà và Sữa đã dần được định hình rõ ràng, thông qua các kế hoạch thoái vốn mạnh mẽ các khoản đầu tư không cốt lõi và tập trung cao độ nguồn lực của mình cho mảng thực phẩm.

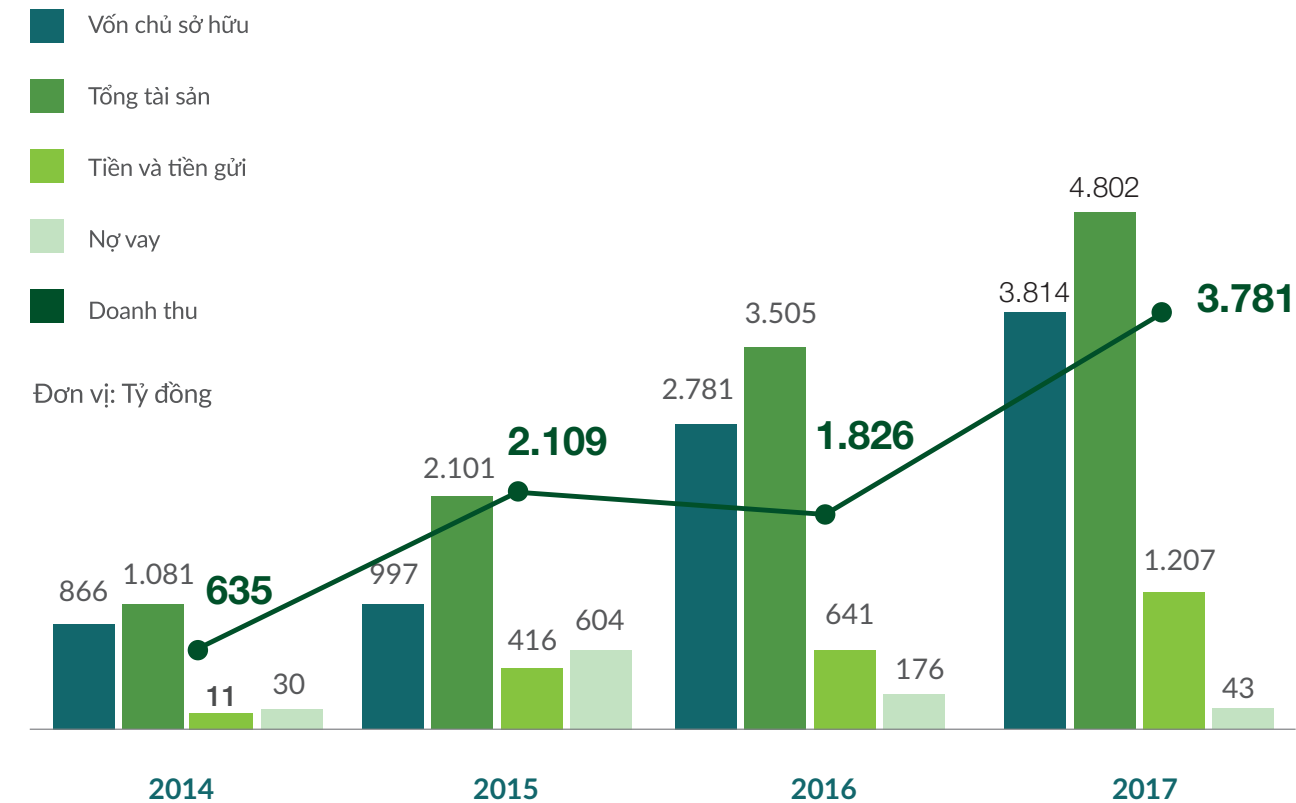
Kết quả kinh doanh theo lĩnh vực hoạt động.

HOẠT ĐỘNG	DOANH THU			LỢI NHUẬN GỘP		
	Năm 2017	Năm 2016(*)	Thay đổi	Năm 2016	Năm 2016(*)	Thay đổi
Hoạt động SXKD Sữa	2.142	-	-	420	-	-
Hoạt động SXKD Chè	489	369	32,52%	20,5	36,4	(43,7)
Hoạt động chăn nuôi	146	-	-	(36,8)	-	-
Hoạt động thương mại khác	915	1.327	31,05%	54,5	30,6	78,8%
Hoạt động khác	89	130	(31,54%)	(19,2)	11,7	-
Tổng cộng	3.781	1.826	108%	439	78,7	457%

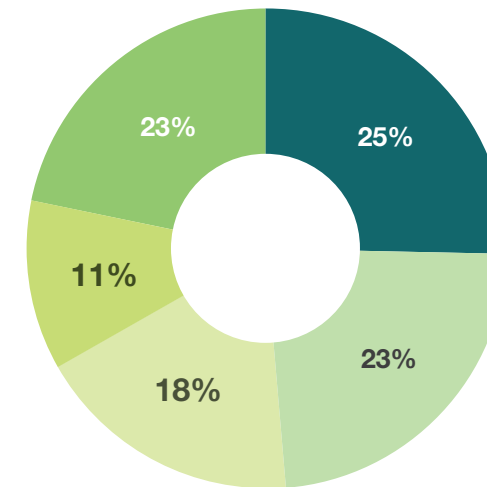
(*) Năm 2016, GTNfoods chưa thực hiện hợp nhất Tổng công ty chăn nuôi Việt Nam - CTCP

Tăng trưởng tài sản hợp nhất:

Tổng tài sản và vốn chủ sở hữu cùng tăng trưởng mạnh mẽ gấp hơn 4 lần qua bốn năm nhờ các hoạt động M&A theo chiến lược trở thành một doanh nghiệp Thực phẩm sạch.



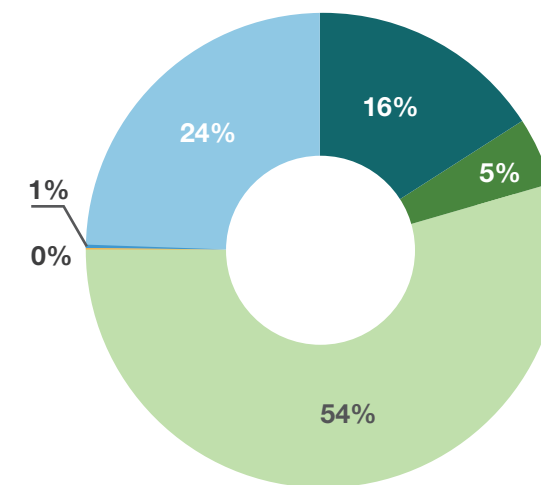
Cơ cấu tài sản thanh khoản cao:



Cơ cấu tài sản tại ngày 31/12/2017

- Tiền mặt và các khoản tiền gửi
- Tài sản lưu động
- Tài sản cố định
- Đầu tư tài chính
- Tài sản vô hình

Cơ cấu nguồn vốn lành mạnh:



Cơ cấu nguồn vốn tại ngày 31/12/2017

- Nợ phải trả ngắn hạn
- Nợ phải trả dài hạn
- Vốn góp của chủ sở hữu
- Các quỹ và nguồn kinh phí
- LNST chưa phân phối
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Tiền mặt và các khoản tiền gửi là khoản mục chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tài sản của GTNfoods thể hiện tình hình thanh khoản tốt. Trong năm 2017, Công ty trải qua quá trình tái cơ cấu, tập trung giải quyết các tồn đọng sau cổ phần hóa mạnh mẽ do đó chưa thực hiện các dự án đầu tư lớn, quỹ tiền lớn này cùng với nguồn tiền thu hồi từ thoái vốn và thanh lý tài sản không cốt lõi sẽ là nguồn lực chính để Tập đoàn đầu tư mạnh mẽ vào các mảng kinh doanh chính, đặc biệt là Sữa trong giai đoạn 2018 - 2020.

Tổng nợ phải trả chỉ chiếm 21% trong cơ cấu nguồn vốn thể hiện cơ cấu tài chính khỏe mạnh. Lợi ích cổ đông thiểu số đang ở mức cao và chủ yếu từ Công ty cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu, trong tương lai, HĐQT GTNfoods đã thông qua chủ trương gia tăng tỷ lệ sở hữu trực tiếp và gián tiếp vào Mộc Châu Milk.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Bằng việc quản lý tài chính chặt chẽ, các hệ số về khả năng thanh toán và cơ cấu vốn của công ty tiếp tục được duy trì ở mức an toàn, đảm bảo nguồn tài chính vững mạnh cho các dự án trong tương lai. Các chỉ số về khả năng sinh lời chưa cao do công ty đang trong quá trình tập trung tái cơ cấu, tuy nhiên có sự cải thiện khi so sánh với năm 2016 và vẫn đúng theo lộ trình kế hoạch.

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	CÔNG TY MẸ		HỢP NHẤT	
		31/12/2016	31/12/2017	31/12/2016	31/12/2017
Chi tiêu về khả năng thanh toán					
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	94,96	177,49	4,38	3,00
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	94,29	177,36	4,22	2,43
Chi tiêu về cơ cấu vốn					
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,04	0,00	0,21	0,21
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,04	0,00	0,26	0,26
Chi tiêu về năng lực hoạt động					
Vòng quay hàng tồn kho (*)	Vòng	286,89	110,62	17,58	14,10
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	%	58%	17%	65%	91%
Chi tiêu về khả năng sinh lời					
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	0,41%	0,43%	0,87%	4,02%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	0,24%	0,07%	0,57%	3,66%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	0,24%	0,07%	0,57%	3,66%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Tổng tài sản	%	0,72%	0,82%	0,92%	4,05%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	-	-	101	162

(*) Trong năm 2017, công ty chủ trương cắt giảm các hoạt động thương mại không cốt lõi vì vậy hàng tồn kho công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2017 là bằng 0.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Thông tin cổ phần

Vốn điều lệ của Công ty	2.500.000.000.000 đồng
Mệnh giá 1 cổ phiếu	10.000 đồng
Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	250.000.000 cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu niêm yết	250.000.000 cổ phiếu
Cổ phiếu quỹ	0 cổ phiếu
Giá trị vốn hóa trên thị trường tại ngày 31/12/2017	4.050.000.000.000 đồng

CƠ CẤU SỞ HỮU

STT	CHỈ TIÊU	CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC			CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI		
		Số lượng cổ phiếu nắm giữ	% sở hữu	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	% sở hữu	Số lượng cổ đông
1	Cổ đông lớn	70.047.880	28,02%	1	69.999.990	28%	2
2	Cổ đông khác	62.701.837	25,08%	1061	47.250.293	18,9%	48
	Tổng cộng	132.749.717	53,1%	1062	117.250.283	46,9%	50

* Cơ cấu cổ đông được cập nhật theo các thông báo CBTT về giao dịch của các cổ đông lớn và cổ đông nội bộ, người liên quan của cổ đông nội bộ cho đến ngày 31/12/2017 và đối chiếu theo danh sách cổ đông chốt vào ngày 26/02/2018 cho mục đích chốt quyền dự họp ĐHCĐ thường niên năm 2018.

TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN

STT	CHỈ TIÊU	SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ
1	Công ty Cổ phần Invest Tây Đại Dương	70.047.880	28,02%
2	TAEL Two Partners	55.000.000	22%
3	PENM IV Germany GmbH & Co. KG	14.999.990	6%

THÔNG TIN CỔ PHIẾU HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

	SỐ LƯỢNG HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG (*)	SỐ LƯỢNG TỰ DO	TỶ LỆ
Cổ phiếu	0	250.000.000	250.000.000
Tỷ lệ (%)	0%	100%	100%

* Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng từ hai đợt phát hành riêng lẻ tăng vốn điều lệ trong năm 2016, hạn chế chuyển nhượng một năm kể từ ngày hoàn thành phát hành riêng lẻ theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật hiện hành. Tính đến ngày 18/11/2017, số cổ phiếu trên đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng, được phép chuyển nhượng tự do theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức và nhân sự

Là một Tập đoàn lớn với lực lượng nhân sự 4.042 người tính trên cơ sở hợp nhất, trải dài từ Bắc đến Nam, với các công ty con tiền thân là các Tổng công ty lớn của Nhà nước (Vinacera và Vifico), GTNfoods có sự giao thoa giữa lực lượng nhân sự mới và lực lượng nhân sự theo môi trường Nhà nước cũ. Hiểu rõ ưu điểm và nhược điểm của mô hình này, GTNfoods hướng tới xây dựng văn hóa doanh nghiệp kết hợp giữa niềm tự hào của các công ty tiền thân nhà nước, có chiều dài lịch sử lâu đời, với sức trẻ và lòng nhiệt huyết của lực lượng lao động thuộc thế hệ mới, với chất xúc tác là các nhân sự cao cấp và chuyên gia quốc tế với nguyên tắc làm việc chuyên nghiệp, khoa học theo tiêu chuẩn quốc tế.

Chuyển đổi từ mô hình sản xuất kinh doanh xưa cũ, sang sản xuất thực phẩm sạch thông qua mô hình Nông Nghiệp công nghệ cao, GTNfoods nhận thức được các khó khăn và thách thức trong việc gắn kết tập thể, tạo động lực, môi trường năng nổ đầy cảm hứng cống hiến và phấn đấu, đồng thời truyền tải tới toàn bộ cán bộ công nhân viên mục tiêu chung của công ty, tạo động lực cho cả khối tập thể làm việc, cống hiến và cùng hướng về một đích. Hiểu rõ đặc điểm và mục tiêu chung cần hướng tới, GTNfoods dựa vào những giá trị cốt lõi để tạo nên văn hóa doanh nghiệp riêng biệt của mình:

- “Nằm vùng” để tìm được tiếng nói chung giữa công ty mẹ và công ty con. Đàm phán và mua lại doanh nghiệp chỉ mới là phần khởi đầu. M&A thực sự diễn ra khi 2 công ty đồng thuận đi chung một con đường, cùng chung một lý tưởng để xây dựng và phát triển. Không đồng lòng sẽ không đồng sức, không đồng sức sẽ không tạo ra thành quả và kỳ tích. Chính vì vậy, GTNfoods luôn dày công trong việc xây dựng được tiếng nói chung từ các công ty con và công ty mẹ.
- Tìm ra những điểm mạnh để phát huy, điểm yếu để tháo gỡ nút thắt và tạo con đường riêng, cùng nhau phát triển. Thời kỳ đầu M&A, lãnh đạo công ty mẹ GTNfoods gần như nằm vùng ở các công ty con. Chân phải “lắm bùn” cùng những người nông dân để hiểu được đâu là những điểm mạnh cần được phát huy, đâu là điểm yếu cần được tháo gỡ. GTNfoods luôn tôn trọng các nét văn hóa riêng biệt của các công ty con, luôn tìm kiếm sự đồng thuận và tiếng nói chung trong đổi mới và phát triển.
- Giúp nhân viên đánh giá được tương lai của doanh nghiệp và thấu hiểu họ chính là người góp phần tạo nên nó: Truyền thông nội bộ được tích cực đẩy mạnh trong thời gian gần đây, khi chiến lược phát triển của cả tập

đoàn đang ngày càng trở nên rõ nét hơn bao giờ hết. Với trọng trách tạo động lực lao động và truyền tải đầy đủ mục tiêu chung của công ty cho từng cán bộ công nhân viên, từng bước thay đổi tư duy cũ, thay vào đó là tư duy làm nông nghiệp công nghệ cao, với năng suất cao hơn, hiệu quả tốt hơn. Từ đó, đời sống của người lao động sẽ ngày càng được nâng cao và tạo dựng tương lai vững chắc hơn, đồng thời quan trọng hơn cả, là tạo sợi dây vô hình, gắn kết lâu dài giữa doanh nghiệp và cá nhân người lao động.

Vấn đề về tổ chức nhân sự năm 2017 được GTNfoods chú trọng xây dựng và kiện toàn. Đối với khối văn phòng, GTNfoods chủ trương tăng cường chuyên môn của CBCNV, tuyển dụng lao động có chất lượng cao và xây dựng KPI đánh giá công việc hàng tuần hàng tháng, thực hiện chi trả lương thưởng cho người lao động dựa trên hiệu quả công việc, đảm bảo đúng người đúng việc, phù hợp với chuyên môn và kinh nghiệm. Đồng thời, công nghệ thông tin cũng được dẫn đưa vào áp dụng trong việc vào quản lý công việc, tương tác giữa các lực lượng nhân sự, cập nhật số liệu quản trị nhân sự và theo dõi hiệu quả công việc, dần định hình một hệ thống nhân sự hiện đại và chuyên nghiệp..

Trong mảng nông nghiệp, song song với việc tăng sản lượng, GTNfoods tập trung đào tạo, nâng cao kỹ năng và năng lực chuyên môn của người nông dân tại các vùng nguyên liệu nhằm duy trì và ngày càng nâng cao chất lượng sản phẩm.

Đối với hoạt động kinh doanh các sản phẩm thực phẩm sạch, GTNfoods đang từng bước kiện toàn đội ngũ kinh doanh và marketing bằng việc liên tục tuyển thêm các nhân sự có năng lực cao và đào tạo đối với đội ngũ hiện có, nhằm phục vụ cho mục tiêu mở rộng thị trường.

Trong năm 2017, GTNfoods liên tục tổ chức các sự kiện lớn, nổi bật, giúp cải thiện môi trường làm việc chung, tăng tính gắn kết trong tập thể như: Gala Dinner Cuối Năm, Sự kiện Kỷ Niệm Thành Lập Công Ty, Ngày Hội Giao Lưu Tuổi Trẻ tại Mộc Châu.

Ngoài ra, công ty cũng quan tâm cải thiện đời sống tinh thần thường nhật cho người lao động thông qua các dịp sinh nhật, giao lưu thường niên, hoặc các ngày lễ lớn trong năm.



Gala Dinner Cuối Năm



Ngày Hội Giao Lưu Tuổi Trẻ tại Mộc Châu



Sự kiện Kỷ Niệm Thành Lập Công Ty

3. Tình hình đầu tư, phát triển các dự án

Công ty Cổ phần GTNfoods được vận hành theo mô hình Tập đoàn trong đó Công ty mẹ đóng vai trò là Công ty quản lý vốn và điều phối hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong những năm qua, hoạt động đầu tư của Công ty mẹ, Công ty Cổ phần GTNfoods chủ yếu bao gồm các hoạt động đầu tư thông qua M&A các Công ty tiền thân là Công ty Nhà Nước với bề dày lịch

sử hoạt động, thương hiệu phổ biến, cơ sở hạ tầng tốt, nhưng đang gặp nhiều rào cản trong phát triển kênh phân phối, bán hàng và marketing. Các thương vụ M&A của GTNfoods đều được cân nhắc và xem xét kỹ về tính hiệu quả, đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển dài hạn là trở thành một Công ty Thực phẩm Sạch với chuỗi giá trị nông nghiệp khép kín.

ĐẦU TƯ GIA TĂNG SỞ HỮU TẠI TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM – CTCP (“VILICO”)

Động lực thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> Năm 2017, Công ty Cổ phần GTNfoods xác định chiến lược phát triển dài hạn trở thành một Công ty Thực phẩm Sạch với chuỗi giá trị khép kín, với mũi nhọn đầu tư vào hai mảng là Sữa (Công ty Cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu, tức “Mộc Châu Milk”) và Trà (Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP, tức “Vinatea”) Gia tăng tỷ lệ sở hữu tại Vilico (Vilico hiện đang nắm giữ 51% vốn điều lệ của Mộc Châu Milk) và Mộc Châu Milk
Cách thức và tiến độ thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> Trong năm 2017, Công ty Cổ phần GTNfoods đã tiếp tục mua thêm cổ phiếu để gia tăng tỷ lệ sở hữu tại Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (“Vilico”), cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Năm 2015-2016: Mua 4.833.162 cổ phiếu, tương đương 7,66% + Tháng 01/2017: Mua thêm 36.182.488 cổ phiếu, tương đương 57,34% vốn điều lệ. + Tháng 08/2017: Mua thêm 3.184.586 cổ phiếu, tương đương 5,05% vốn điều lệ. + Tháng 11/2017: Mua thêm 2.319.000 cổ phiếu, tương đương 3,67% vốn điều lệ
Kết quả đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> Tính đến thời điểm 31/12/2017, Công ty Cổ phần GTNfoods đã sở hữu 46.519.236 cổ phiếu VLC, tương đương tỷ lệ sở hữu 73,72% vốn điều lệ với tổng giá trị đầu tư lũy kế: 1.416 tỷ đồng

Danh sách các công ty con và công ty liên kết theo Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2017:

CÔNG TY	TỶ LỆ LỢI ÍCH TẠI NGÀY 31/12/2017	TỶ LỆ QUYỀN BIỂU QUYẾT TẠI 31/12/2017
CÔNG TY CON		
Tổng Công Ty Chè Việt Nam-CTCP	95%	95%
Tổng Công Ty Chăn Nuôi Việt Nam-CTCP	73,72%	73,72%
Công ty cổ phần chè Liên Sơn (*)	48,66%	51,22%

CÔNG TY	TỶ LỆ LỢI ÍCH TẠI NGÀY 31/12/2017	TỶ LỆ QUYỀN BIỂU QUYẾT TẠI 31/12/2017
CÔNG TY CON (tiếp theo)		
Công ty cổ phần chè Nghĩa Lộ (*)	48,45%	51%
Công ty cổ phần Vinatea Kim Anh (*)	92,79%	97,67%
Công ty cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (**)	37,60%	51%
Công ty cổ phần chăn nuôi Miền Trung (**)	67,11%	91,03%
Công ty TNHH Hàng tiêu dùng GTNfoods	100%	100%
Công ty CP Nhựa Miền Trung	90%	90%
Công ty CP Sản xuất Tre công nghiệp Mộc Châu	96,37%	96,37%
CÔNG TY LIÊN KẾT		
Công ty CP Lâm nghiệp Sài Gòn	35%	35%
Công ty CP Thực phẩm Lâm Đồng	35%	35%
Công ty chè Phú Đa (*)	42,75%	45%
Công ty cổ phần chè Trần Phú (*)	27,36%	28,8%
Công ty cổ phần chè Kim Anh (*)	34,20%	36%
Công ty Cổ phần Đầu tư và XNK súc sản Gia cầm Hải Phòng (**)	19,50%	30%
Công ty Cổ phần Gà giống Châu Thành (**)	25,58%	39,35%
Công ty Cổ phần Giống gia cầm Miền Nam (**)	23,87%	36,72%
Công ty Cổ phần Việt Phong (**)	20,00%	30,78%
Công ty Cổ phần Giống vật nuôi và Cây trồng Đồng Giao (**)	23,69%	36,44%
Công ty Cổ phần Giống gia súc Thanh Ninh (**)	29,25%	45%
Công ty Cổ phần Giống & Vật tư chăn nuôi Bắc Trung Bộ (**)	24,23%	37,37%
Công ty Cổ phần Phát triển Giống gia súc Miền Trung (**)	17,67%	27,19%
Công ty Cổ phần An Đại Việt (**)	22,65%	34,84%
Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội (**)	23,40%	36%
Công ty Cổ phần Giống gia cầm Lương Mỹ (**)	23,40%	36%
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Phát triển Đông Á (**)	22,76%	35,02%

(*) Công ty con, công ty liên kết gián tiếp thuộc Tổng công ty Chè Việt Nam - CTCP

(**) Công ty con, công ty liên kết gián tiếp thuộc Tổng công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CÁC CÔNG TY CON THUỘC MẢNG KINH DOANH CỐT LÕI

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (Mộc Châu Milk)

ĐVT: Tỷ đồng

	NĂM 2017	NĂM 2016	BIẾN ĐỘNG
Tài sản ngắn hạn	814,48	817,37	-0,35%
Tài sản dài hạn	245,82	277,47	-11,55%
Nợ phải trả ngắn hạn	316,98	351,17	-0,97%
Tổng tài sản	1.085,83	1.063,18	2,13%
Doanh thu thuần	2.466,11	2.280,53	8,14%
Lợi nhuận gộp	450,72	431,39	4,48%
Lợi nhuận thuần sau thuế	216,79	203,69	6,43%

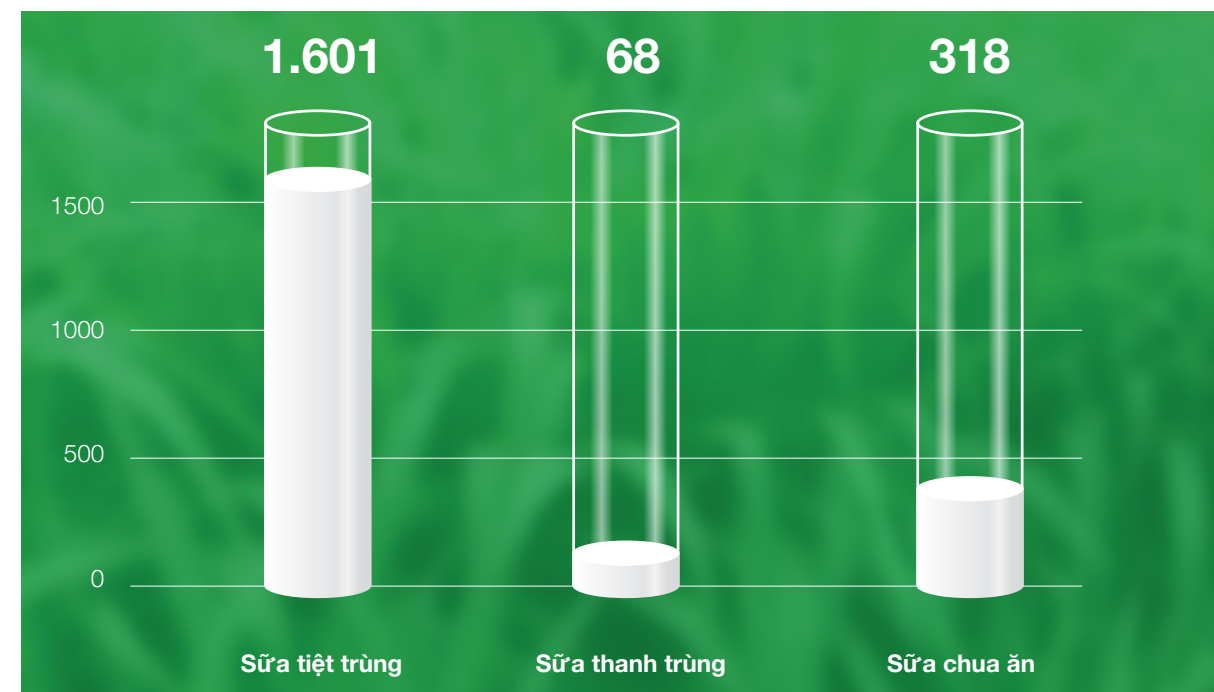
Năm 2017 là năm thứ 3 trong Kế hoạch 5 năm 2015-2020 của Công ty cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu và là năm đầu tiên Mộc Châu Milk về cùng chung chiến lược với GTNfoods. Công ty tiếp tục phát triển và kiện toàn mô hình sản xuất khép kín từ Trồng trọt - Chế biến thức ăn chăn nuôi - Chăn nuôi bò sữa - Chế biến các sản phẩm từ sữa và tiêu thụ trên thị trường, do đó đã tận dụng được tiềm năng, lợi thế và mọi nguồn lực cho sản xuất.

Đối với hoạt động sản xuất, công ty đã có những chính sách rất kịp thời phù hợp với thực tế như chủ động dự trữ nguồn thức ăn, duy trì hoạt động bảo hiểm bò, thưởng giá sữa... tạo điều kiện cho các hộ chăn nuôi phấn khởi hoàn thành kế hoạch. Các hộ chăn nuôi đã mạnh dạn đầu tư lớn, quy mô hộ được nâng lên rõ rệt. Công tác dự trữ thức ăn cho đàn bò đã được quan tâm với trên 170 ngàn tấn ủ ướp, đã chủ động thức ăn thô xanh thường xuyên cho đàn bò với việc tăng cường phục trạng và trồng mới các loại cỏ, đã đưa một số loại cỏ mới vào trồng thử nghiệm tại Trung tâm giống, cho kết quả khả quan. Nhà máy TMR hoàn thành kế hoạch sản xuất, cung ứng đầy đủ thức ăn hàng ngày cho Trung tâm giống và tăng cường xuất bán cho đàn bò cao sản các hộ chăn nuôi trong toàn

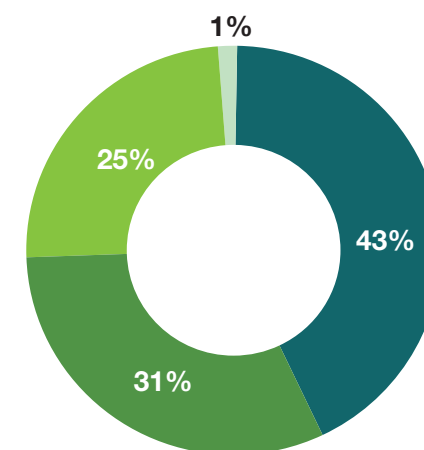
công ty. Nhà máy chế biến sữa được trang bị thêm máy rót giúp nâng cao công suất đáp ứng nhu cầu thị trường về thị hiệu và chủng loại. Việc thực hiện đồng bộ chương trình VietGap trong tất cả cơ sở chăn nuôi của công ty, tăng cường kiểm tra kiểm soát trong chương trình nâng cao chất lượng sữa tươi đã góp phần nâng cao năng suất và chất lượng sữa bán ra thị trường. Cụ thể, sản lượng sữa tươi sản xuất năm 2017 tăng gấp 14,9% so với 2016.

Tình hình cạnh tranh trong ngành sữa tại Việt Nam những năm gần đây ngày càng khó khăn hơn, các hãng sữa liên tiếp tăng cường các hoạt động khuyến mãi và quảng cáo. Mộc Châu Milk cũng đã chủ động nắm giữ và mở rộng thị phần bằng các hoạt động quảng bá thương hiệu 100% sữa tươi nguyên chất với thông điệp "Thảo nguyên xanh, sữa mát lành" như tăng cường nhận diện thương hiệu, tổ chức cuộc thi Hoa hậu bò sữa Mộc Châu, tăng độ phủ điểm bán... Doanh thu thuần năm 2017 của Công ty cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu đạt 2.466 tỷ đồng, vượt kế hoạch đề ra và bằng 108,15% năm 2016.

Doanh thu của một số mặt hàng chính (Tỷ đồng)



Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng 6% so với năm 2017, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu năm 2017 đạt 30,55%, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản đạt 20,32%. Khả năng thanh khoản của công ty luôn trong vùng an toàn, cơ cấu vốn lành mạnh.

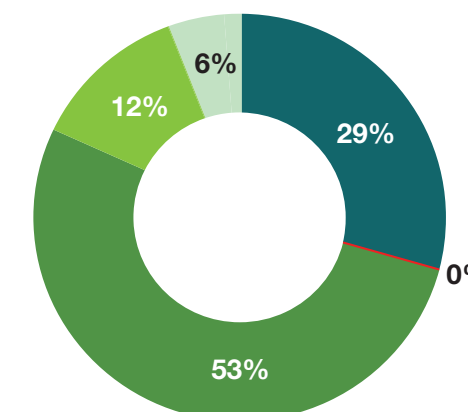


Cơ cấu tài sản 2017

- Tiền và các khoản tiền gửi
- Tài sản lưu động
- Tài sản dài hạn
- Tài sản khác

Cơ cấu nguồn vốn 2017

- Nợ ngắn hạn
- Nợ dài hạn
- Vốn CSH
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- Quỹ khác



Tổng Công Ty Chè Việt Nam - CTCP (Vinatea)

	NĂM 2017	NĂM 2016	BIẾN ĐỘNG
Tài sản ngắn hạn	530,4	626	15,27%
Nợ phải trả ngắn hạn	451	554,5	-18,67%
Tổng tài sản	788,6	902,6	-12,63%
Doanh thu thuần	495,7	374,02	32,53%
Lợi nhuận gộp	23,7	40,06	-40,84%
Lợi nhuận thuần sau thuế	-13,1	2	-

Tổng Công ty Chè Việt Nam-CTCP năm 2017 đã tiến thêm một bước trong nỗ lực gây dựng thương hiệu chè Việt ngay trên chính thị trường nội địa. Một loạt các hoạt động vô cùng mới mẻ và thu hút đã được triển khai như tung ra các sản phẩm trà túi lọc Ngủ ngon ++, Cúc mật ++, tổ chức cuộc thi Tea Master Cup 2017, khai trương showroom trà tại 46 Tầng Bạt Hồ... Tất cả nhằm đưa một thương hiệu chè 60 năm tuổi về gần gũi hơn với người tiêu dùng Việt Nam.

Bên cạnh đó, công ty tiếp tục giữ vững và phát triển hoạt động xuất khẩu chè thô. Trong năm, Vinatea đã đạt được các chứng chỉ sản xuất bền vững như 70%RA cho chè đen và 50% RA, 100% VIETGAP cho chè xanh, làm tấm vé thông hành giúp chè Vinatea vào được những thị trường khó tính hơn như Nhật, Mỹ, Anh, Đài Loan,... Doanh thu chè thô 2017 tăng 34%, tổng doanh thu thuần tăng trưởng tốt 122 tỷ, tương ứng 32,5%.

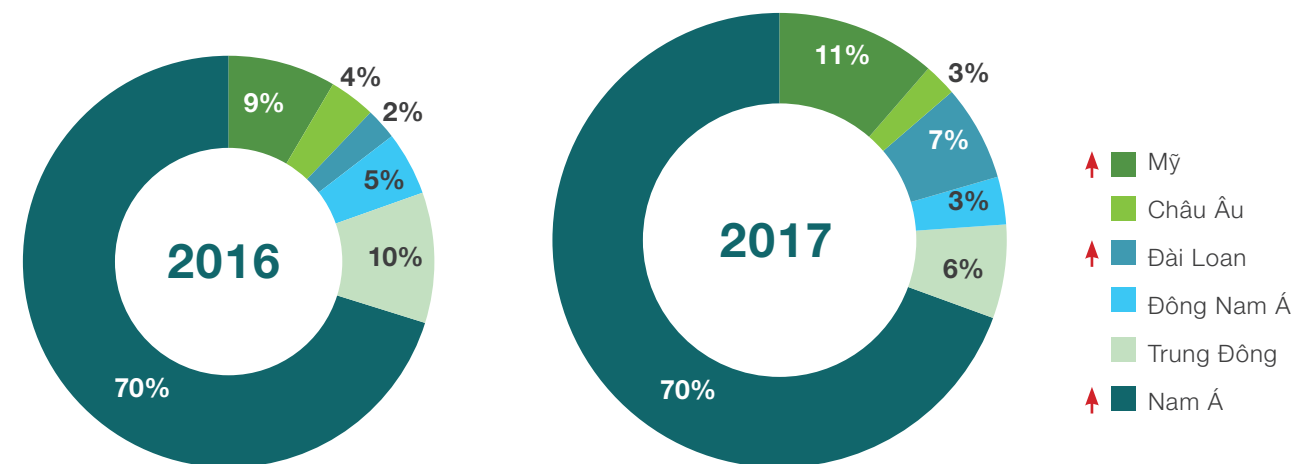
Doanh thu chè thô 2017

tăng 34%

Tổng doanh thu thuần

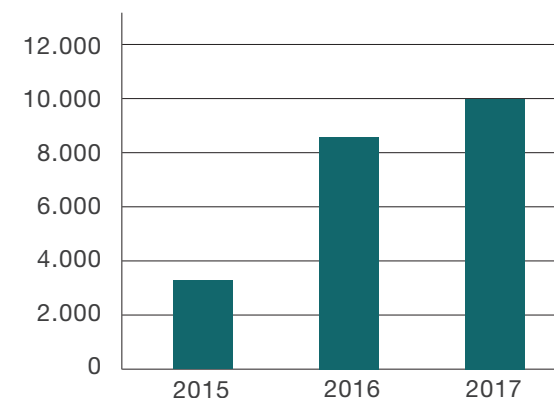
tăng 32,5%

Cơ cấu sản lượng chè xuất khẩu theo các thị trường

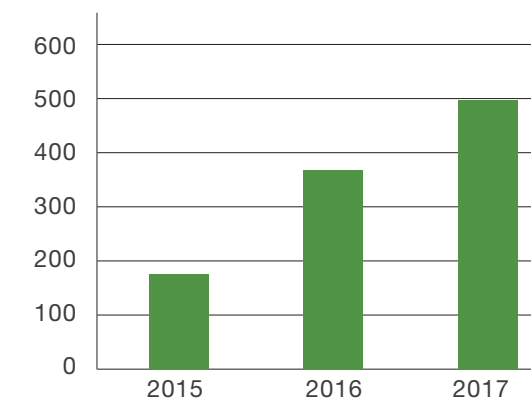


Doanh thu tăng trưởng tốt tuy nhiên lợi nhuận gộp lại giảm 40% do công ty chủ động thực hiện dự phòng cho các tài sản không cốt lõi và trích lập dự phòng hàng tồn kho chènghận từ giai đoạn trước cổ phần hóa khiến kết quả kinh doanh vẫn chưa có dấu hiệu khởi sắc nhiều. Dự kiến năm 2018, khi không còn phát sinh chi phí từ các hoạt động xử lý chè tồn đọng trước cổ phần hóa và tái cơ cấu, lợi nhuận từ kinh doanh chè sẽ tăng trưởng tốt.

Tăng trưởng sản lượng chè thô (Tấn)



Tăng trưởng doanh thu SXKD chè (tỷ đồng)



Trong năm 2017, Vinatea thực hiện nâng cấp showroom 46 Tầng Bạt Hồ giúp tăng cường nhận diện thương hiệu, ghi dấu rõ nét hơn hình ảnh Trà Vinatea. Hệ số thanh toán đạt 1,15 lần, cơ cấu Nợ/Vốn chủ sở hữu Vinatea vẫn tiếp tục duy trì ở mức an toàn.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng

ĐVT: Tỷ đồng

	NĂM 2017	NĂM 2016	BIẾN ĐỘNG
Tài sản ngắn hạn	187,45	182,72	2,75%
Tài sản dài hạn	56,67	47,23	20%
Nợ ngắn hạn	59,34	52,43	13,18%
Nợ dài hạn	1,16	0,46	150%
Tổng tài sản	244,11	229,96	6,15%
Doanh thu	585,05	443,69	31,86%
Lợi nhuận gộp	50,11	47,51	5,47%
Lợi nhuận thuần sau thuế	21,20	20,47	3,57%
EPS (đồng)	1.446	1.397	-

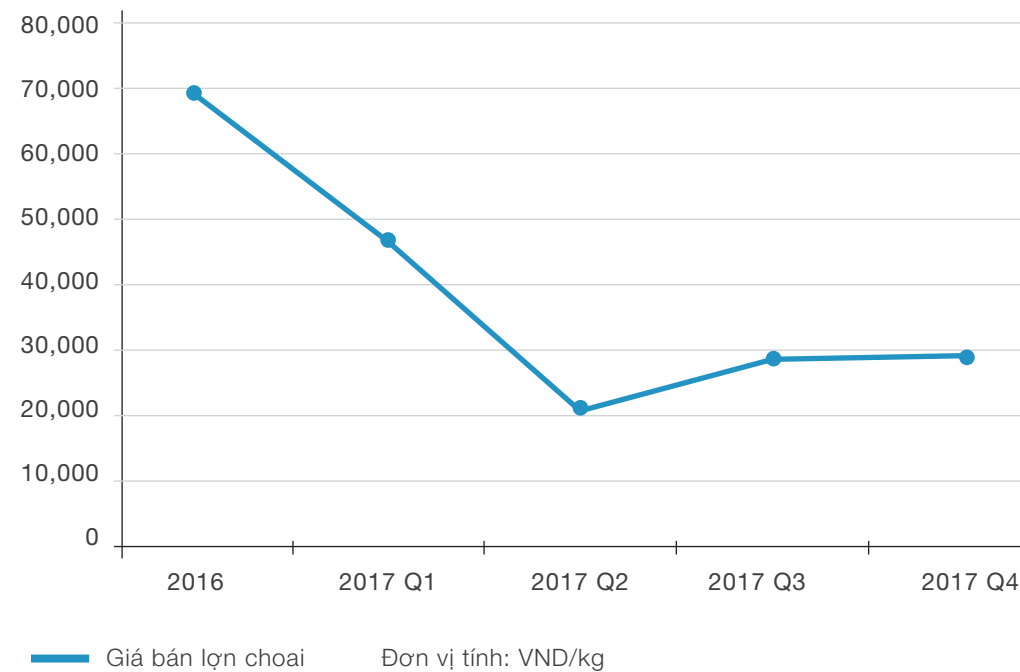
Tổng công ty chăn nuôi Việt Nam - CTCP (Vilico)

ĐVT: Tỷ đồng

	NĂM 2017	NĂM 2016	BIẾN ĐỘNG
Tài sản ngắn hạn	367,65	369,65	-0,54%
Nợ phải trả ngắn hạn	39,94	68,51	-41,7%
Tổng tài sản	757,33	792,03	-4,38%
Doanh thu thuần	235,44	410,05	-42,58%
Lợi nhuận gộp	-15,52	37,73	-141,32%
Lợi nhuận từ HĐ SXKD	40,5	74,51	-45,64%
Lợi nhuận thuần sau thuế	45,16	77,16	-41,47%

Hoạt động chính của Vilico là chăn nuôi lợn, sản xuất kinh doanh thức ăn chăn nuôi và kinh doanh máy móc thiết bị ngành chăn nuôi. Năm 2017 thị trường lợn Việt Nam chứng kiến một đà giảm sâu tới hơn 54% so với giá bán và nhiều lúc xuống thấp hơn giá thành sản xuất, hệ quả để lại từ một năm 2016 phát triển và gia tăng dần quá nóng trên toàn bộ thị trường.

Giá bán lợn choai (sản phẩm tiêu biểu của Vilico)



Ảnh hưởng nặng từ yếu tố giá bán, hai chi nhánh chăn nuôi chính là Tam Đảo và Mỹ Văn đã áp dụng nhiều biện pháp đối phó linh hoạt nhất như thay đổi quy mô đàn nái, áp dụng chào mua cạnh tranh trong từng đợt mua nguyên liệu, tổ chức lại cơ cấu các Đội chăn nuôi, tất cả đều nhằm giúp giảm chi phí đưa mức lỗ về tối thiểu. Cả năm 2017 Tổng công ty chăn nuôi Việt Nam-CTCP lỗ gộp 15,52 tỷ trên tổng doanh thu gần 236 tỷ.



Năm 2017 được ghi dấu là một năm đáng nhớ của công ty cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng với một loạt chuỗi sự kiện nổi bật như Chateau Đà Lạt là thương hiệu vang chính thức thiết đãi các nguyên thủ trong APEC 2017, đêm hội Vang Đà Lạt... Thương hiệu Ladora Winery đang ngày càng được in sâu hơn trong tâm trí người tiêu dùng như một sản phẩm Việt Nam nỗ lực vươn mình ra quốc tế.

Doanh thu Ladofoods tiếp tục tăng trưởng vượt bậc ở mức **31,86%**, lợi nhuận sau thuế đạt **21,2** tỷ đồng, tỷ suất lợi nhuận đạt **3,62%**, giảm 1% so với 2016 do công ty đầu tư mạnh vào các hoạt động marketing.

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG 2018

Định hướng hoạt động 2018 của GTNfoods trên các lĩnh vực

Năm 2017 được đánh giá là năm đánh dấu bước ngoặt của GTNfoods, khi các chiến lược tái cơ cấu và tăng trưởng dài hạn được đề ra một cách rõ nét đối với tổng công ty và các công ty thành viên. Trong năm 2018, GTNfoods đẩy mạnh hoạt động tái cấu trúc các mảng kinh doanh cốt lõi, thoái vốn và dừng một số hoạt động không nằm trong định hướng chiến lược, nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả sản xuất, tối ưu hóa chi phí sản xuất, gia tăng lợi ích cho các cổ đông. Từng bước mở rộng và nâng cấp hệ thống: vùng nguyên liệu, nhà máy, một cách đồng bộ đối với các mảng kinh doanh cốt lõi, đồng thời hợp tác và sử dụng hiệu quả nguồn nhân

lực chất lượng cao là các cố vấn, chuyên gia trong các lĩnh vực nông nghiệp, quản lý, phân phối & bán hàng, marketing, tài chính, mua bán sáp nhập,... từ các quỹ đầu tư hiện đang là cổ đông chiến lược của công ty.

Chiến lược phát triển bền vững cũng được GTNfoods bắt đầu xây dựng và thực hiện trong thời gian tới, bao gồm phát triển bền vững trong quản trị doanh nghiệp, “tăng trưởng xanh” và hoạt động trách nhiệm đối với cộng đồng, đặc biệt tại Mộc Châu, vùng nguyên liệu chính của GTNfoods.

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU (SỐ LIỆU HỢP NHẤT)	THỰC HIỆN 2017	KẾ HOẠCH 2018	TĂNG TRƯỞNG
1	Doanh thu & thu nhập tài chính	3.913	3.450	(11,83)%
2	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	151,9	300	97,5%
3	Lợi nhuận cổ đông công ty mẹ	40,4	165	333%

Kế hoạch tài chính chính thức của năm 2018 phụ thuộc vào sự phê duyệt cuối cùng của Đại hội đồng Cổ đông

Nhìn vào tổng thể số liệu kế hoạch 2018 có thể thấy, doanh thu kế hoạch giảm 463 tỷ đồng tuy nhiên lợi nhuận sau thuế và lợi nhuận công ty mẹ đều được kỳ vọng sẽ tăng trưởng tốt, lần lượt là 97,5% và 333%. Đó là kết quả dự kiến từ việc dịch chuyển tập

trung nguồn vốn vào những mảng kinh doanh hiệu quả, đóng cửa và thoái vốn một loạt các hoạt động ngoài ngành giúp cho doanh thu khởi đầu tuy thấp hơn nhưng tỷ lệ lợi nhuận lại cao hơn.



1. Mộc Châu Milk

Đặt mục tiêu giữ vững và phát triển thị phần trong nước, đặc biệt là tại các vùng nông thôn miền Bắc và Bắc Trung Bộ vốn là các thành trì vững chắc, Mộc Châu Milk đang tiếp tục phát huy những thế mạnh cốt lõi của chuỗi giá trị Nông Nghiệp bền vững, khép kín; sản phẩm sữa tươi sạch có hương vị thơm ngon và thương hiệu lâu đời, uy tín trên thị trường. Bên cạnh đó, Mộc Châu Milk vẫn tiếp tục



phát triển toàn diện khi định hướng đầu tư mạnh vào tăng trưởng đàn bò nhằm đáp ứng cho việc mở rộng kênh phân phối trên các thị trường mục tiêu, trong đó lấy trọng tâm là thị trường Hà Nội. Kênh phân phối truyền thống bao gồm chợ, đại lý và cửa hàng tạp hóa, vẫn đang là kênh mũi nhọn, đem lại phần lớn doanh thu cho Mộc Châu Milk. Trong năm 2018, hướng tới mở rộng thị trường mục tiêu với các vùng nông thôn, kênh phân phối truyền thống tiếp tục đóng vai trò nòng cốt. Đối với thị trường các thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Hạ Long,... đang có với sự thay đổi mạnh mẽ trong hành vi mua sắm của người tiêu dùng do chất lượng đời sống ngày càng tăng cao, kênh phân phối hiện đại đang ngày càng chiếm ưu thế so với kênh phân phối truyền thống. Do vậy, việc đi vào hệ thống các siêu thị, cửa hàng tiện lợi,... sẽ được Mộc Châu Milk chú trọng phát triển trong tương lai gần.

Đi đôi với mở rộng độ phủ trên thị trường, Mộc Châu Milk đẩy mạnh việc tái định vị và làm mới bao bì cho các sản phẩm cũ, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, đồng thời tăng điểm nhận diện và trải nghiệm cho người tiêu dùng, đặc biệt đầu tư vào kênh truyền thông đại chúng. Qua đó giúp tăng giá

trị thặng dư của sản phẩm Mộc Châu Milk so với các đối thủ trong ngành.

Song song với việc bám sát kế hoạch tăng trưởng, Mộc Châu Milk liên tục củng cố và hoàn thiện mối quan hệ hợp tác với các hộ nông dân liên kết, áp dụng công nghệ tiên tiến vào quy trình chăn nuôi sản xuất, chăm sóc thú y, kiểm dịch,... Đặc biệt, nghiên cứu chuẩn hóa và tích hợp hệ thống tiêu chuẩn đánh giá nhà cung cấp nhằm đảm bảo chất lượng cao, tươi sạch và ổn định cho nguồn nguyên liệu đầu vào. Mở rộng vùng nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, nâng cấp công suất chế biến của nhà máy một cách đồng bộ.

Đầu tư cho nguồn nhân lực chất lượng cao là chiến lược dài hạn của Mộc Châu Milk nói riêng và GTNfoods nói chung. Cùng với việc xúc tiến một cách linh hoạt và đa dạng các loại hình hợp tác kinh doanh với các chuyên gia cố vấn và đối tác quốc tế, là sự tinh gọn và tuyển mới đội ngũ nhân sự có năng lực. Không ngừng xây dựng và nâng cao môi trường làm việc thân thiện, hiệu quả, nhằm phát huy tối đa năng lực của từng cá nhân. Tiếp đà 2017, năm 2018 GTNfoods sẽ tiếp tục đẩy mạnh việc đầu tư nguồn nhân lực, vật lực vào xây dựng bộ máy và hệ thống quản trị của Mộc Châu Milk trên tất cả các mảng: tài chính - kế toán, nhân sự, kinh doanh - marketing, nghiên cứu sản phẩm,...



2. Trà Vinatea

Đặt mục tiêu tiếp tục duy trì vững chắc và có tăng trưởng sản lượng 10,000 tấn chè/năm trong giai đoạn 2018 – 2020, Vinatea đang có những thay đổi lớn khi định hướng chiến lược dần xoay trục từ thị trường có tỷ suất lợi nhuận thấp, sang các thị trường cao cấp hơn, đồng thời, chuyển dịch từ bán hàng phụ thuộc nguồn cung sang bán hàng dựa vào nhu cầu của thị trường.

Định hướng táo bạo này đem lại nhiều cơ hội và thách thức cho Vinatea do đây là những thị trường khó tính, đòi hỏi chất lượng cao và chiến lược sản phẩm đi đôi với nhu cầu của người tiêu dùng.

Đối với mảng chè nguyên liệu, bên cạnh các thị trường truyền thống, Vinatea đang tiếp tục đẩy mạnh phát triển các thị trường khó tính nhưng tiềm năng và đem lại giá trị thặng dư cao hơn cho sản phẩm như Mỹ, Anh, Nhật và Liên minh Châu Âu (EU). Các sản phẩm chè của Vinatea luôn được cải tiến không ngừng nhằm đạt chất lượng cao, đáp ứng được các yêu cầu kiểm duyệt gắt gao do đó, giá chè xuất khẩu trung bình của Vinatea thường cao hơn so với mặt bằng giá chung của Việt Nam và đang tịnh tiến về giá chè trung bình của thế giới là \$2,8/kg trong tương lai gần. Điều này giúp Vinatea cải thiện vị thế của mình trong chuỗi giá trị của ngành chè Việt Nam nói riêng và của thế giới nói chung.



Mảng trà thương hiệu cũng đang có nhiều tín hiệu đáng mừng khi trong năm 2018, công ty sẽ đẩy mạnh việc nghiên cứu nhu cầu của người tiêu dùng, việc tập trung vào phân khúc sản phẩm có lợi cho sức khỏe sẽ tạo điểm khác biệt về mặt chất lượng cho thương hiệu trà Vinatea so với các sản phẩm khác trên thị trường.

Song song với các chiến lược trung hạn về sản phẩm và thị trường là kế hoạch đầu tư cho con người, kiện toàn đội ngũ bán hàng, tiếp tục phát triển các kênh phân phối hiện tại thông qua các nhà phân phối trà lớn trên cả thị trường xuất khẩu và nội địa.



3. Thoái vốn và thanh lý tài sản thuộc các mảng kinh doanh không cốt lõi

Với lịch sử phát triển từ một công ty đa lĩnh vực từ kinh doanh nông sản thực phẩm, sản xuất tre công nghiệp tới vật liệu xây dựng hạ tầng, thông qua quá trình hợp nhất các Tổng công ty nhà nước có bề dày lịch sử, GTNfoods đang dần định hình và khẳng định chiến lược kinh doanh trở thành một công ty thực phẩm có chuỗi giá trị khép kín.

Bởi vậy, trong kế hoạch 3 năm tái cấu trúc 2018 - 2020, một hoạt động quan trọng không kém song hành cùng mục tiêu phát triển hai mảng Sữa và Chè đã được HĐQT đưa ra vô cùng đúng đắn và kịp thời, đó là kiên định thoái vốn khỏi các ngành hàng không cốt lõi. Cụ thể như Công ty Cổ phần sản xuất tre công nghiệp Mộc Châu, Công ty Cổ phần Nhựa miền Trung, các công ty liên kết không hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh cốt lõi tại hai Công ty con là Vilico và Vinatea.

Bắt đầu từ cuộc họp HĐQT quý III năm 2017, Ban lãnh đạo và HĐQT GTNfoods đã đề ra các mục tiêu và trình tự cụ thể cho lộ trình thoái vốn khỏi các

lĩnh vực này, nhằm giúp GTNfoods có thể tập trung nguồn lực tối đa cho hai mảng chủ lực Sữa và Chè. Cụ thể, tại cuộc họp HĐQT quý III năm 2017, nghị quyết số 10/2017/NQ/HĐQT ban hành ngày 3 tháng 11 năm 2017 quyết định thành lập Ban dự án tái cơ cấu do ông Nguyễn Văn Minh - Giám đốc tài chính làm trưởng ban, nghị quyết 12/2017/NQ/HĐQT ban hành cùng ngày phê duyệt chủ trương thoái vốn khỏi các công ty con, công ty liên kết, công ty con và công ty liên kết cấp hai không nằm trong chiến lược phát triển của Tập đoàn. Theo đó, tất cả các khoản đầu tư đều được ban dự án tái cơ cấu thực hiện đánh giá cẩn trọng dựa trên các phương pháp thẩm định giá, từ đó giúp tạo cơ sở cho ban lãnh đạo có các quyết sách đúng đắn và mức giá bán hợp lý nhất.

Mục tiêu trong năm 2018, GTNfoods sẽ thoái vốn khỏi một mảng lớn là công ty cổ phần Nhựa Miền Trung và một số khoản đầu tư nhỏ lẻ khác. Tới hết năm 2020, GTNfoods sẽ thoái vốn hoàn toàn khỏi các khoản đầu tư không cốt lõi.

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP



I. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Tập đoàn và Ban giám đốc

Hoạt động giám sát: Trong năm 2017, thực hiện theo những Điều lệ, Quy định, Quy chế quản trị nội bộ và Pháp luật hiện hành, GTNfoods đã có những hoạt động giám sát chặt chẽ và cụ thể.

Hoạt động quản trị nội bộ: Chủ trì và tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 vào ngày 28/3/2017. HĐQT Công ty Cổ phần GTNfoods đã tiếp tục chú trọng xây dựng nguồn nhân lực mạnh mẽ cũng như bộ máy quản trị doanh nghiệp chặt chẽ, hoàn thiện hóa và nâng cao chất lượng quản trị nội bộ Công ty.

Hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro để giảm thiểu mọi ảnh hưởng tiêu cực về hiệu quả kinh doanh và phát triển bền vững của toàn Hệ thống GTNfoods.

Giám sát thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ đã ban hành. Giám sát hoạt động của Ban điều hành (Ban Tổng giám đốc) và các cán bộ quản lý cấp cao Tổ chức thực hiện chính xác chế độ BCTC năm 2017, BCTC mỗi quý và BCTN năm 2016. Bảo vệ, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.



Tiếp tục quá trình thực hiện chiến lược mua, bán các công ty mục tiêu

Chỉ đạo, tổ chức và giám sát thực hiện các vấn đề liên quan đến sản xuất kinh doanh, huy động vốn và đầu tư của Công ty, nâng sở hữu Vilico lên 73,72%. Tiến hành thoái vốn ở các mảng không cốt lõi.

Công bố thông tin

Chỉ đạo thực hiện việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, đảm bảo công khai, minh bạch, kịp thời và chính xác.

Tuân thủ pháp luật, đảm bảo lợi ích của người lao động: Đảm bảo thực hiện nghiêm túc các lợi ích của người lao động đang làm việc tại Công ty. Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế cho ngân sách nhà nước theo quy định, nộp đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật.

Hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư

Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 do Ban Điều hành đề ra và giám sát việc thực hiện kế hoạch xuyên suốt trong cả năm 2018. Hoạch định và kiểm soát chiến lược, định hướng phát triển của toàn bộ Công ty nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đặt ra.

Tiếp tục phát triển với nền tảng đã có của GTNfoods, hướng tới trở thành công ty hàng đầu chuyên về lĩnh vực thực phẩm hàng tiêu dùng trên cơ sở tận dụng nền tảng sẵn có của Công ty GTNfoods và các công ty thành viên, các đối tác đầu tư chiến lược (TAEI Two Partners, PENM Partners, Hanil Feed) để đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu phát triển các dự án có tiềm năng phát triển; tích cực mở rộng thị trường thông qua nâng cao hiệu quả hoạt động Marketing hiện đại.

Hỗ trợ các công ty con trong công tác quản trị, xây dựng chiến lược, xây dựng kênh phân phối, tái cấu trúc doanh nghiệp và quản lý tài chính nhằm phát huy hết các tiềm năng và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Tiếp tục giám sát và chỉ đạo thực hiện các dự án hỗ trợ người nông dân trong việc quản lý và trồng cây chè, chăm sóc đàn bò, hướng tới phát triển ổn định và bền vững.

HĐQT đánh giá về kết quả hoạt động của Ban điều hành

Hội đồng Quản trị đánh giá rằng Ban Điều hành đã có những nỗ lực đáng ghi nhận và hoàn thành nhiệm vụ được giao. Trong bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều khó khăn, quy mô của Công ty và toàn hệ thống GTNfoods gia tăng nhanh chóng trong thời gian ngắn, hệ thống ngành nghề kinh doanh đa dạng, địa bàn đầu tư rộng khắp, Ban Điều hành đã điều hành, chỉ đạo tất cả các khâu, các ngành đạt được kết quả như đã nêu bên trên, về tổng thể đã tạo được một nền tảng tốt cho sự phát triển của Công ty và toàn hệ thống trong tương lai.

Hội đồng Quản trị nhận xét rằng tất cả các thành viên Ban Điều hành đều có đủ kinh nghiệm và kiến thức liên quan đến lĩnh vực, ngành nghề mà mình phụ trách, có tinh thần trách nhiệm và tinh thần hợp tác tốt, hoàn toàn có thể để tiếp tục gánh vác các nhiệm vụ mà Đại hội cổ đông và Hội đồng Quản trị giao phó.



2. Hoạt động của HĐQT năm 2017

Căn cứ Điều lệ và Quy chế Quản trị Công ty, Hội đồng Quản trị sẽ xây dựng lịch họp thường niên hàng năm, mỗi năm ít nhất 04 lần. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể triệu tập cuộc họp thường kỳ của Hội đồng Quản trị bất cứ lúc nào được cho là cần thiết, ít nhất mỗi quý một cuộc họp. Bên cạnh đó, trong năm 2017, Hội đồng

Quản trị còn tiến hành lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên Hội đồng Quản trị. Theo đó, các nghị quyết/ quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như các nghị quyết/ quyết định được các thành viên Hội đồng Quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

TÌNH HÌNH THAM DỰ CỦA TỪNG THÀNH VIÊN HĐQT TẠI CÁC CUỘC HỌP ĐỊNH KỲ HĐQT NHƯ SAU:

STT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	NGÀY BẮT ĐẦU/ KHÔNG CÒN LÀ THÀNH VIÊN HĐQT	SỐ BUỔI HỌP HĐQT THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ HỌP
1	Tạ Văn Quyền	Chủ tịch	26/04/2016	8/8	100%	
2	Michael Louis Rosen	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	18/01/2016	8/8	100%	
3	Nghiêm Văn Thắng	Phó Chủ tịch	26/04/2016	8/8	100%	
4	Chew Mei Ying	Thành viên	26/04/2016	8/8	100%	
5	La Mạnh Tiến	Thành viên	26/04/2016	8/8	100%	
6	Hoàng Mạnh Cường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/03/2017	2/8	25%	Miễn nhiệm ngày 28/03/2017
7	Nguyễn Trí Thiện	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/03/2017	2/8	25%	Miễn nhiệm ngày 28/03/2017
8	Nguyễn Hồng Anh	Thành viên	Mới bổ nhiệm từ ngày 28/03/2017	6/8	75%	Bổ nhiệm ngày 28/03/2017
9	Lars Kjaer	Thành viên	Mới bổ nhiệm từ ngày 28/03/2017	6/8	75%	Bổ nhiệm ngày 28/03/2017

Theo đó, tất cả các thành viên đều tham dự đầy đủ các cuộc họp trong năm của Hội đồng Quản trị. Ngoài ra, trong mỗi cuộc họp Hội đồng Quản trị đều có sự tham gia của Ban Kiểm soát với vai trò quan sát viên.

3. Các nghị quyết / quyết định của HĐQT đã ban hành năm 2017

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG
1	01/2017/NQ-HĐQT	18/01/2017	Triệu tập ĐHĐCĐ 2017 và ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền dự họp
2	03/2017/NQ-HĐQT	24/03/2017	Phê duyệt các tờ trình ĐHĐCĐ, thay đổi nhân sự chủ chốt, báo cáo đánh giá thực trạng và kiến nghị phương án SXKD 3 năm - Vinatea và chốt danh sách họp ĐHĐCĐ
3	04/2017/NQ-HĐQT	27/04/2017	Thông qua đơn từ chức của ông Phạm Duy Cường- Giám đốc Tài chính của Công ty Cổ phần GTNfoods.
4	05/2017/NQ-HĐQT	07/06/2017	Lựa chọn công ty kiểm toán cho Công ty cổ phần GTNfoods trong năm 2017
5	06/2017/NQ-HĐQT	07/06/2017	Thông qua chủ trương ký hợp đồng tư vấn AUP
6	07/2017/NQ-HĐQT	10/07/2017	Thông qua chủ trương thuê tư vấn về hệ thống quản trị công ty; Thông qua việc lập danh sách và công khai những người có liên quan & lợi ích có liên quan của cán bộ quản lý và công bố thông tin về các giao dịch; Nghiên cứu đề xuất các chủ trương về sở hữu công ty con
7	08/2017/NQ-HĐQT	10/07/2017	Phê duyệt và chuẩn y việc đóng cửa 2 Chi nhánh của Công ty Cổ phần GTNfoods
8	09/2017/NQ-HĐQT	28/07/2017	Thông qua việc bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Minh vào vị trí CFO của Công ty Cổ phần GTNfoods
9	10/2017/NQ-HĐQT	03/11/2017	Thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT; Thành lập Ban Dự án Tái cơ cấu; Các chủ trương định hướng hoạt động mảng chăn nuôi và bổ nhiệm nhân sự;
10	11/2017/NQ-HĐQT	03/11/2017	Phê duyệt bà Vũ Thị Thu Thủy giữ chức vụ Người phụ trách quản trị Công ty
11	12/2017/NQ-HĐQT	03/11/2017	Phê duyệt chủ trương thoái vốn tại các công ty con, công ty liên kết không nằm trong chiến lược phát triển dài hạn của Tập đoàn
12	13/2017/NQ-HĐQT	03/11/2017	Phê duyệt và chuẩn y việc tăng vốn sở hữu của GTNfoods tại Vilico, tập trung đầu tư vào ngành sữa; Phê duyệt chủ trương cho phép TAEI Partners nghiên cứu đầu tư Dự án phân bón hữu cơ tại Mộc Châu
13	14/2017/NQ-HĐQT	29/12/2017	Thông qua việc thoái vốn khoản đầu tư của Vilico tại các mảng kinh doanh không cốt lõi

4. Định hướng quản trị năm 2018

Tiếp đà 2017, GTNfoods tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tái cấu trúc đối với các công ty thành viên. Tạo dựng một lớp nhân sự tinh nhuệ, chuyên nghiệp và hiệu quả trong công việc. Đặc biệt nêu cao vai trò của các lãnh đạo cấp trung và cấp cao của công ty, nhằm nâng cao trách nhiệm đối với công việc và hiệu quả công việc. Đồng thời, việc đào tạo nuôi dưỡng và bồi đắp kỹ năng cho nhân sự, nuôi dưỡng đội ngũ kế cận được chú trọng trong những năm tới. Bên cạnh đó, Ban Lãnh Đạo GTNfoods cũng xây dựng các chính sách thưởng phạt, đánh giá chính xác cấp bậc nhân sự, đảm bảo tiền lương, thu nhập, thưởng và các chế độ đãi ngộ khác đúng với hiệu quả công việc của từng

cá nhân, nhằm nuôi dưỡng và giữ nguồn nhân sự có năng lực tốt và cống hiến lâu dài cho công ty.

Song song với việc kiện toàn về nhân sự, GTNfoods tập trung xây dựng và chuẩn hóa quy trình cho từng bộ phận với mục tiêu đơn giản, tinh gọn nhưng hiệu quả. Công ty cũng đang nghiên cứu việc áp dụng các phần mềm quản lý đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty thành viên, nhằm nâng cao và kiểm soát tốt hơn hiệu quả công việc. Tập trung xây dựng, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, nhằm tạo nên văn hóa doanh nghiệp và tinh thần đại gia đình, mái nhà chung GTNfoods đối với từng anh chị em cán bộ công nhân viên.

II. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Thành viên và cơ cấu ban kiểm soát

Ban kiểm soát hiện tại có ba thành viên, các thành viên đều đáp ứng đủ tư cách và năng lực thực thi nhiệm vụ của mình.

Thành viên ban kiểm soát tại các thời điểm cụ thể trong năm 2017 như sau:

HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	Ngày bắt đầu/ Không còn là thành viên BKS	SỐ LẦN THAM DỰ HỌP
Ông Trần Việt Thắng	Trưởng ban kiểm soát	26/04/2016	4/4
Ông Pan Mun Kit	Thành viên	26/04/2016	4/4
Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên	26/04/2016	4/4

2. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ của Tập đoàn GTNfoods, năm 2017, Ban Kiểm soát đã tiến hành thực hiện giám sát việc tuân thủ các quy định trong quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của công ty trong các lĩnh vực trong yếu bao gồm:

Kiểm soát hoạt động, kiểm soát chiến lược và kiểm soát tài chính.

Hiệu quả của công tác giám sát đã được tăng cường thông qua các hoạt động của Ban Kiểm Soát bao gồm:

- Tham dự và tham gia ý kiến tại tất cả các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, kiểm tra giám sát việc triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với HĐQT, Ban Giám đốc.
- Kiểm soát việc tuân thủ Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của Công ty theo các Quy định Luật chứng khoán và các văn bản luật có liên quan.
- Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Giám đốc lập, kiểm tra các Báo cáo tài chính quý, bán niên và năm của GTNfoods nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính.
- Đánh giá và giám sát tính hình các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, các công ty có góp vốn khác. Định kỳ xem xét các báo cáo tài chính quý, bán niên và cả năm của các công ty này để kiến nghị và đề xuất các phương án nhằm nâng cao hiệu quả.
- Thảo luận với kiểm toán những vấn đề khó khăn còn tồn tại phát hiện từ các cuộc kiểm toán, xem xét thủ quản lý của kiểm toán viên độc lập và phản hồi của ban quản lý của công ty.
- Tổ chức các cuộc họp Ban Kiểm soát nhằm trao đổi và đưa ra phương hướng giúp nâng cao năng lực tài chính và hoạt động giám sát.



Trong năm 2017, Ban Kiểm soát đã tổ chức bốn (04) phiên họp chính thức như sau:

Phiên họp	Số thành viên tham gia	Nội dung chính
Phiên 1 24/03/2017	3/3	Soát xét BCTC năm 2016, cập nhật kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý I năm 2017, lên kế hoạch công việc 2018
Phiên 2 10/07/2017	3/3	Soát xét BCTC giữa niên độ 2017, cập nhật và đánh giá kết quả hoạt động SXKD và quản trị 06 tháng đầu năm của Công ty
Phiên 3 02/11/2017	3/3	Soát xét BCTC Quý III năm 2017, cập nhật & đánh giá kết quả hoạt động SXKD và quản trị Quý III năm 2017 của Công ty
Phiên 4 26/12/2017	3/3	Cập nhật & đánh giá kết quả hoạt động SXKD và quản trị Quý IV năm 2017 của Công ty, lên kế hoạch rà soát báo cáo tài chính năm 2017

Trong năm 2017, Ban Kiểm Soát đã giám sát Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban điều hành trên các khía cạnh chính: tính hợp lý, hợp pháp, sự trung thực và mức độ cần trọng trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Việc giám sát của Ban Kiểm soát được thực hiện thông qua các hoạt động sau:

a. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2017:

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017. Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán, Ban Kiểm soát đánh giá báo cáo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy chế, quy định khác về quản lý tài chính của công ty và Nhà Nước.

Một số chỉ tiêu trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 của GTN như sau:

- Doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn năm 2017 đạt 3.781 tỷ, tăng xấp xỉ 2.000 tỷ đồng, tương ứng 108% doanh thu cùng kỳ phần lớn nhờ giao dịch hợp nhất Tổng công ty chăn nuôi Việt Nam - CTCP. Trong đó, Mộc Châu Milk đóng góp 2.466 tỷ doanh thu thuần.

- Lợi nhuận sau thuế đạt 152 tỷ, tăng 136 tỷ VND tương ứng 850% so với 2016, lợi nhuận thuộc cổ đông công ty mẹ đạt 40,4 tỷ, EPS 162.

Cuối năm 2017, GTNfoods đã chủ động cắt giảm gần 70% đàn nái, đẩy mạnh thanh lý đàn lợn và dừng nhiều hoạt động kinh doanh không cốt lõi, ghi nhận khoản lỗ cả năm hơn 40 tỷ đồng. Chè tồn kho còn lại từ giai đoạn trước cổ phần hóa đều đã được trích lập đầy đủ trong Quý IV. Cũng trong Quý 4/2017, Công ty tiến hành đẩy mạnh việc trích lập dự phòng cho các tài sản không cốt lõi và có định hướng thoái vốn, tái cơ cấu và cắt giảm nhân sự làm phát sinh thêm chi phí. Như vậy, tất cả các yếu tố không hiệu quả gây chi phí của GTN đã được giải quyết trong năm 2017 với mục tiêu không gây ảnh hưởng đến kết quả SXKD năm 2018.

Tính đến 31/12/2017

tổng tài sản đạt

4.802 tỷ

vốn chủ sở hữu đạt

3.814 tỷ

tăng trưởng mạnh mẽ gấp hơn 4 lần qua bốn năm nhờ các hoạt động M&A theo chiến lược trở thành một doanh nghiệp Thực phẩm sạch.

b. Kết quả giám sát chấp hành chế độ kế toán, quản lý tài chính:

Năm 2017, công tác chấp hành chế độ kế toán và quản lý tài chính của công ty được thực hiện tốt, cụ thể như: kiểm soát chặt chẽ trong việc sử dụng vốn, quản lý và đôn đốc thu hồi nợ tốt, chú trọng công tác kế toán quản trị, Ban điều hành công ty định kỳ thực hiện việc báo cáo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong các phiên họp Hội đồng Quản trị. Ngoài ra, việc rà soát và hoàn thiện, thực hiện các quy trình, quy chế liên tục được thực hiện.

c. Giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban điều hành:

Trong năm 2017, Ban Kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị, được cung cấp các Nghị quyết Hội đồng Quản trị và các tài liệu liên quan một cách kịp thời, đầy đủ theo đúng quy định. Theo đó, Hội đồng Quản trị đã tuân thủ và triển khai thực hiện các mục tiêu được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Thông qua các phiên họp thường kỳ và đột xuất, Hội đồng Quản trị đã đề ra các chủ trương đúng đắn và kịp thời, bám sát với tình hình thực tế, giúp công ty luôn hoạt động đúng hướng theo các chiến lược phát triển dài hạn, góp phần vào hiệu quả hoạt động của công ty trong năm 2017.

Đối với Ban điều hành, Ban Kiểm soát đánh giá rằng Ban điều hành đã tổ chức triển khai thực hiện đúng các nội dung Nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Ngoài ra, thông qua kết

quả từ các đợt kiểm toán, Ban Kiểm soát đã đưa ra các ý kiến đóng góp giúp Ban điều hành cân nhắc và hoàn thiện hệ thống quản lý và kiểm soát nội bộ.

□ Kết luận: Ban Kiểm soát đánh giá việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban điều hành trong năm 2017 đã được thực hiện một cách hợp lý, hiệu quả, phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

d. Kiểm tra theo yêu cầu của cổ đông:

Trong năm 2017, Ban Kiểm soát không nhận được kiến nghị, khiếu nại nào của cổ đông về sai phạm của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Ban điều hành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

e. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Ban điều hành:

Năm 2017, Ban Kiểm soát đã nhận được sự phối hợp chặt chẽ của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Ban điều hành cùng các phòng ban trong công ty nhằm hoàn thành các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát.

Ngoài ra, Ban Kiểm soát cũng nhiều lần đưa ý kiến góp ý đối với công tác quản trị doanh nghiệp của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Ban điều hành, từ đó góp phần giải quyết các khó khăn phát sinh trong quá trình vận hành doanh nghiệp.

- Giám sát việc tuân thủ, tính minh bạch trong thực hiện báo cáo tài chính, báo cáo quản trị tại các đơn vị thành viên của GTNfoods;
- Giám sát việc tuân thủ các chế độ công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;
- Giám sát sự phối hợp trong công tác điều hành giữa Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Ban điều hành và Ban Kiểm soát;
- Nghiên cứu, cải thiện hiệu quả hoạt động của Ban Kiểm soát, trong đó chú trọng công tác quản trị rủi ro, tập trung kiểm soát và phát hiện các yếu tố rủi ro trọng yếu, tiềm ẩn giúp công ty kịp thời nghiên cứu, thực thi các biện pháp phòng ngừa.

3. Định hướng hoạt động 2018

Trong năm 2018, Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục duy trì thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban điều hành một cách thường xuyên và định kỳ theo đúng Điều lệ của công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Bên cạnh đó, Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục nghiên cứu và cải thiện phương thức hoạt động, phương thức kiểm tra, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, cụ thể như sau:

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng Quản trị và Điều lệ công ty;
- Phối hợp cùng Kiểm toán nội bộ kiểm tra, xem xét các báo cáo tài chính năm, báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính quý nhằm nâng cao chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính;

III. BÁO CÁO QUẢN TRỊ

1. Kết quả của hoạt động quản trị doanh nghiệp năm 2017

Trong năm 2017, công ty tuân thủ đầy đủ và nghiêm túc các quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng cũng như công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Tiếp theo những kết quả đáng khích lệ đạt được trong năm 2016 về việc tái cấu trúc và kiện toàn bộ máy quản trị, trong năm 2017, GTNfoods tiếp tục đẩy mạnh công cuộc tinh gọn bộ máy, phân bổ nguồn lực hợp lý để tận dụng tối đa được sự đóng góp của mỗi thành viên HĐQT, từ đó củng cố tính hiệu quả của hoạt động kiểm soát của

HĐQT, đảm bảo các nguyên tắc quản trị chung được áp dụng trên toàn hệ thống, tăng cường sự khăng khít trong các mối quan hệ giữa GTNfoods với các bên có liên quan. Bộ phận Quan hệ Cổ đông và Nhà Đầu tư của GTNfoods đã duy trì những hoạt động thiết thực và nỗ lực cao trong việc cung cấp thông tin cho Cổ đông và Nhà Đầu tư.

Báo cáo tài chính của GTNfoods theo chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS). Báo cáo tài chính của Tập đoàn và các công ty con được kiểm toán bởi công ty kiểm toán AASC.

2. Thù lao và các lợi ích của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và ban Giám đốc

Trong năm 2017, Công ty đã chi trả thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Ngoài ra, Công ty cũng đã thực hiện mua bảo hiểm trách nhiệm, bảo hiểm sức khỏe cho các cán bộ giữ các vị trí lãnh đạo chủ chốt theo đúng Quy chế của Công ty.

Hội đồng Quản trị quyết định lương, thưởng và các khoản lợi ích tài chính khác của Tổng Giám đốc và phê duyệt khung lương, thưởng của các Phó Tổng Giám đốc dựa trên đề xuất của Tổng Giám đốc.

Hội Đồng Quản trị và Ban Kiểm Soát không phát sinh thù lao trong năm 2017.

Lương, thưởng và các lợi ích khác của Ban Điều hành GTNfoods trong năm 2017

ĐVT: VNĐ

STT	Thành viên Ban Điều hành	Lương	Thưởng
1	Ông Tạ Văn Quyền	341,562,000	35,321,000
2	Ông Michael Louis Rosen	373,152,000	Không phát sinh
3	Ông La Mạnh Tiến	Không phát sinh	Không phát sinh
4	Ông Nguyễn Văn Minh	164.500.000	Không phát sinh

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và các bên liên quan của người nội bộ:

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI NGƯỜI NỘI BỘ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KỲ		LÝ DO TĂNG, GIÁM (MUA, BÁN, CHUYỂN ĐỔI, THƯỞNG...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Trần Việt Thắng	Trưởng ban kiểm soát	161.900	0,08%	524.700	0,2%	
2	Phạm Thị Thủy	Vợ ông Trần Việt Thắng	987.896	0,4%	387.896	0,16%	Bán
3	CTCP Invest Tây Đại Dương	Bên liên quan của người nội bộ	60.900.000	24,36%	70.047.880	28,02%	Mua

IV. QUẢN TRỊ RỦI RO

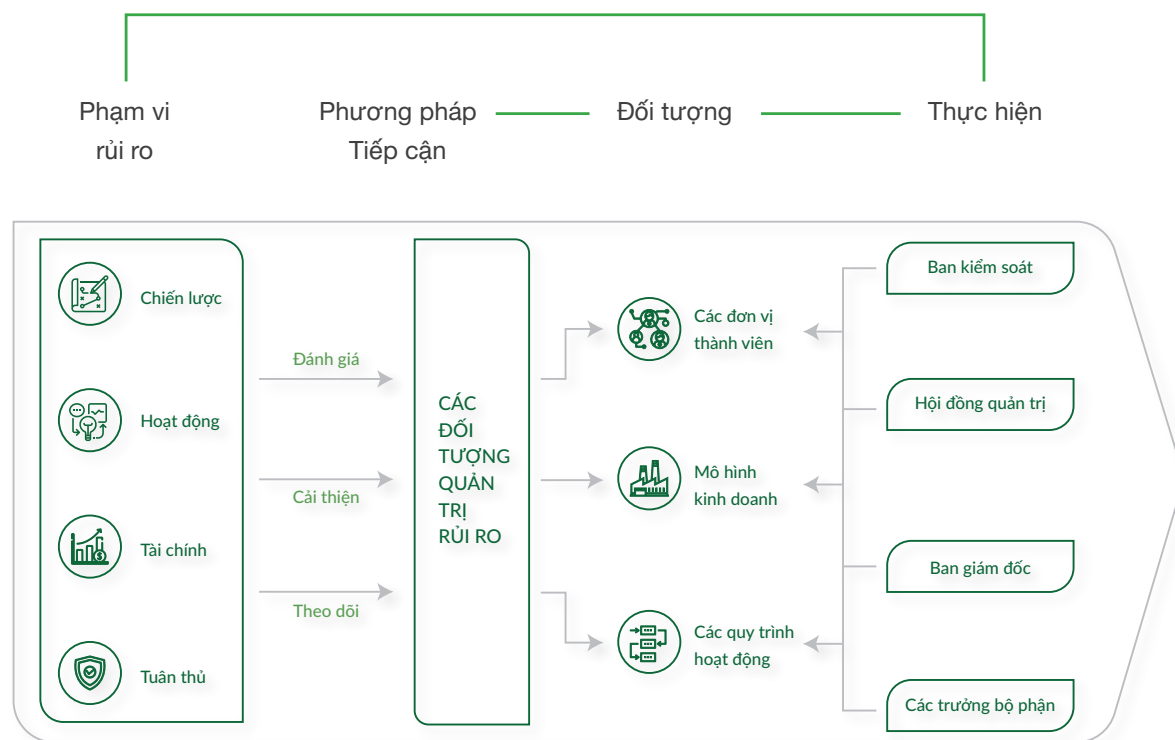
1. Mục tiêu của công tác quản trị rủi ro

- Kịp thời nhận diện các yếu tố rủi ro có thể xảy ra ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh, đạt được mục tiêu chiến lược. Đồng thời nắm bắt và khai thác các cơ hội, tối ưu hóa hiệu quả hoạt động, hạn chế mức thấp nhất những ảnh hưởng xấu của những rủi ro này tới hoạt động sản xuất kinh doanh.

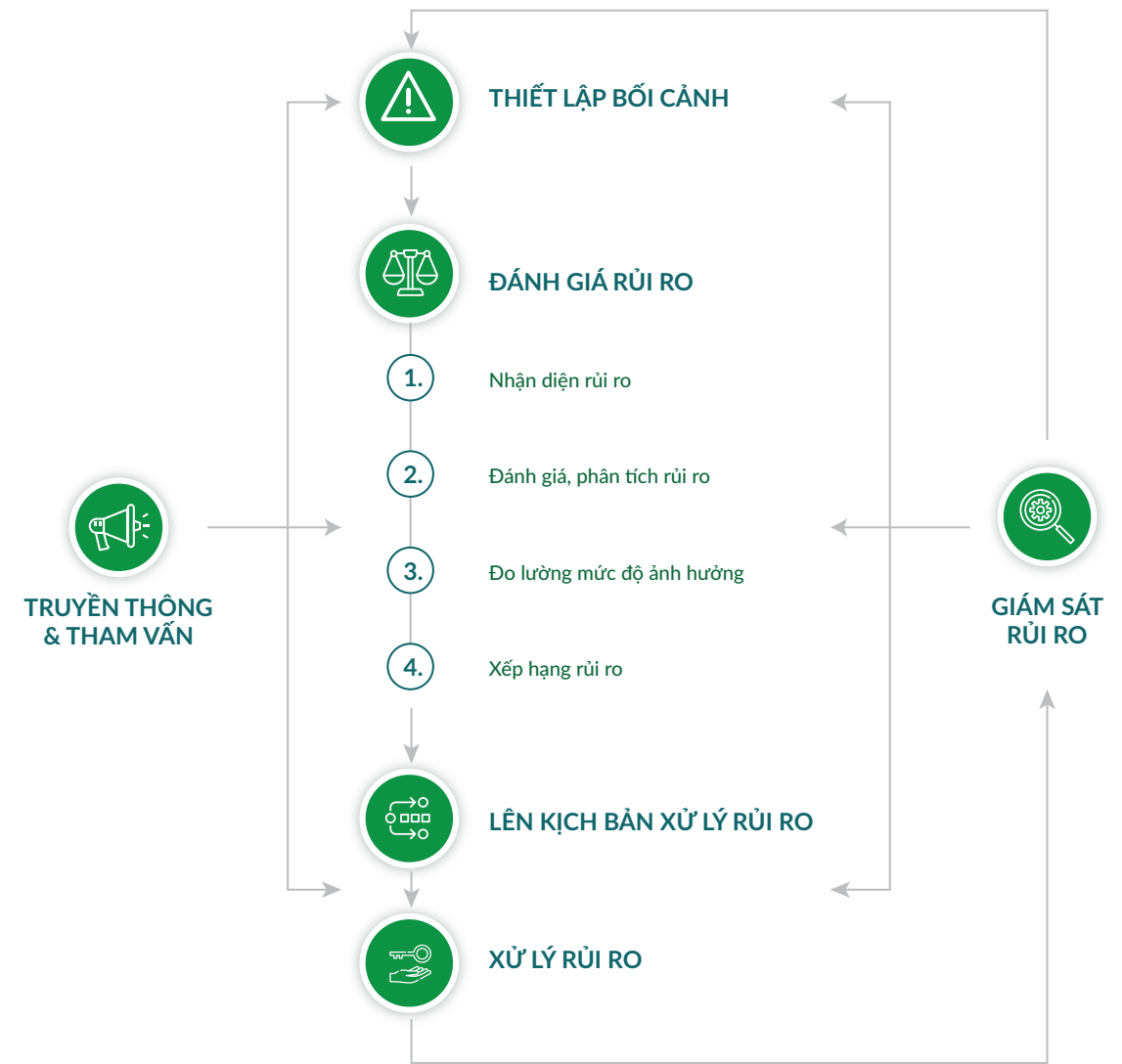
- Tăng cường năng lực trong việc ra quyết định, lập kế hoạch và sắp xếp thứ tự ưu tiên công việc trên cơ sở hiểu biết thấu đáo và chặt chẽ về hoạt động kinh doanh, môi trường kinh doanh, cơ hội và thách thức của doanh nghiệp.

- Phân định rõ ràng trách nhiệm sở hữu và quản trị rủi ro, xây dựng cơ chế giám sát và báo cáo rủi ro liên tục trong toàn Tập đoàn.

2. Mô hình tổ chức quản trị rủi ro:



3. Quy trình quản trị rủi ro



a. Nhận diện và xếp hạng rủi ro:

CÁC RỦI RO CHỦ YẾU	XẾP HẠNG
Các rủi ro đặc thù của lĩnh vực kinh doanh	Cao
Rủi ro về thương hiệu	Cao
Rủi ro về thị trường	Trung bình
Rủi ro trong hoạt động vận hành, quản trị doanh nghiệp	Trung bình
Rủi ro pháp lý	Thấp
Rủi ro thanh khoản	Thấp

b. Phân tích rủi ro và phương thức quản trị các rủi ro:

b.1. Rủi ro chiến lược

Rủi ro chiến lược là những rủi ro phát sinh từ các quyết định của ban giám đốc liên quan đến các mục tiêu của doanh nghiệp. Về cơ bản, rủi ro chiến lược là rủi ro không đạt được các mục tiêu của doanh nghiệp đề ra, bao gồm:

- Rủi ro kinh doanh - là rủi ro xuất phát từ các quyết định của ban giám đốc về những sản phẩm hoặc dịch vụ mà doanh nghiệp cung cấp. Bao gồm các rủi ro gắn liền với sự phát triển và tiếp thị các sản phẩm hoặc dịch vụ, rủi ro kinh tế tác động đến doanh thu và chi phí của sản phẩm và các rủi ro phát sinh từ sự thay đổi công nghệ kỹ thuật tác động đến số lượng sản phẩm sản xuất và bán ra.



- Rủi ro phi kinh doanh - là rủi ro không xuất phát từ các sản phẩm hoặc dịch vụ cung cấp. Ví dụ, các rủi ro gắn liền với những nguồn tài chính dài hạn. Mức độ rủi ro chiến lược gắn liền với tổng thể doanh nghiệp trong mối quan hệ với môi trường và không chỉ bị tác động bởi các quyết định của ban giám đốc. Những hành động của đối thủ cạnh tranh sẽ tác động đến mức độ rủi ro trong các thị trường sản phẩm và sự phát triển của công nghệ kỹ thuật sẽ dẫn đến các quy trình sản xuất hoặc các sản phẩm bị lỗi thời một cách nhanh chóng.

Giải pháp hạn chế rủi ro: Để hạn chế rủi ro về chiến lược, GTNfoods thiết lập kế hoạch chiến lược chi tiết, truyền thông đến các bên liên quan và được giám sát thực hiện. Danh mục các Dự án chiến lược cũng được phê duyệt, triển khai và giám sát tình hình thực hiện.

b.2. Rủi ro đặc thù của từng lĩnh vực kinh doanh

Trong lĩnh vực kinh doanh sữa đóng hộp, rượu vang đóng chai, trà thương hiệu túi lọc, và chăn nuôi heo, GTNfoods phải đối mặt với nhiều rủi ro đặc thù của ngành trong quá trình chăn nuôi và trồng trọt, như: rủi ro thời tiết, thiên tai, rủi ro dịch bệnh, rủi ro về con giống nuôi trồng, rủi ro về thị trường tiêu thụ sản phẩm,...

- Các rủi ro của ngành nông nghiệp:

+ Rủi ro về thiên tai, thời tiết: Rủi ro về thiên tai thời tiết là một trong những yếu tố ảnh hưởng nặng nề nhất đến vật nuôi và cây trồng. Các vùng nguyên liệu của GTNfoods đều có điều kiện tự nhiên vô cùng thuận lợi, khí hậu ôn hòa, tuy nhiên hiện tượng biến đổi khí hậu khiến thời tiết ngày càng khắc nghiệt làm tăng cao nguy cơ về mưa lũ, hạn hán hoặc băng tuyết lạnh giá.

Giải pháp hạn chế rủi ro: Để khắc phục rủi ro này, GTNfoods đã chủ động mở rộng vùng chăn nuôi, nguyên liệu đối với đàn bò và chè tại nhiều địa phương lân cận các tỉnh Sơn La, Phú Thọ, Yên Bái,.... Luôn có trữ lượng hàng đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Rủi ro về thị trường tiêu thụ sản phẩm: Rủi ro về thị trường tiêu thụ sản phẩm xảy ra khi doanh nghiệp mất đi các thị trường tiêu thụ đang có sẵn hoặc không thâm nhập được vào các thị trường mục tiêu như đề ra. Đối với sản phẩm sữa, Mộc Châu milk hướng tới thị trường số đông, giá cạnh tranh theo sát các đối thủ trong ngành, tuy nhiên thị trường hiện tại tập trung chủ yếu tại các vùng lân cận tỉnh Sơn La, thị trường mục tiêu thời gian tới là các tỉnh miền bắc với trọng tâm là thị trường Hà Nội, thị trường vốn có mức độ cạnh tranh khốc liệt do tập trung nhiều đối thủ lớn. Việc tăng đàn để đáp ứng thị trường mới thâm nhập có rủi ro khi vốn đầu tư mở rộng quy mô sản xuất chưa thể được bù đắp bởi doanh thu.

Đối với sản phẩm trà của Vinatea, với mong muốn phát triển các sản phẩm trà thương hiệu, tiếp cận trực tiếp tới người tiêu dùng, thay vì chỉ bán trà nguyên liệu như trước đây. Việc thâm nhập thị trường mới với các đối thủ mạnh là thách thức không nhỏ với Vinatea, bởi người tiêu dùng ngày càng thông thái và khó tính trong lựa chọn sản phẩm, trong bối cảnh thị trường ngập tràn các sản phẩm trà túi lọc.

Giải pháp hạn chế rủi ro: Để đối phó với rủi ro này, GTNfoods đã bắt đầu khảo sát, nghiên cứu thị trường và nhu cầu của người tiêu dùng, đồng thời áp dụng các công nghệ tiên tiến vào phục vụ sản xuất sữa và trà, cho chất lượng sản phẩm tốt hơn, đa dạng hơn. Ngoài ra, chính sách giá, chiết khấu phù hợp được nghiên cứu để áp dụng.

- Rủi ro về quỹ đất nông nghiệp: Đất đai là nguồn lực quan trọng của mỗi quốc gia, đặc biệt là quỹ đất phục vụ cho mục đích Nông Nghiệp, nhằm đảm bảo an ninh lương thực cho nước nhà. Tuy nhiên, diện tích đất Nông Nghiệp của Việt Nam manh mún và phân tán do đặc điểm văn hóa canh tác của người dân, đồng thời ngày càng bị thu hẹp bởi quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa mạnh mẽ thời gian gần đây.

Đối với các ngành kinh doanh chủ lực của GTNfoods như chè và sữa, quỹ đất phục vụ sản xuất nguyên liệu lại càng trở nên vô cùng quan trọng. Mộc Châu là vùng đất đặc biệt được thiên nhiên ưu đãi phù hợp cho đàn bò sữa phát triển và canh tác chè. GTNfoods có quỹ đất rộng lớn, với diện tích nuôi đàn bò lên tới 1.040 ha, diện tích canh tác chè lên tới 4.700 ha. Công ty đang tiếp tục mở rộng vùng nguyên liệu ra các khu vực lân cận của các tỉnh Sơn La, Phú Thọ, Yên Bái,.... Hiện tại rủi ro về diện tích đất nông nghiệp của công ty đang ở mức thấp.

Giải pháp hạn chế rủi ro: Để đối phó với rủi ro về diện tích đất, công ty chủ động cùng với tỉnh tái cơ cấu vùng trồng và chăn nuôi của người dân, duy trì và tối ưu hóa chuỗi giá trị từ nguyên liệu, thức ăn, chăn nuôi, và sản xuất các sản phẩm đạt chất lượng tốt.

- Các rủi ro của ngành thực phẩm:

Ngành thực phẩm của GTNfoods tập trung vào các mảng chính bao gồm: Sữa, Trà từ công ty con và Rượu Vang từ công ty liên kết. Rủi ro chính gây ảnh hưởng lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh bao gồm: rủi ro về biến động giá nguyên liệu đầu vào, rủi ro về biến động nhu cầu của người tiêu dùng, rủi ro giảm doanh thu mất thị phần do chịu sức ép cạnh tranh của các công ty trong ngành.

+ Rủi ro biến động giá nguyên liệu đầu vào: GTNfoods có vùng nguyên liệu rộng lớn và ổn định về giá, sản lượng và chất lượng của nguyên liệu đầu vào do sự liên kết chặt chẽ giữa công ty đối với địa phương và nông hộ nuôi trồng. Việc sở hữu quỹ đất lớn, khoán đất và sản lượng về từng hộ dân theo hợp đồng dài hạn trong nhiều năm giúp cho GTNfoods có được thể chủ động về nguồn nguyên liệu của mình, đặc biệt không bị chi phối, lệ thuộc bởi tình hình lạm phát chung. Rủi ro biến động về giá nguyên liệu đầu vào của GTNfoods đang ở mức thấp.

Giải pháp hạn chế rủi ro: Để hạn chế rủi ro về biến động giá đầu vào, GTNfoods tiếp tục duy trì mô hình khoán đất và sản lượng về các hộ dân như hiện tại, đồng thời mở rộng quy mô ra khu vực lân cận của các vùng nguyên liệu chính. Các hợp đồng khoán đất

cho dân để nuôi trồng được ký thời hạn lâu dài sẽ duy trì thể chủ động không chỉ về giá đầu vào nguyên liệu mà còn tạo ưu thế cạnh tranh về giá của sản phẩm thương hiệu so với các đối thủ mạnh trên thị trường.

- Rủi ro về biến động nhu cầu thị trường và sức ép cạnh tranh: Sức ép cạnh tranh trên thị trường hàng tiêu dùng nói chung và thực phẩm nói riêng tại Việt Nam ngày càng tăng cao do sự góp mặt của nhiều ông lớn trên thế giới, đồng thời là sự vào cuộc của các doanh nghiệp có tiềm lực trong nước. Đi cùng với sự phát triển của nền kinh tế, nhu cầu về thực phẩm của người tiêu dùng Việt nam đang thay đổi nhanh chóng và hướng tới những sản phẩm sạch có chất lượng cao, tốt cho sức khỏe và tiện dụng. Với các công cụ nghiên cứu người tiêu dùng và thị trường, các đối thủ liên tục thay đổi, cải tiến sản phẩm phù hợp hơn với nhu cầu thực tế của khách hàng. GTNfoods sở hữu các thương hiệu lâu đời và có tiếng trên thị trường, tuy nhiên với tiền thân là đơn vị nhà nước, chiến lược bén nhạy đối với thị trường khá chậm thay đổi so với các đối thủ cùng ngành. Mặc dù vậy, sự tăng trưởng ngoạn mục của nền kinh tế những năm vừa qua, kéo theo đó là sự nở rộ tăng trưởng liên tục của các ngành hàng tiêu dùng, đặc biệt là thực phẩm vẫn giúp các thương hiệu của GTNfoods tạm thời đứng vững trên thị trường. Rủi ro về biến động nhu cầu thị trường và sức ép cạnh tranh mất thị phần, giảm doanh thu là tương đối rõ nét.

Giải pháp hạn chế rủi ro: Để hạn chế rủi ro về biến động nhu cầu của người tiêu dùng, GTNfoods đang bước đầu có những đánh giá, nghiên cứu định kỳ, nhằm thăm dò nhu cầu của người tiêu dùng. Từ đó có chiến lược tập trung phát triển sản phẩm, tạo tính cạnh tranh mạnh hơn cho công ty. Ngoài việc rót vốn cho hoạt động R&D, GTNfoods đang tích cực cải thiện hình thức Marketing như TVC sáng tạo hơn, tái định



vị thương hiệu các sản phẩm, cho ra bao bì mới, và đẩy mạnh câu chuyện thương hiệu hơn nhằm đưa sản phẩm tới gần hơn đối với người tiêu dùng. Đồng thời với đó là việc bắt đầu tái cấu trúc kênh phân phối đã có và phát triển thêm các kênh mới tại các thị trường mới như Hà Nội và các tỉnh lân cận, hướng tới kênh phân phối hiện đại.



b.3 Rủi ro về thương hiệu:

Rủi ro về thương hiệu là những tổn thất và thiệt hại về giá trị của công ty do sự thay đổi trong quan niệm của khách hàng, ảnh hưởng nghiêm trọng tới nhu cầu sử dụng dịch vụ và sản phẩm. Những rủi ro do tin đồn sai sự thật ảnh hưởng tiêu cực tới uy tín của công ty, làm suy giảm lòng tin của khách hàng đối với công ty, cổ đông, đối tác và cộng đồng, dẫn đến những thiệt hại lớn về mặt tài chính.

Giải pháp hạn chế rủi ro: Quản trị thương hiệu là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của các doanh nghiệp. GTNfoods bắt đầu xây dựng quy định về quản trị rủi ro thương hiệu thông qua hoạt động quản trị doanh nghiệp và hệ thống quản trị rủi ro.

b.4 Rủi ro về tài chính:

b.4.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là những yếu tố có thể ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh của Công ty có nguyên nhân xuất phát từ những thay đổi của thị trường, ví dụ như lãi suất, giá cổ phiếu, giá hàng hóa...

- Rủi ro về lãi suất: Hiện tại, nợ vay của công ty ở mức thấp, chỉ số nợ vay/Tổng tài sản của Công ty là 0,2 lần, Công ty không chịu nhiều rủi ro về lãi suất.

- Rủi ro về giá hàng hóa thành phẩm: Đây là rủi ro phát sinh khi giá thành phẩm sụt giảm mạnh khiến Công ty không đạt được mức doanh thu dự kiến.

Giải pháp hạn chế rủi ro: Công ty đã giảm thiểu tối đa rủi ro bằng cách tích cực chủ động tiếp nhận các nguồn thông tin thị trường có liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh của GTNfoods nhằm xác định thời điểm và lượng hàng tồn kho hợp lý.

- Rủi ro về tỷ giá hối đoái: Rủi ro về tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền tương lai được tính toán trong các kế hoạch, phương án tài chính sẽ bị biến động do tác động của việc thay đổi tỷ giá hối đoái, GTNfoods có thể phải đối mặt với nguy cơ tỷ giá hối đoái liên quan tới các hoạt động xuất nhập khẩu của công ty.

Giải pháp hạn chế rủi ro: Trong các công ty GTNfoods đang sở hữu hiện nay, nghiệp vụ xuất nhập khẩu chủ yếu được thực hiện tại tổng công ty chè, phụ vụ hoạt động xuất khẩu chè. Trong khi Vinatea sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước, kiểm soát được giá cả thì việc xuất khẩu thu tiền ngoại tệ lại càng có lợi khi tỷ giá luôn có xu hướng tăng. Bên cạnh đó, GTNfoods vẫn chủ động đề phòng dự tính biến động rủi ro bằng cách tính toán thời điểm, lập kế hoạch xuất nhập khẩu hợp lý.

b.4.2 Rủi ro về thanh khoản

Rủi ro thanh khoản xảy ra khi GTNfoods gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty đánh giá rủi ro này ở mức thấp do công ty luôn có kế hoạch quản trị dòng tiền hiệu quả cũng như tình hình tài chính lành mạnh tại Công ty mẹ và các đơn vị thành viên: Vilico, Vinatea, Mộc Châu Milk,...

Để ngăn chặn và phòng ngừa rủi ro này, Công ty chủ động thực hiện quản trị dòng tiền chặt chẽ, duy trì lượng tiền mặt và tiền gửi hợp lý với từng giai đoạn phát triển, thu xếp các nguồn tài chính khác để đảm bảo vốn khi cần, duy trì các chỉ số khả năng thanh toán ở mức lành mạnh và tỷ lệ đòn bẩy ở mức hợp lý, cân đối. Hàng tuần, các báo cáo dòng tiền của GTNfoods đều được các bộ phận liên quan lập và báo cáo kịp thời với Ban điều hành.

V. THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

1. Thông tin cổ phiếu

Giá cổ phiếu, khối lượng cổ phiếu giao dịch, diễn biến cổ phiếu 2017

Giá cổ phiếu ngày 30/12/2016: **16.600 đồng/cổ phiếu**

Giá cổ phiếu ngày 29/12/2017: **16.200 đồng/cổ phiếu**

Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2017

STT	DANH MỤC CỔ ĐÔNG	CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC			CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI		
		Số lượng cổ phiếu nắm giữ	% sở hữu	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	% sở hữu	Số lượng cổ đông
1	Cổ đông lớn	70.047.880	28,02%	1	69.999.990	28%	2
2	Cổ đông khác	62.701.837	25,08%	1.061	47.250.293	18,9%	48
	Tổng cộng	132.749.717	53,1%	1.062	117.250.283	46,9%	50

STT	ĐỐI TƯỢNG	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ % sở hữu	Số lượng cổ đông	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	-	-	-	-	-
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI	-	-	-	-	-
3	Cổ đông lớn	140.047.870	56,02%	3	3	-
	- Trong nước	70.047.880	28,02%	1	1	-
	- Nước ngoài	69.999.990	28%	2	2	-
4	Công đoàn Công ty	-	-	-	-	-
5	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-	-
7	Cổ đông khác	109.952.130	43,98%	1.109	48	1.061
	- Trong nước	62.701.837	25,08%	1.061	25	1.036
	- Nước ngoài	47.250.293	18,9%	48	23	25
	TỔNG CỘNG	250.000.000	100%	1.112	51	1.061
Trong đó	- Trong nước	132.749.717	53,1%	1.062	26	1.036
	- Nước ngoài	117.250.283	46,9%	50	25	25

Thông tin cổ đông lớn sở hữu

CỔ ĐÔNG	CỔ PHẦN	TỶ LỆ SỞ HỮU
Công ty Cổ phần Invest Tây Đại Dương	70.047.880	28,02%
Tael Two Partners Ltd	55.000.000	22%
PENM IV Germany GmbH & Co. KG	14.999.990	6%

Thông tin về cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng đến ngày 31/12/2017:

	Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng*	Cổ phiếu chuyển nhượng tự do	Tổng cộng
Tổng cộng	0	250.000.000	250.000.000
Tỷ lệ	0%	100%	100%

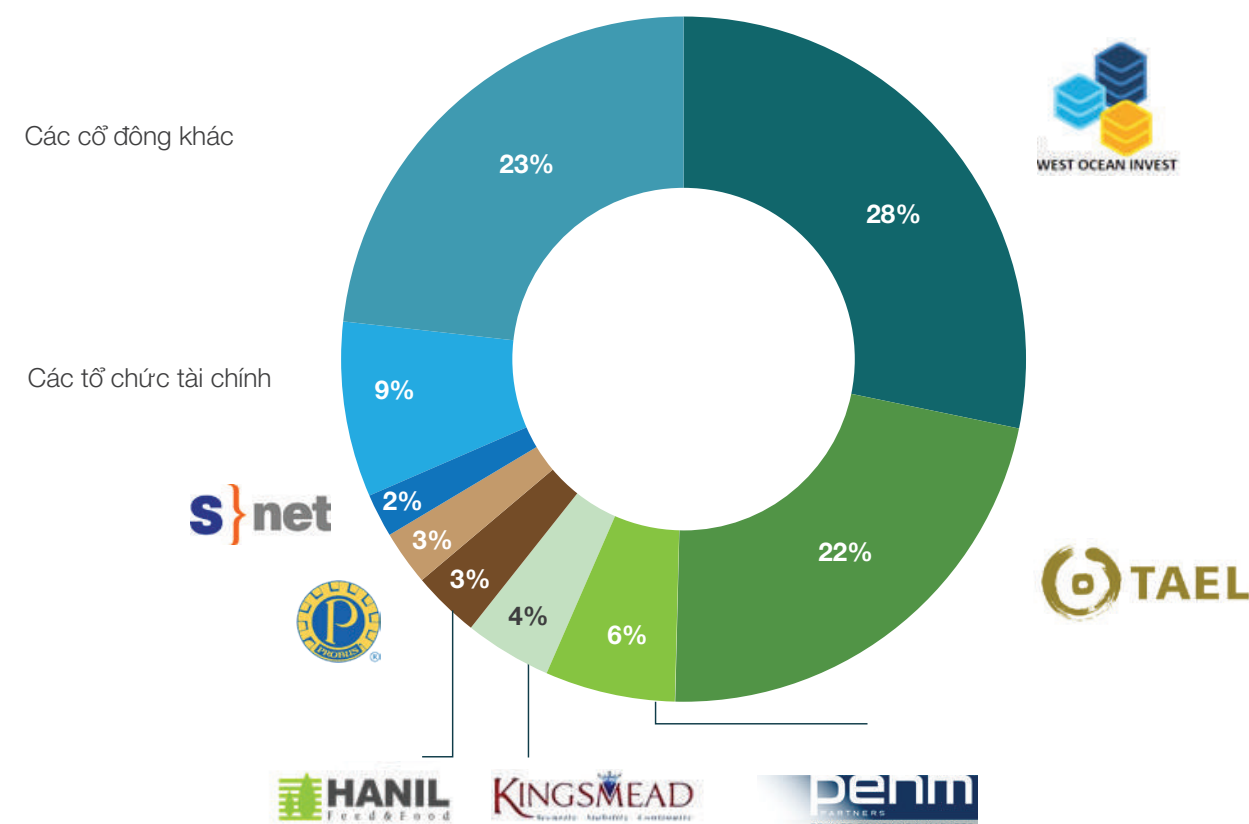
* Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng từ hai đợt phát hành riêng lẻ tăng vốn điều lệ trong năm 2016, hạn chế chuyển nhượng một năm kể từ ngày hoàn thành phát hành riêng lẻ theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật hiện hành. Tính đến ngày 18/11/2017, số cổ phiếu trên đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng, được phép chuyển nhượng tự do theo quy định của pháp luật.

Lịch sử tăng vốn điều lệ

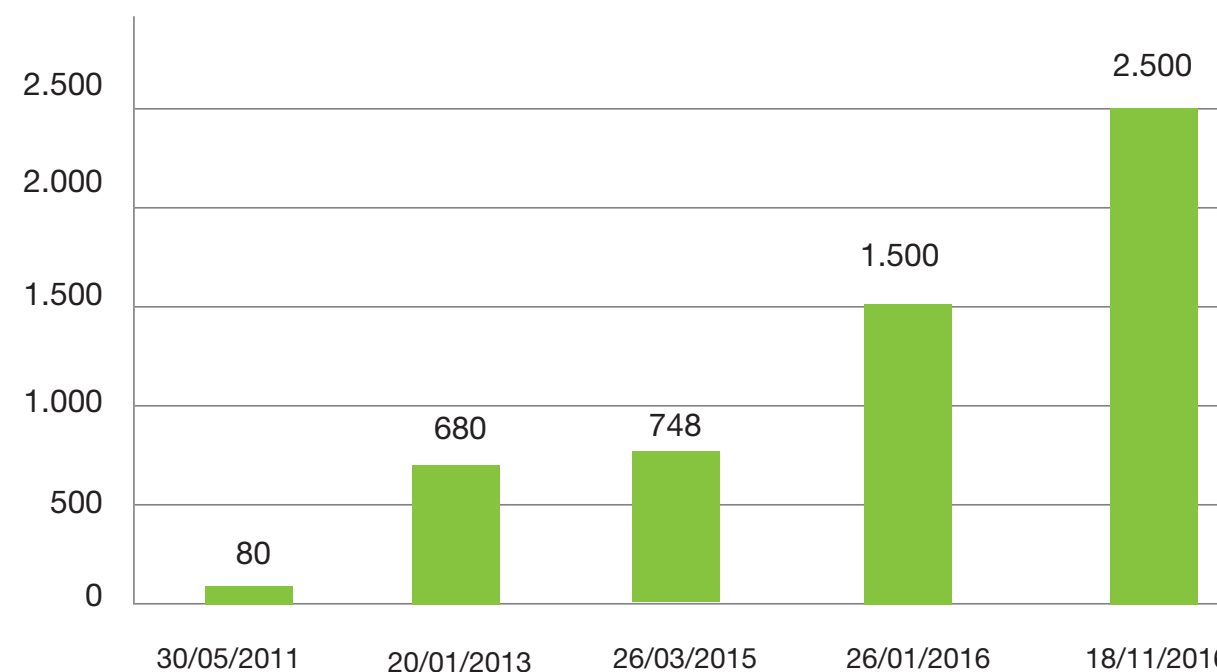
Tóm tắt mốc tăng vốn

THỜI GIAN	SỐ VỐN TRƯỚC KHI THAY ĐỔI (TỶ ĐỒNG)	SỐ VỐN SAU KHI THAY ĐỔI (TỶ ĐỒNG)
30/05/2011		80
20/01/2013	80	680
26/03/2015	680	748
26/01/2016	748	1.500
18/11/2016	1.500	2.500

Cơ cấu cổ đông GTNfoods



Quá trình thay đổi vốn điều lệ (Tỷ đồng)



- Công ty Cổ phần GTNfoods được thành lập ngày 30/05/2011 với vốn điều lệ 80 tỷ đồng chuyên hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực như sản xuất tre công nghiệp, xây dựng hạ tầng, khoáng sản, vật liệu xây dựng, nhựa, nông sản và thực phẩm.

- Ngày 20/01/2013, Công ty tăng vốn điều lệ từ 80 tỷ đồng lên 680 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2013/NQ/ĐHĐCĐ/ĐV.

- Ngày 26/03/2015, triển khai theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 08/05/2015, Nghị quyết số 04/2015/NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty quyết nghị triển khai phương án chia cổ tức năm 2014 cho các cổ

đồng theo hình thức chi trả bằng cổ phiếu, với tỷ lệ thực hiện 10:1, nâng vốn điều lệ từ 680 tỷ đồng lên 748 tỷ đồng.

- Ngày 08/05/2015, Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 748 tỷ đồng lên 1.500 tỷ đồng. Tại ngày 26/01/2016, Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn này.

- Ngày 26/04/2016, Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty thông qua phương án phát hành riêng lẻ cổ phần để tăng vốn điều lệ từ 1.500 tỷ đồng lên 2.500 tỷ đồng, thay đổi tên Công ty thành "Công ty Cổ phần GTNfoods". Vào ngày 18/11/2016, Công ty đã hoàn thành việc phát hành riêng lẻ này, tăng vốn điều lệ lên 2.500 tỷ đồng.

Trái phiếu phát hành, trái phiếu niêm yết thị trường nước ngoài, sở hữu của cổ đông nội bộ, giao dịch của cổ đông nội bộ và những người có liên quan

Sở hữu của cổ đông nội bộ:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ
1	Tạ Văn Quyền	Chủ tịch HĐQT	100.000	0,04%	100.000	0,04%
2	Nghiêm Văn Thắng	Thành viên HĐQT	100.000	0,04%	100.000	0,04%
3	Chew May Ying	Thành viên HĐQT	100.000	0,04%	100.000	0,04%
4	Lars Kjaer	Thành viên HĐQT	0	0%	0	0%
5	La Mạnh Tiến	Thành viên HĐQT	100.000	0,04%	100.000	0,04%
6	Michael Louis Rosen	Thành viên HĐQT	7.150.000	2,86%	7.150.000	2,86%
7	Nguyễn Hồng Anh	Thành viên HĐQT	100.000	0,04%	100.000	0,04%
8	Nguyễn Văn Minh	Giám đốc Tài chính	0	0%	0	0%
9	Trần Việt Thắng	Trưởng BKS	161.900	0,08%	524.700	0,2%
10	Pan Mun Kit	Thành viên BKS	50.000	0,02%	50.000	0,02%
11	Nguyễn Thị Thu	Thành viên BKS	0	0%	0	0%
12	Hoàng Mạnh Cường	Kế toán trưởng	10.000	0,004%	10.000	0,004%

Giao dịch của cổ đông nội bộ và người có liên quan:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ
1	Trần Việt Thắng		161.900	0,08%	524.700	0,2%
2	Phạm Thị Thủy	Vợ ông Trần Việt Thắng	987.896	0,4%	387.896	0,16%
3	CTCP Invest Tây Đại Dương	Bên liên quan của người nội bộ	60.900.000	24,36%	70.047.880	28,02%

2. Hoạt động quan hệ cổ đông và nhà đầu tư năm 2017

2.1 Các hoạt động trong năm

Trong năm 2017, Bộ phận Quan hệ cổ đông đã có hơn 120 lượt gặp gỡ với cổ đông, nhà đầu tư tổ chức và cá nhân thông qua nhiều hình thức và tại nhiều địa điểm khác nhau. Cụ thể như sau:

- **Cổ đông là cá nhân: 10 lượt**
- **Cổ đông là tổ chức: 40 lượt**
- **Nhà đầu tư: 70 lượt**

Định kỳ hàng quý, Công ty đã tiến hành cập nhật các nội dung chính liên quan đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, các sự kiện tiêu biểu diễn ra trong quý đến các cổ đông và nhà đầu tư.

Thực hiện công tác công bố thông tin tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo tính công bằng và minh bạch đối với tất cả các bên liên quan.

Đặc biệt, Công ty con của Công ty là Mộc Châu Milk đã tổ chức thành công Lễ hội Hoa hậu Bò sữa Mộc Châu lần thứ 14 vào tháng 10/2017. Đây không chỉ là ngày hội ý nghĩa tôn vinh nghề chăn nuôi bò sữa, mà còn là cơ hội giới thiệu mô hình nông nghiệp khép kín của Mộc Châu Milk đến các cổ đông, nhà đầu tư.

Ngoài ra, trong năm 2017, Công ty cũng đã tổ chức hơn 20 lượt tham quan hệ thống các nhà máy, trang trại, vùng nguyên liệu của Mộc Châu Milk và Vinatea cho các cổ đông, nhà đầu tư trong nước và quốc tế.

Công ty cũng rất tích cực tham gia các sự kiện tiếp xúc nhà đầu tư trong nước và quốc tế được tổ chức tại Việt Nam, Hàn Quốc, Hồng Kông, Nhật Bản, Singapore, Thái Lan, Mỹ, nhằm gặp gỡ và giới thiệu triển vọng phát triển của Công ty đến các cổ đông và nhà đầu tư.

2.2 Các nội dung chính được Cổ đông và Nhà đầu tư quan tâm

Thông qua các buổi tiếp xúc và làm việc với các cổ đông, nhà đầu tư cá nhân và tổ chức, Công ty đã ghi nhận những vấn đề chính được các bên quan tâm:

- Những yếu tố ảnh hưởng tích cực và tiêu cực đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2017;
- Triển vọng phát triển các mảng kinh doanh cốt lõi của Công ty là Sữa và Trà;
- Kết quả đạt được qua từng giai đoạn tái cơ cấu và định hướng tái cơ cấu trong các năm tiếp theo;
- Chiến lược của Công ty trong việc mở rộng thị trường trong nước (đối với mảng Sữa) và nước ngoài (đối với mảng Trà);

- Chính sách cổ tức của Công ty;
- Mối quan hệ của Công ty với các cổ đông lớn và xung đột lợi ích (nếu có).

2.3 Kế hoạch hành động năm 2018

Nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động Quan hệ cổ đông, đảm bảo quyền và lợi ích của các cổ đông và nhà đầu tư, Công ty cam kết:

- Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về công tác công bố thông tin, đảm bảo tính công bằng và minh bạch đối với tất cả các bên liên quan;
- Luôn tạo điều kiện linh hoạt và thuận tiện nhất cho các cổ đông và nhà đầu tư trong việc tiếp xúc, làm việc với Công ty;
- Thường xuyên trao đổi, cập nhật tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến các cổ đông, nhà đầu tư;
- Luôn duy trì nhân sự chuyên trách nhằm tiếp nhận, giải đáp các yêu cầu, thắc mắc của các cổ đông, nhà đầu tư.

2.4 Một số sự kiện tiêu biểu trong năm 2018

- Hội thảo CLSA Asean Forum lần thứ 15 tại Bangkok (07/03/2018 – 09/03/2018);
- Kỷ niệm 60 năm ngày thành lập Công ty Cổ phần Sữa Mộc Châu (08/04/1958 – 08/04/2018);
- Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2018: dự kiến được tổ chức vào cuối tháng 04/2018;
- Lễ hội Hoa hậu Bò sữa Mộc Châu lần thứ 15: dự kiến được tổ chức vào tháng 10/2018;
- Hội thảo CLSA Investor's Forum lần thứ 25 tại Hồng Kông (10/09/2018 – 14/09/2018).



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Trong chiến lược phát triển dài hạn, GTNfoods không chỉ tập trung vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế mà còn đề cao vai trò của chiến lược phát triển bền vững. Các hoạt động của GTNfoods luôn hướng tới sự đa dạng, giá trị thực, tính bền vững đối với các bên có liên quan, bao gồm nội tổng công ty, các công ty thành viên, chuỗi cung ứng, môi trường và xã hội. Gắn kết chiến lược phát triển bền vững của GTNfoods với mục tiêu phát triển bền vững chung của Quốc Gia là tôn chỉ cho các hoạt động của công ty.



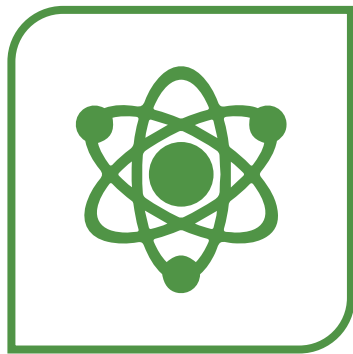
CON NGƯỜI: Phát huy tối đa yếu tố con người với vai trò chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của phát triển bền vững. Nhằm đáp ứng ngày càng đầy đủ hơn nhu cầu vật chất và tinh thần của mọi tầng lớp nhân dân. Tạo lập điều kiện để mọi người và mọi cộng đồng trong xã hội có cơ hội bình đẳng để phát triển, được tiếp cận những nguồn lực chung và được tham gia, đóng góp và hưởng lợi, tạo ra những nền tảng vật chất, tri thức và văn hóa tốt đẹp cho những thế hệ mai sau.



MÔI TRƯỜNG: Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, đặc biệt là loại tài nguyên không thể tái tạo, gìn giữ và cải thiện môi trường sống; xây dựng xã hội học tập; xây dựng lối sống thân thiện môi trường, sản xuất và tiêu dùng bền vững



CHÍNH TRỊ: Phát triển bền vững là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, các cấp chính quyền, các Bộ, ngành và địa phương, các cơ quan, doanh nghiệp, đoàn thể xã hội, các cộng đồng dân cư và mỗi người dân.



KHOA HỌC CÔNG NGHỆ: là nền tảng và động lực cho phát triển bền vững đất nước. Công nghệ hiện đại, sạch và thân thiện với môi trường cần được ưu tiên sử dụng rộng rãi trong các ngành sản xuất.



XÃ HỘI: Kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội và bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

17 mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam đến năm 2030



1 XÓA NGHÈO
Chấm dứt mọi hình thức nghèo ở mọi nơi



2 XÓA ĐÓI
Xóa đói, bảo đảm an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững



3 SỐNG KHỎE MẠNH
Bảo đảm cuộc sống khỏe mạnh và tăng cường phúc lợi cho mọi người ở mọi lứa tuổi



4 NỀN GIÁO DỤC CHẤT LƯỢNG
Đảm bảo nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người



5 BÌNH ĐẲNG GIỚI
Đạt được bình đẳng giới; tăng quyền và tạo cơ hội cho phụ nữ và trẻ em gái



6 NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH
Đảm bảo đầy đủ và quản lý bền vững tài nguyên nước và hệ thống vệ sinh cho tất cả mọi người



7 NĂNG LƯỢNG BỀN VỮNG
Đảm bảo khả năng tiếp cận nguồn năng lượng bền vững, đáng tin cậy và có khả năng chi trả cho tất cả mọi người



8 TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ
Đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững, toàn diện, liên tục; tạo việc làm đầy đủ, năng suất và việc làm tốt cho tất cả mọi người



9 ĐỔI MỚI CƠ SỞ HẠ TẦNG
Xây dựng cơ sở hạ tầng có khả năng chống chịu cao, thúc đẩy công nghiệp hóa bao trùm và bền vững, tăng cường đổi mới



10 GIẢM BẤT BÌNH ĐẲNG GIỚI
Giảm bất bình đẳng trong xã hội



11 THÀNH PHỐ CỘNG ĐỒNG BỀN VỮNG
Phát triển đô thị, nông thôn bền vững, có khả năng chống chịu; đảm bảo môi trường sống và làm việc an toàn; phân bố hợp lý dân cư và lao động theo vùng



12 TIÊU DÙNG VÀ SẢN XUẤT CÓ TRÁCH NHIỆM
Đảm bảo sản xuất và tiêu dùng bền vững



13 HÀNH ĐỘNG BẢO VỆ KHÍ HẬU
Ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai



14 CUỘC SỐNG DƯỚI NƯỚC
Bảo tồn và sử dụng bền vững đại dương, biển và nguồn lợi biển để phát triển bền vững



15 CUỘC SỐNG TRÊN MẶT ĐẤT
Bảo vệ và phát triển rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển dịch vụ hệ sinh thái, chống sa mạc hóa, ngăn chặn suy thoái và phục hồi tài nguyên đất



16 XÃ HỘI HÒA BÌNH
Thúc đẩy xã hội hòa bình, dân chủ, công bằng, bình đẳng, văn minh vì sự phát triển bền vững, tạo khả năng tiếp cận công lý cho tất cả mọi người; xây dựng các thể chế hiệu quả, có trách nhiệm giải trình và có sự tham gia ở các cấp



17 QUAN HỆ ĐỐI TÁC TOÀN CẦU
Tăng cường phương thức thực hiện và thúc đẩy đối tác toàn cầu vì sự phát triển bền vững

Cơ hội và thách thức đối với GTNfoods

Mặc dù bước đầu trong quá trình triển khai còn nhiều khó khăn, nhưng GTNfoods luôn từng bước thay đổi theo xu hướng tích cực, chuyên nghiệp và ngày càng phù hợp hơn với bối cảnh mới. Những khó khăn và thách thức trong bối cảnh đòi hỏi sự phát triển bền vững này cũng đồng thời mở ra cơ hội mới cho GTNfoods:

Định hướng phát triển xanh và bền vững, tạo ra nhiều cơ hội cho GTNfoods hướng tới mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm của mình, đặc biệt là các sản phẩm sạch hơn, tốt hơn phục vụ cho sức khỏe cộng đồng. Đồng thời là cốt lõi cho sự cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế của doanh nghiệp đi đôi với phát triển xã hội và bảo vệ môi trường.

Sự phát triển như vũ bão của KH&CN, GTNfoods có cơ hội cải tiến công nghệ sản xuất trên quy mô lớn, học hỏi, áp dụng được các kinh nghiệm trong áp dụng công nghệ vào tăng trưởng xanh.

Góp phần giải quyết các vấn đề về việc làm, xóa đói giảm nghèo cho địa phương, khi các mảng kinh doanh cốt lõi của GTNfoods bám rễ sâu tại địa phương gồm Mộc Châu và các khu vực lân cận, tạo công ăn việc làm cho nhiều thế hệ lao động của địa phương. Đồng thời, với định hướng phát triển là doanh nghiệp sản xuất thực phẩm sạch tốt cho sức khỏe, cũng trực tiếp giải quyết các vấn đề về sức khỏe cộng đồng trong bối cảnh thực phẩm không rõ nguồn gốc, hoặc có dư lượng kháng sinh và chất độc hại vẫn chưa được kiểm soát chặt chẽ trên thị trường.

Mô hình tăng trưởng bền vững

Các mục tiêu tăng trưởng kinh tế bền vững của GTNfoods luôn gắn với bảo vệ môi trường và trách nhiệm với cộng đồng xã hội. Đây là ba yếu tố nền móng cho sự phát triển của công ty trong nhiều năm về sau nữa. Việc gắn tăng trưởng kinh tế với môi trường và xã hội nhằm đảm bảo quyền lợi lâu dài của các bên liên quan, từ đó hướng tới sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Các hoạt động báo cáo dựa trên các tiêu chuẩn GRI

Các báo cáo của GTNfoods được dựa theo các tiêu chuẩn GRI được nêu ra dưới đây:

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ BỀN VỮNG:

8 TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ
 GRI 201: Hiệu quả hoạt động kinh tế
 GRI 202: Sự có mặt trên thị trường
 GRI 203: Tác động kinh tế gián tiếp

15 XÃ HỘI HÒA BÌNH
 GRI 205: Chống tham nhũng
 GRI 206: Hành vi chống cạnh tranh

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

7 NĂNG LƯỢNG BỀN VỮNG
 GRI 302: Năng lượng

13 HÀNH ĐỘNG BẢO VỆ KHÍ HẬU
 GRI 305, 306: Khí thải, nước thải và phát thải
 GRI 307: Tuân thủ về môi trường

HƯỚNG TỚI CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI:

8 TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ
Cách đối xử với người lao động và việc làm bền vững
 GRI 401: Việc làm

3 SỐNG KHỎE MẠNH
 GRI 403: An toàn và sức khỏe nghề nghiệp
 GRI 416: An toàn và sức khỏe khách hàng

10 GIẢM BÁT BÌNH ĐẲNG GIỚI
Quyền con người
 GRI 406: Không phân biệt đối xử
 GRI 407: Quyền thương lượng tập thể
 GRI 408: Lao động trẻ em
 GRI 409: Lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc

12 TIÊU DÙNG VÀ SẢN XUẤT CÓ TRÁCH NHIỆM
Xã hội
 GRI 205: Chống tham nhũng
 GRI 206: Hành vi hạn chế cạnh tranh
 GRI 413: Cộng đồng địa phương

17 QUẢN HỆ ĐỐI TÁC TOÀN CẦU
Trách nhiệm đối với Sản phẩm
 GRI 416: Sự an toàn và sức khỏe của khách hàng
 GRI 417: Tiếp thị và nhãn hiệu

I. ĐIỂM QUA CÁC CON SỐ VÀ HOẠT ĐỘNG TIÊU BIỂU 2017

Năm 2017, Công ty con của GTNfoods là Mộc Châu Milk đã có những hoạt động rất cụ thể nhằm đem lại phúc lợi, hướng tới an sinh cho cộng đồng, đặc biệt tại Mộc Châu, Sơn La:



1. Tham gia các phong trào do địa phương phát động, đóng góp các loại quỹ hỗ trợ đối với tình như: Quỹ phòng chống bão lũ, Quỹ đền ơn đáp nghĩa, Quỹ bảo trợ trẻ em, Quỹ nhân đạo, Quỹ xóa đói giảm nghèo... và tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện khác.



5. Làm tốt công tác xã hội ở địa phương, đã ủng hộ đồng bào Mường La bị thiệt hại do lũ lụt với tổng số tiền 130 triệu đồng. Ủng hộ quỹ vì người nghèo, hỗ trợ chương trình làm nhà đại đoàn kết cho đồng bào huyện Mộc Châu với số tiền 520 triệu đồng để xây dựng 25 nhà tình nghĩa. Ủng hộ nước CHDCND Lào máy thái cỏ và thuốc khử trùng với giá trị 125,4 triệu đồng, đưa cán bộ sang thực hiện chuyển giao công nghệ cho nước bạn.



2. Hoạt động khen thưởng động viên thường kỳ cho con CBCN trong nội bộ công ty có thành tích xuất sắc trong học tập được công ty chú trọng. Năm 2017, Mộc Châu Milk đã trao tặng số tiền 187,5 triệu đồng tới các em nhỏ, nhằm khuyến khích các em tiếp tục cố gắng phấn đấu trong tương lai.



6. Ủng hộ: hội diễn văn nghệ UBND Thị trấn Nông Trường, Hội trà cao nguyên Mộc Châu, ngày hội hái quả Mộc Châu, tuần lễ văn hóa các dân tộc huyện Mộc Châu...với tổng số tiền 180 triệu đồng.



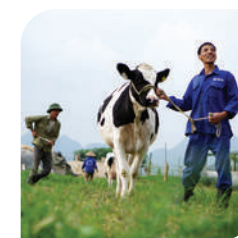
3. Bên cạnh các hoạt động dành cho nội bộ CBCNV, công ty còn thăm hỏi các gia đình thương binh liệt sỹ, ủng hộ cho Trung tâm giáo dục truyền thống và lịch sử tổ chức hoạt động tri ân các gia đình thương binh liệt sỹ với số tiền gần 10 triệu đồng.



7. Ủng hộ: hội diễn văn nghệ UBND Thị trấn Nông Trường, Hội trà cao nguyên Mộc Châu, tuần lễ văn hóa các dân tộc huyện Mộc Châu...với tổng số tiền 180 triệu đồng.



4. Tiếp tục triển khai chương trình Mộc Châu xanh sữa học đường. Đã tổ chức cho hơn 3.000 cháu ở 10 trường mầm non uống sữa miễn phí hàng ngày. Năm 2018 đã cấp cho chương trình sữa học đường hơn 62 tấn sữa và hơn 3,1 tấn đường, tổng giá trị gần 1,2 tỷ đồng.



8. Công tác xử lý môi trường: Mộc Châu Milk đã đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý nước thải theo công nghệ vi sinh của cả hai xưởng chế biến sữa, đảm bảo chất lượng nước thải đúng quy định; tích cực tuyên truyền tới các hộ dân, cơ sở chăn nuôi để đồng loạt triển khai xử lý chất thải rắn và chất thải lỏng theo công nghệ sinh học của Viện nghiên cứu môi trường NN&PTNT.

II. TẦM NHÌN, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA GTNFOODS GIAI ĐOẠN 2018 - 2020



1. Tăng trưởng kinh tế bền vững

Kết thúc năm 2017, GTNfoods hoàn thiện hệ sinh thái của mình bao gồm các sản phẩm thực phẩm sạch được sản xuất từ chuỗi giá trị nông nghiệp bền vững và khép kín, điều này bước đầu hiện thực hóa mục tiêu trở thành doanh nghiệp hàng đầu về thực phẩm sạch tại Việt Nam, dự kiến trong các năm tiếp theo công ty sẽ tiếp tục tăng vốn sở hữu chi phối đối với các công ty thành viên đang có thế mạnh hoặc tiềm năng trong ngành thực phẩm. Đồng thời, GTNfoods đẩy mạnh tái cơ cấu và đầu tư mạnh vào các mảng kinh doanh cốt lõi bằng chiến lược tận dụng thế mạnh hiện tại, xác định rõ tiềm năng và nhu cầu của thị trường, nâng cao vị thế thương hiệu, hướng tới tăng trưởng kinh tế bền vững đến từ Sữa và Trà, cùng với sự hỗ trợ của Vang tại Công ty liên kết. Bên cạnh đó, GTNfoods xác định đầu tư đều đặn cho đào tạo nguồn nhân lực và xây dựng văn hóa doanh nghiệp, tạo đà bứt phá tăng hiệu quả công việc. Cũng cố lợi thế cạnh tranh và đẩy mạnh sức mạnh của truyền thông và thương hiệu, đem các sản phẩm tươi sạch của GTNfoods tới gần hơn với người tiêu dùng đồng thời làm đòn bẩy tăng trưởng kinh doanh và các lĩnh vực khác cho doanh nghiệp.

Lấy các vùng thảo nguyên của Việt Nam làm vùng nguyên liệu, đặc biệt là vùng đất Mộc Châu, GTNfoods luôn hướng tới trách nhiệm trong các hoạt động phát triển sản xuất kinh doanh, khi tiếp tục mở rộng quy mô, tạo thêm công ăn việc làm cho nhiều thế hệ người dân của địa phương, đóng góp cho phát triển đều về kinh tế của địa phương trong hiện tại và tương lai.

Với mục tiêu tăng trưởng kinh tế của mình, GTNfoods trực tiếp đóng góp vào sự tăng trưởng chung của nền kinh tế của quốc gia, đồng thời góp phần thực hiện mục tiêu an sinh xã hội của Chính Phủ.



2. Hướng tới đóng góp cho phát triển chung của cộng đồng và xã hội

Với tinh thần phát triển kinh tế gắn liền với sự phát triển chung của toàn xã hội, GTNfoods đang góp phần không nhỏ vào việc thu hẹp khoảng cách giàu nghèo của các địa phương là vùng nguyên liệu của công ty nói riêng và trên toàn quốc nói chung. Bên cạnh việc nâng cao điều kiện cuộc sống và tạo việc làm cho địa phương, GTNfoods chú trọng các hoạt động hỗ trợ điều kiện sống tối thiểu cho các vùng đặc biệt khó khăn, ví dụ như hỗ trợ sữa cho trẻ em và trường tiểu học nghèo. Trong năm 2018, GTNfoods có kế hoạch xây dựng Quỹ Giáo Dục, nhằm khuyến khích trẻ em nghèo tới trường, cải thiện cuộc sống của bản thân và gia đình các em trong tương lai, đồng thời công ty vẫn sẽ tiếp tục các hoạt động cứu trợ các vùng lũ lụt, khó khăn thuộc các tỉnh vùng sâu vùng xa của miền Bắc và miền Trung.

Bên cạnh các hoạt động trách nhiệm xã hội, GTNfoods đang ngày càng nâng cao chất lượng môi trường làm việc, thu nhập và điều kiện sống cho người lao động, nhằm đảm bảo lợi ích và sự gắn bó lâu dài của người lao động. Để làm được điều này, công ty luôn có quỹ dành cho Đào tạo và các hoạt động xây dựng tinh thần, văn hóa doanh nghiệp, cùng với đó, hoàn thiện quy trình, chính sách đánh giá, trả lương theo hiệu quả công việc.

3. Bảo vệ môi trường

Biến đổi khí hậu đang là vấn đề được chú ý toàn cầu, do khí hậu ngày càng trở nên khắc nghiệt, không chỉ gây ra những thiệt hại về người và của một cách tức thì sau những thiên tai, về lâu dài biến đổi khí hậu còn ảnh hưởng nghiêm trọng tới an ninh lương thực. Việt Nam là một trong những quốc gia chịu nhiều thiệt hại nhất do biến đổi khí hậu, đồng thời, cũng là nước hứng chịu các tác động tiêu cực khác do nạn phá rừng, ô nhiễm môi trường và cạn kiệt tài nguyên.

Để chung tay bảo vệ môi trường, GTNfoods đang từng bước tạo nhận thức sâu rộng trong việc sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn năng lượng, đặc biệt là Điện và Nước, đối với toàn thể CBCNV của công ty, nhằm nâng cao hiệu suất lao động, tận dụng và tạo ra hiệu quả lao động cao nhất trên một đơn vị năng lượng. Tăng cường sử dụng sản phẩm tái chế, liên tục nâng cấp dây chuyền sản xuất giảm thiểu tối đa hoạt động phát thải ô nhiễm ra môi trường. Đặc biệt, thời gian qua, GTNfoods đã cắt giảm và kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật độc hại, đưa quy trình sản xuất chè thành quy trình sạch, đạt Chứng nhận Nông nghiệp bền vững RA cho các vùng chè chính, Chứng nhận thực hành sản xuất nông nghiệp tốt tại Việt Nam – Nhóm sản phẩm trồng trọt VIETGAP cho hầu hết các vùng nguyên liệu chè đang khai thác.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(đã được kiểm toán)



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần GTNfoods (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần GTNfoods được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thống Nhất, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0105334948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 05 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ mười bốn ngày 17 tháng 11 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Tạ Văn Quyền	Chủ tịch	
Ông	Nghiêm Văn Thắng	Phó Chủ tịch	
Ông	Michael Louis Rosen	Thành viên	
Ông	Lars Kjaer	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 28 tháng 03 năm 2017)
Ông	Nguyễn Trí Thiện	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 28 tháng 03 năm 2017)
Ông	Nguyễn Hồng Anh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 28 tháng 03 năm 2017)
Ông	Hoàng Mạnh Cường	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 28 tháng 03 năm 2017)
Ông	La Mạnh Tiến	Thành viên	
Bà	Chew Mei Ying	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Michael Louis Rosen	Tổng Giám đốc	
Ông	La Mạnh Tiến	Phó Tổng Giám đốc	
Ông	Nguyễn Văn Minh	Giám đốc tài chính	(Bổ nhiệm ngày 02 tháng 10 năm 2017)
Ông	Nguyễn Trần Quang	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 12 tháng 04 năm 2017)
Ông	Ngô Hồng Thái	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 12 tháng 04 năm 2017)
Ông	Phạm Duy Cường	Giám đốc tài chính	(Miễn nhiệm ngày 01 tháng 05 năm 2017)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông	Trần Việt Thắng	Trưởng ban
Ông	Pan Mun Kit	Thành viên
Bà	Nguyễn Thị Thu	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này là Ông Tạ Văn Quyền - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Hội đồng quản trị Công ty và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Tạ Văn Quyền

Chủ tịch HĐQT
Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần GTNfoods

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần GTNfoods được lập ngày 26 tháng 03 năm 2018, từ trang 6 đến trang 59, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần GTNfoods tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Không nhằm phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính hợp nhất về các vấn đề

- Do Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP (công ty con của Công ty) chưa được phê duyệt chính thức Báo cáo Quyết toán cổ phần hóa cho giai đoạn từ ngày đến ngày 01/01/2014 đến 17/12/2015, vì vậy một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần GTNfoods có thể sẽ thay đổi sau khi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn phê duyệt chính thức Báo cáo Quyết toán cổ phần hóa của Công ty con này;

- Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP (Công ty con của Công ty) đã nhận bàn giao tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất tại khu đất 225 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh từ Tổng Công ty Chè Việt Nam - Công ty TNHH MTV (DNNN) và thu hồi quyền sử dụng lô đất này từ đối tác kinh doanh - Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất kinh doanh GB - TEA Việt Nam. Tuy nhiên, Công ty con vẫn chưa hoàn tất các thủ tục cần thiết để ký lại Hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh (Xem Thuyết minh số 11 và Thuyết minh số 38.1). Bên cạnh đó, Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP (Công ty con của Công ty) vẫn chưa hoàn tất việc nhận lại mặt bằng một phần tài sản tại địa chỉ 59 An Bình, phường 6, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (theo kiến nghị của Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) (Xem Thuyết minh số 38.2). Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP (Công ty con của Công ty) sẽ xử lý các vấn đề này khi Báo cáo Quyết toán cổ phần hóa được phê duyệt bởi cấp có thẩm quyền.

Các vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần nêu trên của Chúng tôi.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt - Tại Hà Nội. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính hợp nhất này tại ngày 25 tháng 03 năm 2017.

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC

Đỗ Mạnh Cường

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0744-2018-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Anh Ngọc

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 1437-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MÃ SỐ	TÀI SẢN	THUYẾT MINH	31/12/2017 VND	01/01/2017 (ĐIỀU CHỈNH LẠI) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.301.341.137.346	2.661.835.095.621
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	240.281.764.889	610.572.592.544
111	1. Tiền		143.981.764.889	156.572.592.544
112	2. Các khoản tương đương tiền		96.300.000.000	454.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	966.856.972.919	30.262.808.598
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		966.856.972.919	30.262.808.598
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		656.675.343.351	1.925.706.432.189
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	115.154.121.526	183.568.019.045
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	23.912.187.913	1.286.540.518.899
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	36.441.988.200	5.000.000.000
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	8	486.527.029.405	452.465.813.804
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(5.359.983.693)	(1.867.919.559)
140	IV. Hàng tồn kho	10	399.570.265.967	74.498.271.960
141	1. Hàng tồn kho		408.486.152.991	74.498.271.960
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(8.915.887.024)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		37.956.790.220	20.794.990.330
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	7.988.227.923	831.165.497
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		27.505.030.482	14.718.449.763
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	2.463.531.815	5.245.375.070
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.500.435.744.545	843.564.112.713
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4.967.176.006	34.962.176.006
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	4.932.176.006	4.932.176.006
216	6. Phải thu dài hạn khác	8	35.000.000	30.030.000.000
220	II. Tài sản cố định		828.760.844.151	216.504.600.189
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	828.195.574.963	216.082.922.789
222	- Nguyên giá		1.715.218.062.528	418.572.479.021
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(887.022.487.565)	(202.489.556.232)
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	565.269.188	421.677.400
228	- Nguyên giá		1.574.469.126	1.215.469.126
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.009.199.938)	(793.791.726)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		28.792.045.058	51.070.745.588
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	28.792.045.058	51.070.745.588
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	538.876.842.902	529.164.584.789
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		286.187.807.597	240.246.498.998
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		257.146.698.951	288.918.085.791
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(4.457.663.646)	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.099.038.836.428	11.862.006.141
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	681.725.382.316	9.343.471.071
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	34	243.410.028	-
269	5. Lợi thế thương mại	15	417.070.044.084	2.518.535.070
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4.801.776.881.891	3.505.399.208.334

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

MÃ SỐ	NGUỒN VỐN	THUYẾT MINH	31/12/2017 VND	01/01/2017 (ĐIỀU CHỈNH LẠI) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		988.175.790.875	723.953.907.978
310	I. Nợ ngắn hạn		766.547.561.670	607.552.521.188
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	111.735.522.298	80.923.239.518
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	49.451.000.002	26.130.253.658
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	13.916.763.321	15.762.341.149
314	4. Phải trả người lao động		45.540.714.182	9.098.385.229
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	1.914.204.980	3.304.186.522
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	22	164.378.300	130.641.969
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	21	442.583.470.463	392.592.687.465
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	41.128.463.348	78.912.818.013
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		947.028.735	-
322	12. Quỹ khen thưởng phúc lợi		59.166.016.041	697.967.665
330	II. Nợ dài hạn		221.628.229.205	116.401.386.790
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	22	4.435.200.000	6.353.858.907
337	7. Phải trả dài hạn khác	21	7.016.840.000	4.551.000.000
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16	2.369.074.609	97.369.074.609
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	34	207.633.723.596	7.954.062.274
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		173.391.000	173.391.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.813.601.091.016	2.781.445.300.356
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	3.813.601.491.016	2.781.445.700.356
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		2.500.000.000.000	2.500.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.500.000.000.000	2.500.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		245.042.505.974	245.042.505.974
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		1.128.956.762	1.128.956.762
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		(144.361.178.141)	(47.896.865.264)
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		13.584.390.455	1.103.647.221
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		226.893.891	226.893.891
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		27.226.112.807	34.716.475.112
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.261.654.239	18.746.224.129
421b	LNST chưa phân phối năm nay		25.964.458.568	15.970.250.983
429	13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		1.170.753.809.268	47.124.086.660
430	II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác		(400.000)	(400.000)
431	1. Nguồn kinh phí		(400.000)	(400.000)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.801.776.881.891	3.505.399.208.334

Lâm Thị Thúy Mai
Người lập biểu

Hoàng Mạnh Cường
Kế toán trưởng

Tạ Văn Quyền
Chủ tịch HĐQT
Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

MÃ SỐ CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	Năm 2017 VND	Năm 2016 (ĐIỀU CHỈNH LẠI) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.787.960.811.219	1.827.267.059.797
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	6.660.106.543	1.540.394.085
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.781.300.704.676	1.825.726.665.712
11	4. Giá vốn hàng bán	3.342.357.658.920	1.747.029.631.710
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	438.943.045.756	78.697.034.002
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	132.213.368.606	23.816.716.304
22	7. Chi phí tài chính	5.655.117.778	24.570.308.137
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	5.278.265.889	23.654.774.684
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	(349.607.994)	10.766.814.399
25	9. Chi phí bán hàng	266.168.500.761	19.471.525.045
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	145.792.384.978	52.365.066.224
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	153.190.802.851	16.873.665.299
31	12. Thu nhập khác	35.591.920.203	13.929.950.264
32	13. Chi phí khác	26.582.390.353	7.117.318.481
40	14. Lợi nhuận khác	9.009.529.850	6.812.631.783
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	162.200.332.701	23.686.297.082
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	14.375.311.047	5.588.058.116
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(4.077.088.344)	2.127.987.983
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	151.902.109.998	15.970.250.983
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	40.396.815.620	15.647.510.506
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	111.505.294.378	322.740.477
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	162	101

Lâm Thị Thúy Mai
Người lập biểu

Hoàng Mạnh Cường
Kế toán trưởng

Tạ Văn Quyền
Chủ tịch HĐQT
Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

MÃ SỐ CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	162.200.332.701	23.686.297.082
	2. Điều chỉnh cho các khoản		
02	- Khấu hao tài sản cố định	162.676.503.453	29.333.587.654
03	- Các khoản dự phòng	15.918.586.069	1.520.121.812
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	112.816.625	93.526.019
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	(95.579.474.638)	(31.116.534.712)
06	- Chi phí lãi vay	5.278.265.889	23.654.774.684
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	250.607.030.099	47.171.772.539
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu	436.725.221.735	(63.934.170.719)
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho	(356.851.883.587)	(38.087.033.721)
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	110.405.183.384	198.253.398.154
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước	(20.864.670.410)	(9.427.455.727)
13	- Tăng/giảm chứng khoán kinh doanh	-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả	(6.374.573.632)	(25.785.087.701)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(15.710.242.169)	(10.642.099.653)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	570.235.714	4.500.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(12.840.235.440)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	385.666.065.694	102.049.323.172
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(105.688.967.668)	(12.941.446.909)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	34.204.493.896	91.628.400
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(993.739.640.096)	(95.865.562.598)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	589.362.885.094	71.071.760.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(107.535.809.587)	(1.674.273.255.100)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	255.622.923.717
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	61.985.583.244	5.211.481.024
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(521.411.455.117)	(1.451.082.471.466)

MÃ SỐ CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	1.998.712.505.974
33	3. Tiền thu từ đi vay	68.284.415.790	430.545.279.619
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	(218.802.289.411)	(886.219.242.455)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(84.039.286.397)	(42.469.400)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(234.557.160.018)	1.542.996.073.738
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(370.302.549.441)	193.962.925.444
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	610.572.592.544	416.449.029.291
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	11.721.786	160.637.809
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	240.281.764.889	610.572.592.544

Lâm Thị Thúy Mai
Người lập biểu

Hoàng Mạnh Cường
Kế toán trưởng

Tạ Văn Quyền
Chủ tịch HĐQT
Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần GTNfoods được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thống Nhất, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0105334948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 05 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ mười bốn ngày 17 tháng 11 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 2.500.000.000.000 đồng, tương đương 250.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Đầu tư tài chính, Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; Xây dựng công trình công ích, xây dựng nhà các loại; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu; Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; Sản xuất ống nhựa cứng, ống nhựa mềm, các sản phẩm từ plastic; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất sản phẩm chịu lửa, Đốt than hoa (gỗ, củi có nguồn gốc hợp pháp),...

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Tổng Công ty Chăn nuôi ViệtNam - CTCP ("VLC") đã là Công ty con của Công ty kể từ ngày 03/01/2017. Đến ngày 31/12/2017 Công ty đã nâng sở hữu tại Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP ("VLC") lên 46.519.650 cổ phần, tương ứng 73,72% vốn điều lệ của VLC. Báo cáo tài chính hợp nhất này của Công ty đã bao gồm số liệu Báo cáo chính hợp nhất VLC dẫn tới tài sản, nguồn vốn và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm nay của Công ty tăng so với năm trước.

Cấu trúc tập đoàn

- Tổng số các Công ty con:
- + Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 10
- + Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0

Tại ngày 03/11/2017, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 12/2017/NQ/HĐQT về việc phê duyệt thoái vốn đối với khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung (Công ty con của Công ty); Công ty Cổ phần Lâm Nghiệp Sài Gòn (Công ty liên kết của Công ty) và các Công ty con, Công ty liên kết, các bất động sản thuộc sở hữu của ba Công ty con của GTNfoods là Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP; Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP; Công ty Cổ phần Sản xuất Tre Công nghiệp Mộc Châu do không nằm trong chiến lược phát triển dài hạn của Công ty, nhằm đem lại nguồn lực tập trung phát triển các mảng cốt lõi của GTNfoods là Sữa và Trà.

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2017 gồm:

TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	TỶ LỆ LỢI ÍCH	TỶ LỆ QUYỀN BIỂU QUYẾT	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH
Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	Tỉnh Quảng Nam	90,00%	90,00%	Sản xuất ống nhựa, và các sản phẩm từ plastic
Công ty Cổ phần Sản xuất Tre Công nghiệp Mộc Châu	Tỉnh Sơn La	96,37%	96,37%	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện.
Công ty TNHH Hàng tiêu dùng GTNfoods	Thành phố Hà Nội	100,00%	100,00%	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu
Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP (1)	Thành phố Hà Nội	95,00%	95,00%	Kinh doanh, sản xuất chè
Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (2)	Thành phố Hà Nội	73,72%	73,72%	Sản xuất, chăn nuôi, chế biến và kinh doanh các sản phẩm chăn nuôi.
Công ty Cổ phần Chè Nghĩa Lộ (3)	Tỉnh Yên Bái	48,45%	51,00%	Kinh doanh, sản xuất chè
Công ty Cổ phần Chè Liên Sơn (3)	Tỉnh Yên Bái	48,66%	51,22%	Kinh doanh, sản xuất chè
Công ty Cổ phần Vinatea Kim Anh (3)	Thành phố Hà Nội	93,28%	98,19%	Kinh doanh, sản xuất chè
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Miền Trung (4)	Tỉnh Quảng Nam	67,11%	91,03%	Chăn nuôi
Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (4)	Tỉnh Sơn La	37,60%	51,00%	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa

(1) Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP ("VNT") chưa được phê duyệt chính thức Báo cáo Quyết toán cổ phần hóa cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 17/12/2015 bởi cấp có thẩm quyền, do đó Công ty đang hợp nhất VNT theo giá trị ghi sổ của tài sản thuần tại ngày mua là 277.463.000.000 đồng.

(2) Vào ngày 31/12/2017, Công ty đã nâng sở hữu tại Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP ("VLC") lên 46.519.650 cổ phần, tương ứng 73,72% vốn điều lệ của VLC. Công ty đang hợp nhất VLC theo giá trị hợp lý của tài sản thuần tại ngày mua là 914.490.596.413 đồng.

(3) Công ty con gián tiếp và đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ là Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP.

(4) Công ty con gián tiếp và đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ là Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP.

Công ty có các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 như được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 04.

2. Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại công ty

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn: Trường hợp trước ngày công ty mẹ đạt được quyền kiểm soát, công ty mẹ không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc: Tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát, giá trị khoản đầu tư trước đây được đánh giá lại theo giá trị hợp lý và phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 45 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm
Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	04 - 06 năm
Các tài sản hữu hình khác	03 - 08 năm
Phần mềm kế toán	03 - 05 năm
Các tài sản vô hình khác	03 - 08 năm

2.11. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 3 năm.

Chi phí trả trước dài hạn là dàn lộn sinh sản được tính và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ trong 48 tháng.

Giá trị thương hiệu là phần giá trị mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con và được phân bổ trong vòng 20 năm.

Lợi thế quyền thuê đất mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một khoản chi phí trả trước dài hạn. Giá trị lợi thế quyền thuê đất được phân bổ theo thời gian còn lại của từng hợp đồng thuê đất.

Vùng nguyên liệu: Giá trị hợp lý của vùng nguyên liệu mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một khoản chi phí trả trước dài hạn. Giá trị hợp lý vùng nguyên liệu được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 18 năm.

2.12. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13. Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: tiền lương nghỉ phép chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

2.17. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.18. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản là giá trị phần chênh lệch tăng khi đánh giá lại các khoản đầu tư tài chính để thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Công ty đã được phép ghi nhận gộp vào giá trị khoản đầu tư tài chính trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty. Trên Báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị chênh lệch này được phản ánh bằng số âm ở chỉ tiêu “Chênh lệch đánh giá lại tài sản” trên Bảng cân đối kế toán theo hướng dẫn tại khoản 5 Điều 14 Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2.19. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.21. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.22. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

2.24. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;

- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Mua Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP ("VLC")

Vào ngày 03/01/2017, Công ty đã mua thêm 36.182.488 cổ phiếu của VLC với tổng giá phí là 1.332.737.596.071 VND, tương đương 57,34 % tỷ lệ sở hữu trong VLC. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại VLC được tăng từ 7,66 % đến 65 % tại ngày này, và VLC đã trở thành Công ty con của Công ty.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của VLC vào ngày hợp nhất kinh doanh được trình bày như sau:

	Giá trị ghi số tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát VND	Các điều chỉnh theo giá hợp lý VND	Giá trị hợp lý tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát VND
Tài sản			
Tiền và các khoản tương đương tiền	214.532.546.557	-	214.532.546.557
Các khoản đầu tư	548.848.317.192	-	548.848.317.192
Hàng tồn kho	338.029.158.540	-	338.029.158.540
Tài sản cố định hữu hình (thuần)	296.861.916.660	320.480.362.278	617.342.278.938
Chi phí trả trước dài hạn	22.512.097.119	694.768.880.447	717.280.977.566
Đầu tư tài chính dài hạn	76.562.103.809	-	76.562.103.809
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại (nếu có)	297.501.145	-	297.501.145
Điều chỉnh do ảnh hưởng đánh giá Cổ phần hóa	96.464.312.877	-	96.464.312.877
Các tài sản khác	91.654.278.614	-	91.654.278.614
Cộng tài sản	1.685.762.232.513	1.015.249.242.725	2.701.011.475.238
Nợ phải trả			
Nợ ngắn hạn	377.189.293.209	-	377.189.293.209
Nợ dài hạn	6.023.840.000	-	6.023.840.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	6.860.069.910	203.049.848.545	209.909.918.455
Cộng nợ phải trả	390.073.203.119	203.049.848.545	593.123.051.664
Cổ đông không kiểm soát	679.901.336.517	513.496.490.644	1.193.397.827.161
Tổng giá trị tài sản thuần	615.787.692.876	298.702.903.536	914.490.596.413
Tổng giá phí của khoản đầu tư này			1.375.414.314.462
<i>Trong đó:</i>			
Giá trị khoản đầu tư tăng thêm trước thời điểm nắm quyền kiểm soát			42.676.718.391
Giá phí đầu tư			1.332.737.596.071
Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 15)			460.923.718.049

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt	12.190.230.740	2.266.361.426
Tiền gửi ngân hàng	131.791.534.149	154.306.231.118
Các khoản tương đương tiền (*)	96.300.000.000	454.000.000.000
	240.281.764.889	610.572.592.544

(*) Tại ngày 31/12/2017, các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại và quỹ tín dụng, lãi suất từ 4%/năm đến 5,2% năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Xem chi tiết Phụ lục 1

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a) Ngắn hạn		
Chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Công ty CP Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn	31.613.146.376	31.613.146.376
Tổng Công ty Mạng lưới Viettel	-	18.347.471.999
Công ty CP Đầu tư BZZ	368.297.305	3.956.400.000
Công ty CP Thiết kế và Xây dựng Hải Hà	-	6.687.516.350
Công ty TNHH Đại Quế Lâm	-	19.528.940.400
Công ty CP Phát triển và Thương mại Á Châu	-	6.468.182.500
Công ty CP NLN Châu Giang	-	34.302.959.744
Tổng Công ty CP Bia- Rượu- Nước giải khát Hà Nội	10.463.781.022	-
Công ty Cổ phần Tetrapak Việt Nam	5.500.000.000	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	67.208.896.823	62.663.401.676
	115.154.121.526	183.568.019.045

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
b) Dài hạn		
Chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Công ty CP Chè Kim Anh	3.435.095.220	3.435.095.220
Công ty CP Chè Văn Hưng	1.497.080.786	1.497.080.786
	4.932.176.006	4.932.176.006
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 41)	3.550.786.377	3.435.095.220

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Liên doanh DMC - VTS	3.721.075.000	-	4.721.075.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư BZZ	5.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Thiết bị công nghiệp nặng Mico	2.150.400.000	-	-	-
Công ty TNHH Phytocent Việt Nam	1.840.782.095	-	-	-
Ứng trước tiền cho các nông dân thu mua chè	3.923.296.635	-	-	-
Trả trước tiền mua cổ phần (*)	-	-	1.266.387.080.000	-
Trả trước người bán khác	7.276.634.183	-	15.432.363.899	-
	23.912.187.913	-	1.286.540.518.899	-

(*) Khoản trả trước cho người bán tại ngày 01/01/2017 là khoản ứng trước cho các cá nhân để mua cổ phần của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (Công ty con của Công ty) nhằm mục đích nâng tỷ lệ sở hữu lên 65% theo Nghị quyết số 29/2016/NQ/HĐQT ngày 23/11/2016 của Hội đồng Quản trị.

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Gà Giống Châu Thành	2.250.000.000	-	-	-
Bà Nguyễn Thị Hồng Trâm (*)	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Phải thu hộ chăn nuôi về tiền cho vay mua bò sữa và đầu tư chăn nuôi	29.191.988.200	-	-	-
	36.441.988.200	-	5.000.000.000	-

(*) Khoản cho bà Nguyễn Thị Hồng Trâm vay theo hợp đồng số 01/2015/HĐVV-NSTN ngày 18/03/2015, lãi suất cho vay 10%/năm, phụ lục số 02/2017/PLHĐVV-HTD ngày 27/12/2017 gia hạn thời hạn vay đến hết ngày 30/12/2018.

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về cổ phần hóa (1)	349.605.157.569	-	304.390.957.569	-
+ Tiền nộp bán cổ phần chuyển cho Tổng công ty đầu tư kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)	277.979.218.768	-	232.979.218.768	-
+ Lợi nhuận kết chuyển về công ty cổ phần	70.224.178.230	-	70.224.178.230	-
+ Phải thu cổ phần hóa khác	1.401.760.571	-	1.187.560.571	-
Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần (*)	42.551.488.987	-	64.039.011.875	-
Tạm ứng	32.378.374.018	-	31.583.572.851	-
Lãi cho vay, lãi tiền gửi	29.065.419.790	-	3.362.380.174	-
Ký cược, ký quỹ	12.865.656.802	-	20.872.055.927	-
Công ty CP Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành (2)	6.902.605.840	-	-	-
Ông Nguyễn Quốc Túy	4.556.000.000	-	6.556.000.000	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	1.675.158.920	-	-	-
Phải thu từ hộ chăn nuôi, khoán chăn nuôi của người lao động	1.271.487.298	-	-	-
Phải thu về BHXH, BHYT, BHTN	10.049.959	-	-	-
Công ty CP Chè Phú Đa	-	-	3.281.242.825	-
Ông Nguyễn Thế Hiếu	-	-	10.000.000.000	-
Phải thu khác	5.645.630.222	-	8.380.592.583	-
	486.527.029.405	-	452.465.813.804	-
b) Dài hạn				
Công ty CP Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành (2)	-	-	30.000.000.000	-
Phải thu khác	35.000.000	-	30.000.000	-
	35.000.000	-	30.030.000.000	-

(*) Khoản tiền phải thu các cá nhân liên quan đến việc mua cổ phần Tổng Công ty chè Việt Nam - CTCP, khoản đầu tư trình bày tại phụ lục 01, các khoản nợ này các cá nhân sẽ thanh toán chậm nhất đến tháng 29/05/2018.

(1) Khoản phải thu về cổ phần hóa tại Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP (Công ty con của Công ty) sẽ được bù trừ với khoản phải trả về cổ phần hóa tại Quyết định số 21 khi có quyết định phê duyệt về quyết toán của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

(2) Hợp đồng hợp tác đầu tư số 1003/2015/HTĐT/HT-NMT ngày 10/03/2015 giữa Công ty CP Nhựa Miền Trung (Công ty con của Công ty) và Công ty CP Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành. Theo đó:

- Công ty CP Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành thực hiện tìm kiếm vị trí khu đất mục tiêu hoặc nhà xưởng mục tiêu tại các khu Công nghiệp đang có nhu cầu cho thuê hoặc chuyển nhượng tại tỉnh Hưng Yên, Hải Dương để cùng Công ty CP Nhựa Miền Trung đầu tư và phát triển Dự án Xây dựng nhà máy sản xuất ống nhựa.

- Tổng mức đầu tư dự kiến: 110.000.000.000 VND.

- Công ty đóng góp 70% tương đương 77.000.000.000 VND.

Theo biên bản làm việc số BBLV1201/2017/HĐMB/NMT-HT ngày 12/01/2017 giữa các bên, do khu đất Công ty CP Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành tìm kiếm không đáp ứng được các tiêu chí, điều kiện để xây dựng nhà máy sản xuất ống nhựa, Công ty CP Nhựa Miền Trung quyết định nhận lại số tiền đã góp vốn.

9. NỢ XẤU

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Chè Phú Đa	-	-	3.281.242.825	3.281.242.825
Công ty CP Chè Kim Anh	3.435.095.220	3.435.095.220	3.435.095.220	3.435.095.220
Công ty Cổ phần Chè Văn Hưng	1.497.080.786	1.497.080.786	1.497.080.786	1.497.080.786
Công ty Cổ phần Gà giống Châu Thành	2.250.000.000	-	-	-
Đối tượng khác	5.647.142.671	2.537.158.978	3.823.196.357	1.955.276.798
	12.829.318.677	7.469.334.984	12.036.615.188	10.168.695.629

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá các khoản công nợ này có thể thu hồi được, phần không thu hồi được đã được Công ty đánh giá trích lập dự phòng theo đúng quy định.

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	314.802.030	707.341.017	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	179.243.970.648	-	26.531.401.788	-
Công cụ, dụng cụ	8.473.470.711	-	2.787.850.581	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	70.590.664.033	5.192.321.127	11.020.969.859	-
Thành phẩm	133.110.163.893	3.016.224.880	23.548.673.025	-
Hàng hóa	14.968.060.499	-	10.598.908.346	-
Hàng gửi đi bán	1.785.021.177	-	10.468.361	-
	408.486.152.991	8.915.887.024	74.498.271.960	-

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công trình 225 Nam Kỳ Khởi Nghĩa (*)	-	22.434.699.148
Chi phí thuê đất tại địa chỉ 225 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 7, quận 3, Tp Hồ Chí Minh (*)	27.939.655.040	27.939.655.040
Xây dựng cơ bản dở dang khác	852.390.018	696.391.400
	28.792.045.058	51.070.745.588

(*) Xem tại Thuyết minh 38.1

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 02

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 03

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	682.896.468	600.602.063
Chi phí trả trước về thuê cửa hàng	174.900.000	-
Công cụ quảng cáo trên các phương tiện công cộng	5.338.802.512	-
Công cụ bán hàng	1.508.648.211	-
Chi phí sửa chữa tài sản	128.800.000	-
Các khoản khác	154.180.732	230.563.434
	7.988.227.923	831.165.497
b) Dài hạn		
Lợi thế Quyền thuê đất	162.782.196.018	-
Lợi thế Vùng nguyên liệu	186.959.266.453	-
Lợi thế Thương hiệu	308.932.840.790	-
Đàn lợn sinh sản (*)	6.614.712.044	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	7.305.182.104	1.275.551.226
Chi phí sửa chữa tài sản, thiết kế, thi công nhà cửa, nội thất văn phòng	5.235.550.668	5.639.060.998
Tiền thuê đất	1.695.067.752	458.058.171
Chi phí tư vấn địa chính	498.012.879	782.591.667
Dự án chứng nhận "Nông nghiệp bền vững - Rainforest Alliance"	830.124.520	-
Các khoản khác	872.429.088	1.188.209.009
	681.725.382.316	9.343.471.071

(*) Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP ("VLC") (Công ty con của Công ty) do đặc thù biến động thường xuyên và có giá trị dưới 30 triệu đồng nên đàn lợn sinh sản được trình bày vào chi phí trả trước dài hạn.

Đàn lợn sinh sản được tính và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 4 năm, và được ghi nhận vào thu nhập khác khi bị thải loại thanh lý.

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Phát sinh từ giao dịch mua VLC VND	Phát sinh từ giao dịch mua VNT VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	-	2.798.372.300	2.798.372.300
Trong năm	460.923.718.049	-	460.923.718.049
Số cuối năm	460.923.718.049	2.798.372.300	463.722.090.349
Số đã phân bổ			
Số đầu năm	-	279.837.230	279.837.230
Phân bổ trong năm	46.092.371.805	279.837.230	46.372.209.035
Số cuối năm	46.092.371.805	559.674.460	46.652.046.265
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	2.518.535.070	2.518.535.070
Số cuối năm	414.831.346.244	2.238.697.840	417.070.044.084

Do Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP (công ty con của Công ty) chưa được phê duyệt chính thức Báo cáo Quyết toán cổ phần hóa cho giai đoạn từ ngày đến ngày 01/01/2014 đến 17/12/2015. Do đó, giá trị lợi thế thương mại có thể thay đổi khi VNT được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Báo cáo quyết toán cổ phần hóa.

16. CÁC KHOẢN VAY

- a) Vay ngắn hạn Xem chi tiết Phụ lục 04
b) Vay dài hạn Xem chi tiết Phụ lục 04

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty TNHH Xây dựng và Vận tải Hoàng Trường	-	-	2.002.700.000	2.002.700.000
Tổng Công ty Sông Gianh - CN Bắc Ninh	-	-	4.089.735.000	4.089.735.000
Công ty CP Chè Phú Đa	6.582.779.285	6.582.779.285	10.576.119.403	10.576.119.403
Phải trả các đối tượng khác	105.152.743.013	105.152.743.013	64.254.685.115	60.784.685.115
	111.735.522.298	111.735.522.298	80.923.239.518	77.453.239.518
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
Công ty TNHH Hoàng Thiên Phú	1.228.958.000	1.228.958.000	1.228.958.000	1.228.958.000
Công ty Cổ phần Cơ khí chè	592.900.000	592.900.000	592.900.000	592.900.000
Công ty TNHH Chế biến trà Trần Nam Việt	300.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Chè Than Uyên	430.889.250	430.889.250	430.889.250	430.889.250
Phải trả các đối tượng khác	793.639.830	793.639.830	793.639.830	793.639.830
	3.346.387.080	3.346.387.080	3.346.387.080	3.346.387.080
c) Phải trả người bán là các bên liên quan	6.582.779.285	6.582.779.285	10.576.119.403	10.576.119.403

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 41)

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty TNHH Thịnh Hiền	2.548.366.553	-
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Thuận Hưng	2.128.372.571	-
Công ty TNHH Thương mại Đức Thắng	1.668.864.454	-
Công ty Cổ phần Tân Phong	2.185.700.000	1.506.750
Doanh nghiệp Tư nhân Trịnh Thị Thu Hà	2.880.409.306	-
Công ty TNHH Chè Á Châu	2.464.000.000	-
Phải trả đối tượng khác	35.575.287.118	26.128.746.908
	49.451.000.002	26.130.253.658

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

(Xem chi tiết Phụ lục 05)

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi phí lãi vay	1.293.916.500	2.261.014.515
Trích trước chi phí tiền lương	279.651.333	-
Chi phí phải trả khác	340.637.147	1.043.172.007
	1.914.204.980	3.304.186.522

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	536.491.054	379.482.873
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	265.355.681	204.860.485
Phải trả về cổ phần hoá	360.090.137.728	359.014.213.728
+ Phải trả về cổ phần hoá tại TCT Chè Việt Nam (*)	359.875.937.728	359.014.213.728
+ Phải trả về cổ phần hoá tại TCT Chăn nuôi	214.200.000	-
Phải trả Bộ NN&PTNT về khoản vay quỹ khoa học	1.857.191.000	-
Phải trả Công ty Nissui Tokyo - Tiền nhập khẩu ủy thác	3.641.514.300	-
Quỹ khuyến học và các quỹ khác	981.820.174	-
Quỹ bảo hiểm vật nuôi, bảo hiểm giá sữa	28.861.079.013	-
Cổ tức phải trả	41.784.384.750	-
Công ty CP Đầu tư sản xuất & Kinh doanh GB - Tea	-	14.359.071.507
Michael Louis Rosen	-	6.260.993.826
Yasuyo Asano	-	1.450.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.565.496.763	10.924.065.046
	442.583.470.463	392.592.687.465
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.516.840.000	51.000.000
Kinh phí được cấp chờ quyết toán (**)	4.500.000.000	4.500.000.000
	7.016.840.000	4.551.000.000

(*) Khoản phải trả cổ phần hóa là các khoản tiền thu của các tổ chức, cá nhân từ đợt chào bán cổ phần của Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP (Công ty Con của Công ty). Khoản này sẽ được bù trừ với khoản thu về cổ phần hóa tại Quyết định số 08 khi có Quyết định phê duyệt về quyết toán cổ phần hóa của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

(**) Căn cứ quy định tại Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và Quyết định số 1948/QĐ-UBND ngày 29/08/2015 của UBND tỉnh Sơn La, Công ty được Ngân sách Trung ương hỗ trợ đầu tư về cơ sở hạ tầng, nhà xưởng và xử lý chất thải tổng số tiền: 10 tỷ đồng, trong đó Công ty đã được tạm ứng số tiền: 4,5 tỷ đồng.

21. PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
- Phải trả Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về khoản vay quỹ khoa học	1.857.191.000	-
- Phải trả Công ty Nissui Tokyo - Tiền nhập khẩu khai thác	3.641.514.300	-
	5.498.705.300	-

22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a) Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước về tiền cho thuê nhà xưởng	96.117.561	130.641.969
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	68.260.739	-
	164.378.300	130.641.969
b) Dài hạn		
Doanh thu nhận trước về tiền cho thuê mặt bằng (*)	4.435.200.000	6.353.858.907
	4.435.200.000	6.353.858.907

(*) Khoản tiền nhận được từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Bách Khoa theo hợp đồng cho thuê mặt sàn tại địa chỉ 92 Võ Thị Sáu, Hà Nội với thời hạn từ 13/05/2016 đến 02/10/2020. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã nhận được toàn bộ giá trị tiền thuê của hợp đồng này.

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Xem chi tiết Phụ lục 06

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND	Tỷ lệ %
Công ty CP INVEST Tây Đại Dương	700.478.800.000	28,02	676.399.700.000	27,06
Tael Two Partners Ltd	550.000.000.000	22,00	550.000.000.000	22,00
PENM IV Germany GmbH&Co.KG	149.999.900.000	6,00	149.999.900.000	6,00
Đối tượng khác	1.099.521.300.000	43,98	1.123.600.400.000	44,94
	2.500.000.000.000	100	2.500.000.000.000	100

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

c) Cổ phiếu

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	250.000.000	250.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	250.000.000	250.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	250.000.000	250.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	250.000.000	250.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	250.000.000	250.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

d) Các quỹ của công ty

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Quỹ đầu tư phát triển	13.584.390.455	1.103.647.221
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	226.893.891	226.893.891
	13.811.284.346	1.330.541.112

24. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng hóa	1.087.998.918.553	1.531.545.372.332
Doanh thu bán thành phẩm	2.687.398.050.579	290.815.322.533
Doanh thu gia công thức ăn chăn nuôi	2.737.333.207	-
Doanh thu trợ cấp trợ giá	924.598.000	-
Doanh thu cho thuê mặt bằng	5.680.243.914	4.906.364.932
Doanh thu khác	3.221.666.966	-
	3.787.960.811.219	1.827.267.059.797

25. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chiết khấu thương mại	6.353.751.489	-
Hàng bán bị trả lại	306.355.054	1.540.394.085
	6.660.106.543	1.540.394.085

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.057.971.886.563	1.497.731.932.316
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.275.044.897.529	248.050.837.732
Giá vốn gia công thức ăn chăn nuôi	2.537.732.505	-
Tiêu hủy hàng tồn kho hư hỏng hoặc hết hạn sử dụng	2.518.751.590	-
Giá vốn cho thuê mặt bằng	2.853.224.465	1.246.861.662
Giá vốn khác	1.431.166.268	-
	3.342.357.658.920	1.747.029.631.710

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	80.522.558.918	10.999.944.013
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.841.222.862	881.562.500
Lãi chênh lệch tỷ giá	142.868.435	159.057.595
Lãi chuyển nhượng cổ phần	-	11.088.736.036
Chiết khấu thanh toán	30.000.000	687.416.160
Doanh thu hoạt động tài chính khác	42.676.718.391	-
	132.213.368.606	23.816.716.304

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền vay	5.278.265.889	23.654.774.684
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	313.626.442	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	112.816.625	167.286.562
Trích lập dự phòng	-	258.372.952
Hoàn nhập dự phòng phải thu về cho vay khó đòi	(50.000.000)	-
Chi phí tài chính khác	408.822	489.873.939
	5.655.117.778	24.570.308.137

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.122.175.092	-
Chi phí nhân công	41.987.716.092	7.465.797.346
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.211.343.836	172.375.690
Chi phí đồ dùng văn phòng	16.693.199.319	392.121.784
Chi phí hỗ trợ, quảng cáo, khuyến mại	153.975.564.583	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.966.321.096	9.816.966.361
Chi phí khác bằng tiền	11.212.180.743	1.624.263.864
	266.168.500.761	19.471.525.045

30. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.331.771.912	-
Chi phí nhân công	41.340.763.522	24.303.098.742
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	454.421.089	1.678.259.278
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.848.795.620	2.144.758.074
Chi phí dự phòng	1.421.903.143	4.066.139.228
Thuế, phí, và lệ phí	7.871.223.827	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.062.959.285	8.937.752.601
Phân bổ lợi thế thương mại (*)	46.372.209.035	-
Chi phí khác bằng tiền	17.088.337.545	11.235.058.301
	145.792.384.978	52.365.066.224

(*) Xem thuyết minh số 15

31. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	499.275.959	125.876.027
Thu nhập từ thanh lý gia súc, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	2.004.208.493	4.846.214.365
Bồi thường Giải phóng mặt bằng	228.077.200	579.453.492
Tiền điện văn phòng cho thuê	546.049.200	577.458.400
Phạt hợp đồng kinh tế	783.973.712	81.500.000
Hàng hóa thừa theo biên bản kiểm kê	1.426.615.496	-
Thu hỗ trợ cuộc thi Hoa hậu bò sữa 2017, tiếp thị, phát triển thị trường, phát triển đàn bò giống, bồi thường bảo hiểm	10.841.685.016	-
Thu tiền bồi thường sản phẩm, vật tư hỏng	1.372.818.483	-
Thu nhập từ lãi vay được miễn	7.788.632.416	-
Lãi chuyển nhượng Tài sản (*)	6.565.300.852	-
Thu nhập khác	3.535.283.376	7.719.447.980
	35.591.920.203	13.929.950.264

(*) Khoản lãi từ hoạt động chuyển nhượng giá trị đầu tư trên đất 225 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 7, quận 3, Tp Hồ Chí Minh cho Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và kinh doanh GB-TEA, giá trị thanh lý là 29.000.000.000 đồng, giá trị XDCB đến thời điểm thanh lý: 22.434.699.148 đồng, lãi 6.565.300.852 đồng (xem tại Thuyết minh 38.1).

32. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	5.052.289.274	-
Chi phí thanh lý gia súc, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	6.902.532.232	3.176.906.737
Tiền phạt hành chính, phạt thuế, chậm nộp thuế, bảo hiểm	1.120.508.745	3.483.505.049
Tiền phạt thực hiện hợp đồng	253.831.898	-
Khấu hao tài sản cố định	5.759.661.304	-
Hàng hóa thiếu theo biên bản kiểm kê	1.437.149.939	-
Chi phí khác	6.056.416.961	456.906.695
	26.582.390.353	7.117.318.481

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	14.375.311.047	5.588.058.116
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	1.855.240.422	1.611.464.054
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty con	12.520.070.625	3.976.594.062
Thuế TNDN đã nộp thừa đầu năm	5.234.101.600	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	3.018.888.213	9.517.951.054
Thuế TNDN đã nộp trong năm	15.710.242.169	11.259.574.181
Thuế TNDN đã nộp thừa cuối năm	2.345.868.361	5.234.101.600
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	3.834.718.701	3.018.888.213

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Tài sản thuế Thu nhập hoãn lại

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	243.410.028	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	243.410.028	-

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	13.770.240.847	7.954.062.274
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh VLC	193.863.482.749	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	207.633.723.596	7.954.062.274

c) Chi phí thuế thu nhập hoãn lại

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(4.077.088.344)	2.127.987.983
	(4.077.088.344)	2.127.987.983

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	40.396.815.620	15.647.510.506
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	40.396.815.620	15.647.510.506
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	250.000.000	156.630.137
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	162	101

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại ngày lập Báo cáo tài chính hàng năm.

36. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.072.857.289.121	160.700.125.006
Chi phí nhân công	255.255.495.193	59.446.291.768
Chi phí khấu hao TSCĐ	162.676.503.453	29.053.750.424
Chi phí dịch vụ mua ngoài	123.748.491.892	27.132.086.400
Chi phí khác bằng tiền	241.599.188.651	25.731.123.407
	2.856.136.968.310	302.063.377.005

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	GIÁ TRỊ GHI SỔ KẾ TOÁN			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	240.281.764.889	-	610.572.592.544	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	606.648.326.937	(5.359.983.693)	670.996.008.855	(1.867.919.559)
Các khoản cho vay	1.003.298.961.119	-	35.262.808.598	-
Đầu tư dài hạn	-	-	65.522.255.787	-
	1.850.229.052.945	(5.359.983.693)	1.382.353.665.784	(1.867.919.559)

	GIÁ TRỊ SỔ KẾ TOÁN	
	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	43.497.537.957	176.281.892.622
Phải trả người bán, phải trả khác	561.335.832.761	478.066.926.983
Chi phí phải trả	1.914.204.980	3.304.186.522
	606.747.575.698	657.653.006.127

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Trên 5 năm VND
Tại ngày 31/12/2017	
Đầu tư dài hạn	65.522.255.787
	65.522.255.787
Tại ngày 01/01/2017	
Đầu tư dài hạn	65.522.255.787
	65.522.255.787

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng
Tại ngày 31/12/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	240.281.764.889	-	240.281.764.889
Phải thu khách hàng, phải thu khác	596.321.167.238	4.967.176.006	601.288.343.244
Các khoản cho vay	1.003.298.961.119	-	1.003.298.961.119
	1.839.901.893.246	4.967.176.006	1.844.869.069.252
Tại ngày 01/01/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	610.572.592.544	-	610.572.592.544
Phải thu khách hàng, phải thu khác	634.165.913.290	34.962.176.006	669.128.089.296
Các khoản cho vay	35.262.808.598	-	35.262.808.598
	1.280.001.314.432	34.962.176.006	1.314.963.490.438

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng
Tại ngày 31/12/2017			
Vay và nợ	41.128.463.348	2.369.074.609	43.497.537.957
Phải trả người bán, phải trả khác	554.318.992.761	7.016.840.000	561.335.832.761
Chi phí phải trả	1.914.204.980	-	1.914.204.980
	597.361.661.089	9.385.914.609	606.747.575.698

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng
Tại ngày 01/01/2017			
Vay và nợ	78.912.818.013	97.369.074.609	176.281.892.622
Phải trả người bán, phải trả khác	473.515.926.983	4.551.000.000	478.066.926.983
Chi phí phải trả	3.304.186.522	-	3.304.186.522
	555.732.931.518	101.920.074.609	657.653.006.127

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

38. THÔNG TIN KHÁC

Các vấn đề chưa được xử lý tại Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP (Công ty con của Công ty) trong giai đoạn cổ phần hóa:

38.1. Thu hồi tài sản góp vốn là quyền sử dụng đất

Ngày 24/12/2015, sau thời điểm Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP đã được cấp giấy chứng nhận mã số doanh nghiệp (ngày 17/12/2015), Nguyên Tổng Giám đốc Tổng Công ty Chè Việt Nam - Công ty TNHH MTV vẫn sử dụng chữ ký, con dấu của Doanh nghiệp nhà nước để thực hiện ký kết hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất tại địa chỉ 225 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 7, quận 3, Tp Hồ Chí Minh với Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất kinh doanh GB - TEA Việt Nam với giá trị là 27.939.655.040 đồng (Xem Phụ lục 04).

Ngày 05/02/2016, nguyên Tổng Giám đốc Tổng Công ty Chè Việt Nam - Công ty TNHH MTV đã ký thanh lý hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, cùng ngày 05/02/2016, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh ký hợp đồng thuê đất số 1181/HĐ- TNMT-VPĐK với Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất kinh doanh GB - TEA Việt Nam.

Theo kết luận và kiến nghị của thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại văn bản số 8738/KL- BNN-TTr ngày 17/10/2016 thì các giao dịch góp vốn, thoái vốn nêu trên là vô hiệu và kiến nghị:

- + Thu hồi tài sản đã bàn giao cho Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và Kinh doanh GB - TEA Việt Nam tại 225 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, bàn giao cho Tổng Công ty Chè Việt Nam - Công ty cổ phần
- + Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố hủy hợp đồng thuê đất đã ký với Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và Kinh doanh GB - TEA Việt Nam, điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Chi nhánh Tổng công ty Chè Việt Nam- CTCP tại TP Hồ Chí Minh là Công ty Chè Sài Gòn.

Trong năm 2017, Ông Nguyễn Thiện Toàn - Nguyên Tổng giám đốc của Tổng Công ty Chè Việt Nam - Công ty TNHH MTV (DNNN) tổ trưởng tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa đã tiến hành bàn giao giá trị tài sản trên đất và diện tích 446,8m² cho Tổng Công ty theo biên bản bàn giao ngày 13 tháng 02 năm 2017. Tuy nhiên, đến ngày 31/12/2017, Tổng công ty Chè Việt Nam - CTCP vẫn chưa hoàn tất các thủ tục cần thiết để ký lại Hợp đồng thuê đất tại khu đất 225 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh với Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh theo kết luận và kiến nghị của Thanh tra.

Trong năm 2017, Tổng công ty Chè Việt Nam - CTCP thực hiện chuyển nhượng giá trị đầu tư trên đất 225 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 7, quận 3, Tp Hồ Chí Minh cho Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và kinh doanh GB-TEA, giá trị thanh lý là 29.000.000.000 đồng, giá trị XDCHB đến thời điểm thanh lý: 22.434.699.148 đồng, lãi 6.565.300.852 đồng. Đối với khoản chi phí thuê đất tại 225 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 7, quận 3, Tp Hồ Chí Minh, 2 bên sẽ tiếp tục xem xét để lên phương án xử lý sau khi Báo cáo quyết toán cổ phần hóa Tổng Công ty Chè Việt Nam - Công ty TNHH MTV được phê duyệt bởi cấp có thẩm quyền.

38.2. Ngừng hợp tác đầu tư thực hiện Dự án văn phòng làm việc

Thực hiện hợp đồng Hợp tác đầu tư số 15-11-2011 CVN-NM ngày 15/11/2011, Tổng công ty Chè Việt Nam - Công ty TNHH MTV (DNNN) đã bàn giao một phần diện tích nơi làm việc hiện tại của Chi nhánh Chè Sài Gòn tại địa chỉ 59 An Bình, phường 6, quận 5 Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty cổ phần sản xuất Nhật Minh để làm văn phòng làm việc. Tuy nhiên, theo kết luận thanh tra số 8738/KL-BNN-TTr ngày 17/10/2016 của Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì việc bàn giao một phần diện tích là không có căn cứ. Thanh tra kiến nghị thu hồi tài sản và bàn giao lại cho Tổng công ty Chè Việt Nam- CTCP.

Đến thời điểm 31/12/2017, Tổng công ty Chè Việt Nam - CTCP chưa hoàn tất được việc thu hồi tài sản nêu trên.

38. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

38.3. Xử lý tài chính trước cổ phần hóa:

- Ngày 31 tháng 03 năm 2016, Tổng công ty đã xử lý tài chính, ghi nhận vào báo cáo tài chính năm 2015 các khoản sau đây:

- Ghi nhận vào chi phí khác:
- + Nợ phải thu không thể thu hồi, số tiền 27.763.256.036 đồng;
- + Hàng hóa thiếu hụt chờ giải quyết, số tiền 3.268.098.289 đồng;
- Giảm nợ phải trả bù trừ vào nợ phải thu 472.176.263 đồng;
- Ghi nhận vào thu nhập khác khoản phải trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Thái Nguyên 3.852.759.547 đồng, trong đó, nợ gốc: 2.784.605.259 đồng, nợ lãi 1.068.154.288 đồng.

Trước khi xử lý các khoản nợ phải thu không thu được, hàng hóa thiếu hụt chờ giải quyết, nợ phải trả không phải trả, Tổng công ty đã căn cứ vào hồ sơ của khoản nợ và tài sản thiếu, xem xét nguyên nhân phát sinh các khoản nợ và tài sản thiếu, xem xét trách nhiệm cá nhân liên quan đến các khoản nợ không thể thu hồi và tài sản thiếu để xử lý theo quy định tại thông tư 127/2014/TT-BTC và Điều 21 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP.

Tuy nhiên, do hầu hết các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty, Kiểm soát đã nghỉ chế độ trước ngày ra quyết định xử lý nên không thể triệu tập được các thành viên này tham gia tiến hành các thủ tục xử lý tài chính mà chỉ có Tờ trình của Kế toán trưởng và Quyết định của Tổng Giám đốc Tổng công ty Chè Việt Nam- Công ty TNHH Một thành viên về việc xử lý tài chính nói trên. Việc xử lý nói trên là chưa đúng thẩm quyền theo quy định về xử lý tài chính khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

39. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Tại ngày 22/03/2018, Công ty đã hoàn thành đóng cửa chi nhánh Miền Trung Tây Nguyên. Ngoài ra Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

40. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Xem chi tiết Phụ lục 7.

41. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau: Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Công ty Cổ phần Invest Tây Đại Dương	Cổ đông lớn		
- Trả gốc vay		-	67.000.000.000
- Lãi đi vay		-	372.222.223
- Trả lãi đi vay		-	1.667.555.556
Công ty TNHH MTV Ladofood	Công ty con của công ty liên kết		
- Mua hàng		17.903.988	213.544.574
Công ty CP Thực phẩm Lâm Đồng	Công ty liên kết		
- Cổ tức nhận được		5.130.096.000	-

	Mối quan hệ	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Công ty Cổ phần Chè Phú Đa	Công ty liên kết		
- Mua hàng		-	120.950.245.143
Ông Tạ Văn Quyền	Chủ tịch HĐQT		
- Vay		200.000.000	-
- Trả tiền vay		200.000.000	-
Ông Michael Louis Rosen	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc		
- Phí môi giới		-	6.260.993.826
- Thu nhập từ cho thuê xe		144.000.000	-
Công ty Cổ phần Chè Hà Tĩnh	Công ty liên kết		
- Cổ tức được chia		54.701.000	-
Công ty Chè Phú Đa	Công ty liên kết		
- Cổ tức được chia		1.742.220.075	-
Công ty Cổ phần Chè Kim Anh	Công ty liên kết		
- Mua hàng		-	657.497.762
Tổng Công ty Lâm Nghiệp Sài Gòn	Công ty liên kết		
- Bán hàng		-	2.120.933.650

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty Cổ phần Invest Tây Đại Dương	Cổ đông lớn		
- Phải thu ngắn hạn khách hàng		115.691.157	-
Ông Michael Louis Rosen	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc		
- Phải trả khác		-	6.260.993.826
- Phải thu khác		15.670.000	-
Công ty Cổ phần Chè Phú Đa	Công ty liên kết		
- Phải thu khác		-	3.281.242.825
- Phải trả người bán		6.582.779.285	10.576.119.403
Công ty Cổ phần Chè Kim Anh	Công ty liên kết		
- Phải thu khách hàng		3.435.095.220	3.435.095.220

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	1.176.688.364	3.256.063.020
<i>Trong đó, thu nhập của Tổng Giám đốc</i>	<i>423.152.000</i>	<i>373.152.000</i>

42. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Chi nhánh Công Ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay:

	Mã số	Điều chỉnh lại VND	Đã trình bày trên báo cáo năm trước VND
a) Bảng Cân đối kế toán hợp nhất			
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	183.568.019.045	183.108.613.547
- Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	1.286.540.518.899	1.304.717.818.899
- Phải thu ngắn hạn khác	136	452.465.813.804	132.592.413.463
- Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.000.000.000	-
- Thuế GTGT được khấu trừ	152	14.718.449.763	15.309.459.336
- Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.245.375.070	31.839.805
- Phải thu về cho vay dài hạn	215	-	5.000.000.000
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	51.070.745.588	23.775.717.720
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	240.246.498.998	273.549.997.408
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	288.918.085.791	291.132.103.291
- Chi phí trả trước dài hạn	261	9.343.471.071	8.986.235.492
- Lợi thế thương mại	269	2.518.535.070	2.518.535.070
- Phải trả người bán ngắn hạn	311	80.923.239.518	81.343.559.891
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	26.130.253.658	25.672.797.787
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15.762.341.149	17.404.627.086
- Phải trả người lao động	314	9.098.385.229	9.098.381.541
- Chi phí phải trả ngắn hạn	315	3.304.186.522	3.328.994.006
- Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	130.641.969	17.090.909
- Phải trả ngắn hạn khác	319	392.592.687.465	90.749.684.242
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	78.912.818.013	51.154.895.489
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	697.967.665	364.562.266
- Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	6.353.858.907	6.467.409.967
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	7.954.062.274	2.127.987.983
- Vốn khác của chủ sở hữu	414	1.128.956.762	-
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	(47.896.865.264)	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	226.893.891	247.673.549
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	34.716.475.112	21.223.506.267
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	47.124.086.660	48.815.907.992
- Nguồn kinh phí	431	(400.000)	4.499.600.000

	Mã số	Điều chỉnh lại VND	Đã trình bày trên báo cáo năm trước VND
b) Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất			
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1.827.267.059.797	1.822.420.845.432
- Giá vốn hàng bán	11	1.747.029.631.710	1.743.365.497.071
- Doanh thu hoạt động tài chính	21	23.816.716.304	25.951.153.804
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	52.365.066.224	54.616.788.425
- Thu nhập khác	31	13.929.950.264	18.656.225.469
- Chi phí khác	32	7.117.318.481	10.294.225.218
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.588.058.116	5.523.943.358
- Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61	15.647.510.506	15.961.629.305

Việc điều chỉnh, phân loại lại được thực hiện bởi các nguyên nhân sau:

- Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP (Công ty con của Công ty) trình bày lại khoản phải thu và phải trả cổ phần hóa năm 2016 đang thực hiện bù trừ mà chưa có Báo cáo quyết toán cổ phần được phê duyệt bởi cấp có thẩm quyền.
- Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP (Công ty con của Công ty) ghi nhận giảm khoản thuế GTGT được khấu trừ và tăng khoản phải thu ngắn hạn khác của Chi nhánh Hương Trà đã đóng cửa Chi nhánh từ năm 2016 do chưa có đủ hồ sơ để kết chuyển thuế GTGT được khấu trừ về Văn phòng Công ty.
- Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP (Công ty con của Công ty) trình bày lại khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, Phải trả người bán ngắn hạn, Người mua trả tiền trước ngắn hạn do nhầm mã đối tượng.
- Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP (Công ty con của Công ty) trình bày lại khoản đầu tư vào Dự án vườn quốc gia Ba Vì từ khoản Đầu tư vào đơn vị khác sang Chi phí xây dựng cơ bản dở dang.
- Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP (Công ty con của Công ty) ghi giảm khoản đầu tư xây dựng cơ bản dở dang của chi phí sửa chữa tài sản nhà văn phòng theo biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng và thực hiện phân bổ vào chi phí trong năm 2016.
- Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP (Công ty con của Công ty) ghi tăng khoản đầu tư xây dựng cơ bản dở dang là giá trị quyền sử dụng đất và khoản vay, phải trả ngắn hạn khác tương ứng, Công ty đã sử dụng khoản vay để nộp tiền vào ngân sách nhà nước đối với lô đất 225 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 7, quận 3, Tp Hồ Chí Minh.
- Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP (Công ty con của Công ty) ghi giảm khoản đầu tư xây dựng cơ bản dở dang đối với Dự án Phùng Khoang vào chi phí các năm trước.
- Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP (Công ty con của Công ty) phân loại khoản chi phí địa chính đang theo dõi là Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang Dự án Phùng Khoang sang khoản Chi phí trả trước và thực hiện phân bổ cho các năm.
- Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP (Công ty con của Công ty) xác định lại khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Công ty ghi nhận thuế TNDN và thuế TNDN hoãn lại phải trả từ việc xác định lại dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn đối với khoản đầu tư vào Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP (Công ty con của Công ty).

42. SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp theo)

- Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP (Công ty con của Công ty) phân loại lại chỉ tiêu Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và Doanh thu chưa thực hiện dài hạn.
- Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP (Công ty con của Công ty) phân loại lại chỉ tiêu Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn và Chi phí phải trả ngắn hạn.
- Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung (Công ty con của Công ty) phân loại lại số dư Quỹ khen thưởng phúc lợi.
- Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung (Công ty con của Công ty) điều chỉnh hồi tố thuế TNDN, thuế GTGT theo biên bản kiểm tra thuế của cơ quan nhà nước.
- Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung (Công ty con của Công ty) phân loại lại số dư Quỹ khen thưởng phúc lợi đang theo dõi trên chỉ tiêu Phải thu ngắn hạn khác và bổ sung trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2014, 2015 đã được Đại Hội đồng cổ đông thông qua với tổng số tiền 1.234.768.107 VND nhưng các năm trước chưa trích từ lợi nhuận sau thuế.
- Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung (Công ty con của Công ty) phân loại lại doanh thu, giá vốn của thành phẩm hàng hóa đã bán đang hạch toán vào thu nhập và chi phí khác.
- Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP (Công ty con của Công ty) phân loại lại chỉ tiêu Chi phí phải trả ngắn hạn và Phải trả ngắn hạn khác.
- Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP (Công ty con của Công ty) ghi giảm khoản Chi phí phải trả ngắn hạn, Phải trả người bán ngắn hạn phát sinh năm 2015, do Công ty đã ghi nhận trùng trong năm 2015.
- Công ty phân loại lại khoản phải thu của cá nhân đang theo dõi trên khoản trả trước cho người bán sang khoản phải thu ngắn hạn khác.
- Công ty xác định lại thuế TNDN từ việc xác định lại dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn đối với khoản đầu tư vào Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP (Công ty con của Công ty).
- Công ty xác định lại khoản Thuế thu nhập hoãn lại phải trả do ảnh hưởng từ việc xác định lại dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn đối với khoản đầu tư vào Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP (Công ty con của Công ty).
- Công ty ghi giảm giá trị khoản đầu tư vào Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (Công ty con của Công ty) đối với phần lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư đối với khoản đầu tư vào đơn vị này.
- Công ty TNHH Hàng tiêu dùng GTNfoods (Công ty con của Công ty) phân loại khoản cho vay đối với Bà Nguyễn Thị Hồng Trâm từ dài hạn sang ngắn hạn.
- Công ty Cổ phần Sản xuất Tre Mộc Châu (Công ty con của Công ty) phân loại khoản kinh phí được hỗ trợ chưa được quyết toán cho đúng bản chất.
- Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP (Công ty con của Công ty) tăng Vốn khác của chủ sở hữu khi hợp nhất khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Chè Nghĩa Lộ.
- Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP (Công ty con của Công ty) ghi nhận phần Chênh lệch đánh giá lại tài sản khi hợp nhất Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Chè Nghĩa Lộ, Công ty Cổ phần Chè Liên Sơn và Công ty Chè Phú Đa.
- Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP (Công ty con của Công ty) phân loại Chi phí quản lý doanh nghiệp sang Giá vốn hàng bán đối với chi phí khấu hao cho thuê nhà.
- Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP (Công ty con của Công ty) ghi giảm Chi phí quản lý doanh nghiệp đối với khoản lợi thế thương mại của Công ty Cổ phần Chè Liên Sơn và Công ty Cổ phần Chè Nghĩa Lộ.
- Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP (Công ty con của Công ty) ghi giảm giá vốn hàng bán tăng Hàng tồn kho do xác định sai giá vốn hàng bán ra trong năm 2016.

- Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP (Công ty con của Công ty) ghi tăng thu nhập khác khoản thu nhập từ hỗ trợ tiền bảo hiểm xã hội cho lao động dân tộc thiểu số, do hạch toán nhầm vào Quỹ đầu tư phát triển số tiền 119.939.160 đồng năm 2016 và Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu số tiền 116.812.080 đồng năm 2015.

- Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP (Công ty con của Công ty) ghi tăng thuế TNDN phải nộp bổ sung năm 2015 số tiền 54.350.617 đồng do tăng thu nhập khác từ hỗ trợ tiền bảo hiểm xã hội cho người lao động thiểu số và khoản xác định sai giữa thu nhập chịu thuế suất 10% và thu nhập chịu thuế suất 20%.

- Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP (Công ty con của Công ty) ghi tăng thuế TNDN phải nộp bổ sung năm 2016 số tiền 64.114.758 đồng do giảm giá vốn, tăng thu nhập khác từ hỗ trợ tiền bảo hiểm xã hội cho người lao động thiểu số, thủ lao thành viên Hội đồng quản trị không tham gia điều hành và khoản xác định sai giữa thu nhập chịu thuế suất 10% và thu nhập chịu thuế suất 20%.

- Công ty ghi giảm Lợi nhuận sau thuế do ảnh hưởng của các bút toán trên.

- Công ty xác định lại các bút toán hợp nhất do ảnh hưởng của các bút toán trên.

Lâm Thị Thúy Mai

Người lập biểu

Hoàng Mạnh Cường

Kế toán trưởng

Tạ Văn Quyền

Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

PHỤ LỤC 1: CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn				
1) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đống Đa, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6%/năm	74.000.000.000	74.000.000.000	-	-
2) Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Thăng Long, kỳ hạn 06 - 12 tháng, lãi suất từ 5,8%/năm - 6,3%/năm	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-
3) Ngân hàng TMCP An Bình - PCG Mộc Châu, CN Sơn La, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất từ 6,9% đến 7%/năm	26.238.510.465	26.238.510.465	-	-
4) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6,8%/năm	31.985.075.578	31.985.075.578	-	-
5) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thăng Long, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6,8%/năm	44.476.865.276	44.476.865.276	-	-
6) Ngân hàng NN&PT Nông thôn Việt Nam - CN Láng Hạ, kỳ hạn 10 tháng, lãi suất 5,7%/năm	25.078.161.800	25.078.161.800	-	-
7) Ngân hàng NN&PT Nông thôn Việt Nam - CN Mộc Châu, kỳ hạn 6-12 tháng, lãi suất từ 5,8% đến 6,5%/năm.	55.000.000.000	55.000.000.000	-	-
8) Ngân hàng NN&PT Nông thôn Việt Nam - CN Mỹ Đình, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 8,8%	22.933.606.800	22.933.606.800	-	-
9) Ngân hàng NN&PT Nông thôn Việt Nam - CN Thăng Long, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6,8%/năm	32.400.000.000	32.400.000.000	-	-
10) Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Ba Đình, lãi suất 6,9%/năm	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
11) Ngân Hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - CN Thăng Long, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất từ 6,9% đến 7%/năm	70.000.000.000	70.000.000.000	-	-
12) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6,9%/năm	26.000.000.000	26.000.000.000	-	-
13) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6,5%/năm	500.000.000	500.000.000	-	-
14) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - PGD Nguyễn Khang, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6,8%/năm	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
15) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoài Đức, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6,8%/năm	3.200.000.000	3.200.000.000	-	-
16) Quỹ tín dụng nhân dân Thị trấn Nông trường Mộc Châu, kỳ hạn 7 tháng, lãi suất 7%/năm	130.113.003.000	130.113.003.000	-	-
17) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô; kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 5,8%/năm	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000
18) Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở chính; kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 6,5%/năm	-	-	20.262.808.598	20.262.808.598
19) Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Thăng Long; kỳ hạn 6 tháng; lãi suất 6,9%/năm	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
20) Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Láng Hạ; kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 6,9%/năm	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
21) Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Hội sở; kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 7% /năm	179.055.000.000	179.055.000.000	-	-
22) Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đại La; kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 6,3% /năm	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
23) Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đại La; kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 6% /năm	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
24) Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đại La; kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6,8% /năm	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-
25) Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - CN Ba Đình; kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 7,3% /năm	30.876.750.000	30.876.750.000	-	-
26) Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - CN Ba Đình; kỳ hạn 3 tháng, lãi suất 5,5% /năm	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
27) Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - CN Ba Đình; kỳ hạn 4 tháng, lãi suất 5,5% /năm	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-
28) Ngân hàng TMCP - CN Điện Biên Phủ; kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6,8% /năm	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
29) Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Quang Trung, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 6%/năm	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
	966.856.972.919	966.856.972.919	30.262.808.598	30.262.808.598

PHỤ LỤC 1: CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng (*)	65.522.255.787	84.527.991.235	148.772.784.000	65.522.255.787	82.239.117.524	176.988.312.000
Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn (1)	41.422.300.000	44.551.152.925	-	41.422.300.000	42.276.950.621	-
Công ty Chè Phú Đa (1)	143.044.800.000	115.096.611.086	-	143.044.800.000	113.866.383.566	-
Công ty Cổ phần Chè Trần Phú (1)	3.242.731.000	1.874.982.351	-	3.242.731.000	1.864.047.287	-
Công ty Cổ phần chè Kim Anh (1)	3.024.375.848	-	-	3.024.375.848	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và XNK súc sản Gia cầm Hải Phòng (1)	4.614.583.308	4.249.998.445	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Gà giống Châu Thành (1)	1.573.869.086	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Giống gia cầm Miền Nam (1)	6.042.617.989	6.775.782.538	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Việt Phong (1)	7.044.572.416	7.351.510.740	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Giống vật nuôi và Cây trồng Đồng Giao (1)	2.392.638.008	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Giống gia súc Thanh Ninh (1)	2.629.745.540	2.844.275.880	-	-	-	-
Công ty CP Giống & Vật tư chăn nuôi Bắc Trung Bộ (1)	655.437.752	610.386.711	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển Giống gia súc Miền Trung (1)	861.183.119	1.042.229.801	-	-	-	-
Công ty Cổ phần An Đại Việt (1)	8.972.667.170	-	-	-	-	-
Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội (1)	3.318.973.219	8.603.918.371	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Giống gia cầm Lương Mỹ (1)	25.949.866.410	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Phát triển Đông Á (1)	11.035.284.098	8.658.967.514	-	-	-	-
	331.347.900.750	286.187.807.597	148.772.784.000	256.256.462.635	240.246.498.998	176.988.312.000

1) Theo quy định tại Thông tư 202/TT-BTC ngày 22/12/2014, cần trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tuy nhiên, Công ty chỉ đánh giá được những khoản đầu tư đối với công ty niêm yết tại thời điểm 31/12/2017. Đối với các Công ty chưa thực hiện niêm yết Công ty chưa có đầy đủ cơ sở cho việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

(*) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định theo giá niêm yết là giá đóng cửa tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).

PHỤ LỤC 1: CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Thống Nhất	79.500.000.000	-	-	79.500.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Granite Phú Yên	30.600.000.000	-	-	30.600.000.000	-	-
Công ty Cổ phần NLN Châu Giang	18.000.000.000	-	-	18.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Lâm Nghiệp Thống Nhất	95.000.000.000	-	-	95.000.000.000	-	-
Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (VLC)	-	-	-	65.084.128.991	81.197.121.600	-
Công ty Cổ phần Chè Thái Nguyên	177.000.000	-	-	177.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Chè Hà Tĩnh	364.672.800	-	-	364.672.800	-	-
Công ty CPKD Thái Bình Dương	140.000.000	-	-	140.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Nông Hải Sản Sài Gòn	4.098.734.693	-	(2.800.000.000)	-	-	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Chế biến XNK	4.685.428.501	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Sữa Đà Lạt	4.257.100.000	-	(1.657.663.646)	-	-	-
Công ty Cổ phần ĐTP&XNK Gia Cầm	2.616.885.131	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Thức ăn chăn nuôi Trung Ương	17.609.383.826	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Mộc Châu	45.210.000	-	-	-	-	-
Các khoản đầu tư khác	52.284.000	-	-	52.284.000	-	-
	257.146.698.951	-	(4.457.663.646)	288.918.085.791	81.197.121.600	-

Theo quy định tại Thông tư 202/TT-BTC ngày 22/12/2014, cần trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tuy nhiên, Công ty chỉ đánh giá được những khoản đầu tư đối với công ty niêm yết tại thời điểm 31/12/2017. Đối với các Công ty chưa thực hiện niêm yết Công ty chưa có đầy đủ cơ sở cho việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2017 như sau:

TÊN CÔNG TY NHẬN ĐẦU TƯ	NƠI THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG	TỶ LỆ LỢI ÍCH	TỶ LỆ QUYỀN BIỂU QUYẾT	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH
Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	35,00%	35,00%	Chế biến rượu các loại, nhân điều xuất khẩu
Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	35,04%	35,04%	Trồng rừng, chế biến gỗ, nuôi cá sấu
Công ty Chè Phú Đa	Tỉnh Phú Thọ	42,75%	45,00%	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm từ chè
Công ty Cổ phần Chè Trần Phú	Tỉnh Yên Bái	34,20%	36,00%	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm từ chè

PHỤ LỤC 1: CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2017 như sau:

TÊN CÔNG TY NHẬN ĐẦU TƯ	NƠI THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG	TỶ LỆ LỢI ÍCH	TỶ LỆ QUYỀN BIỂU QUYẾT	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH
Công ty Cổ phần Chè Kim Anh	Thành phố Hà Nội	27,36%	28,80%	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm từ chè
Công ty Cổ phần Đầu tư và XNK súc sản Gia cầm Hải Phòng	Tỉnh Hải Phòng	22,12%	30,00%	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; Dịch vụ hỗ trợ cho vận tải.
Công ty Cổ phần Gà giống Châu Thành	Tỉnh Nam Định	29,01%	39,35%	Chăn nuôi gà
Công ty Cổ phần Giống gia cầm Miền Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	27,07%	36,72%	Chăn nuôi gà
Công ty Cổ phần Việt Phong	Thành phố Hồ Chí Minh	22,69%	30,78%	Thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm
Công ty Cổ phần Giống vật nuôi và Cây trồng Đồng Giao	Tỉnh Ninh Bình	26,86%	36,44%	Chăn nuôi lợn
Công ty Cổ phần Giống gia súc Thanh Ninh	Tỉnh Thanh Hóa	33,17%	45,00%	Cung ứng tinh bò đông lạnh, cung ứng giống bò
Công ty Cổ phần Giống & Vật tư chăn nuôi Bắc Trung Bộ	Tỉnh Nghệ An	27,48%	37,27%	Kinh doanh tinh đông lạnh và vật tư thụ tinh nhân tạo
Công ty Cổ phần Phát triển Giống gia súc Miền Trung	Tỉnh Khánh Hòa	20,04%	27,19%	Cung ứng tinh bò đông lạnh và cung ứng gia súc
Công ty Cổ phần An Đại Việt	Thành phố Hồ Chí Minh	25,68%	34,84%	Kinh doanh con giống, thức ăn gia súc vật tư thiết bị chăn nuôi
Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	Thành phố Hà Nội	26,54%	36,00%	Sản xuất, cung ứng các sản phẩm premix phục vụ hoạt động chăn nuôi
Công ty Cổ phần Giống gia cầm Lương Mỹ	Thành phố Hà Nội	26,54%	36,00%	Chăn nuôi gà
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Phát triển Đông Á	Thành phố Hồ Chí Minh	25,82%	35,02%	Chăn nuôi lợn, sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Công ty vào ngày 31/12/2017 như sau:

TÊN CÔNG TY NHẬN ĐẦU TƯ	NƠI THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG	TỶ LỆ LỢI ÍCH	TỶ LỆ QUYỀN BIỂU QUYẾT	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH
Công ty TNHH Thống Nhất	Tỉnh Quảng Trị	14,94%	15,50%	Khai khoáng quặng kim loại
Công ty Cổ phần Granite Phú Yên	Tỉnh Phú Yên	16,38%	17,00%	Cắt tạo đá và hoàn thiện đá
Công ty Cổ phần NLN Châu Giang	Thành phố Hà Nội	17,35%	18,00%	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
Công ty Cổ phần Lâm Nghiệp Thống	Tỉnh Quảng Bình	19,07%	19,79%	Khai thác gỗ, khai thác quặng
Công ty Cổ phần Chè Thái Nguyên	Tỉnh Thái Nguyên	15,31%	16,12%	Kinh doanh sản xuất chè
Công ty Cổ phần Chè Hà Tĩnh	Tỉnh Hà Tĩnh	16,49%	17,36%	Kinh doanh sản xuất chè
Công ty CPKD Thái Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	12,31%	12,96%	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
Công ty Cổ phần Nông Hải Súc sản Sài Gòn	Hồ Chí Minh	5,73%	7,78%	Kinh doanh nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Chế biến XNK	Hà Nội	12,62%	17,12%	Kinh doanh nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi
Công ty Cổ phần Sữa Đà Lạt	Lâm Đồng	3,94%	5,35%	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa; Bán buôn thức ăn gia súc và nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi
Công ty Cổ phần ĐTPT&XNK Gia Cầm	Hà Nội	12,59%	17,08%	Chăn nuôi gà
Công ty Cổ phần Thức ăn chăn nuôi Trung Ương	Hà Nội	12,70%	17,23%	Sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm và thủy sản
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Mộc Châu	Sơn La	0,21%	0,29%	Xây dựng

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty nhận vốn đầu tư khác trong năm: Xem Thuyết minh 40

PHỤ LỤC 02: TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	217.752.177.161	163.164.992.375	20.227.996.205	1.362.122.586	12.365.064.535	3.700.126.159	418.572.479.021
- Mua trong năm	-	94.432.646.010	3.889.856.361	316.171.953	-	-	98.638.674.324
- Đầu tư XDCB hoàn thành	7.692.831.957	-	-	-	-	-	7.692.831.957
- Bê tơ chuyển thành bò vắt sữa	-	-	-	-	22.864.002.555	-	22.864.002.555
- Tăng do đánh giá lại giá trị hợp lý để hợp nhất tại VLC	71.470.207.772	216.309.719.615	14.594.238.522	403.232.990	15.230.504.670	2.472.458.711	320.480.362.280
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	274.339.374.564	465.612.291.836	62.144.223.896	469.944.754	83.271.281.306	5.030.532.973	890.867.649.329
- Thanh lý, nhượng bán	(712.063.825)	(14.153.732.659)	(3.375.525.962)	-	(18.483.834.941)	(331.092.800)	(37.056.250.187)
- Giảm do thanh lý tài sản đánh giá lại tại VLC	(479.961.472)	(2.273.513.593)	(214.520.494)	-	(3.788.687.346)	-	(6.756.682.905)
- Giảm khác	-	-	-	(85.003.846)	-	-	(85.003.846)
Số dư cuối năm	570.062.566.157	923.092.403.584	97.266.268.528	2.466.468.437	111.458.330.779	10.872.025.043	1.715.218.062.528
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	118.301.049.336	59.649.405.677	10.761.844.338	1.043.547.898	10.015.767.336	2.717.941.647	202.489.556.232
- Khấu hao trong năm	29.728.756.711	57.917.632.513	10.357.913.000	154.606.512	13.441.202.560	1.408.206.023	113.008.317.319
- Tăng/Giảm do đánh giá lại giá trị hợp lý để hợp nhất tại VLC	3.856.137.517	2.801.151.777	1.313.417.749	181.181.584	(3.028.175.121)	139.294.356	5.263.007.862
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	163.510.457.499	358.773.064.845	35.213.522.990	469.944.754	32.420.554.310	3.618.188.271	594.005.732.669
- Thanh lý, nhượng bán	(477.924.312)	(13.547.899.517)	(2.900.822.578)	-	(8.236.188.955)	(313.848.334)	(25.476.683.696)
- Giảm do thanh lý tài sản đánh giá lại tại VLC	(79.573.050)	(308.354.325)	(41.386.600)	-	(1.753.125.000)	-	(2.182.438.975)
- Giảm khác	-	-	-	(85.003.846)	-	-	(85.003.846)
Số dư cuối năm	314.838.903.701	465.285.000.970	54.704.488.899	1.764.276.902	42.860.035.130	7.569.781.963	887.022.487.565
Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu năm	99.451.127.825	103.515.586.698	9.466.151.867	318.574.688	2.349.297.199	982.184.512	216.082.922.789
Tại ngày cuối năm	255.223.662.456	457.807.402.614	42.561.779.629	702.191.535	68.598.295.649	3.302.243.080	828.195.574.963

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 3.045.021.111 VND;
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm Nhà cửa vật kiến trúc dùng để cho thuê là 70.882.096.874 VND;
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng: 287.327.782.501 VND;
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 26.370.346.952 VND.

PHỤ LỤC 03: TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	70.000.000	287.200.000	623.472.300	234.796.826	1.215.469.126
- Mua trong năm	-	-	359.000.000	-	359.000.000
Số dư cuối năm	70.000.000	287.200.000	982.472.300	234.796.826	1.574.469.126
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	70.000.000	172.490.556	327.457.617	223.843.553	793.791.726
- Khấu hao trong năm	-	19.740.000	192.073.381	3.594.831	215.408.212
Số cuối năm	70.000.000	192.230.556	519.530.998	227.438.384	1.009.199.938
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	-	114.709.444	296.014.683	10.953.273	421.677.400
Tại ngày cuối năm	-	94.969.444	462.941.302	7.358.442	565.269.188

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 730.269.126 VND

PHỤ LỤC 04: CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Vay ngắn hạn						
Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thanh Xuân	19.866.489.290	19.866.489.290	14.595.778.571	34.462.267.861	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô	11.975.225.819	11.975.225.819	6.072.563.337	18.047.789.156	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (1)	2.249.767.864	2.249.767.864	174.803.646	-	2.424.571.510	2.424.571.510
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Văn Chấn (2)	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ Phần An Bình - Chi nhánh Sơn La	1.131.680.000	1.131.680.000	-	1.131.680.000	-	-
Ngân hàng Thương mại Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	-	-	6.398.837.145	6.398.837.145	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái (3)	-	-	6.225.000.000	5.225.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty CP Chè Chiềng Ve	500.000.000	500.000.000	-	500.000.000	-	-
Doanh nghiệp tư nhân Việt Lâm	3.500.000.000	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-	-
Vay các cá nhân	6.750.000.000	6.750.000.000	-	6.750.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vinh Phúc (4)	-	-	24.231.404.340	22.374.108.559	1.857.295.781	1.857.295.781
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Bình Xuyên (5)	-	-	17.907.890.785	15.747.065.768	2.160.825.017	2.160.825.017
Bà Lê Thị Tuyết Lan	-	-	850.000.000	850.000.000	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Điện Bàn (6)	-	-	6.811.656.922	6.065.540.922	746.116.000	746.116.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất kinh doanh GB - TEA Việt Nam (7)	27.939.655.040	27.939.655.040	-	-	27.939.655.040	27.939.655.040
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	2.750.000.000	2.750.000.000	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Hòa	-	-	2.750.000.000	2.750.000.000	-	-
	78.912.818.013	78.912.818.013	86.017.934.746	123.802.289.411	41.128.463.348	41.128.463.348

PHỤ LỤC 04: CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
b) Vay dài hạn						
Trái phiếu phát hành	95.000.000.000	95.000.000.000	-	95.000.000.000	-	-
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (8)	2.369.074.609	2.369.074.609	-	-	2.369.074.609	2.369.074.609
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Hào	-	-	5.500.000.000	5.500.000.000	-	-
	97.369.074.609	97.369.074.609	5.500.000.000	100.500.000.000	2.369.074.609	2.369.074.609
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	(2.750.000.000)	(2.750.000.000)	-	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	97.369.074.609	97.369.074.609			2.369.074.609	2.369.074.609

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

(1) Hợp đồng tín dụng số 0405/HĐTD-TL ngày 04/05/2011 giữa Công ty kinh doanh thương mại tổng hợp Nam Sơn - Chi nhánh Tổng Công ty chè Việt Nam - Công ty Cổ phần (Công ty con của Công ty) và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long, số tiền gốc là 187.738,20 USD, thời hạn trả ngày 04/11/2011, lãi suất 8%/năm. Mục đích vay vốn ngắn hạn thực hiện phương án nhập khẩu thép không hợp kim cán nóng dạng cuộn dùng làm lõi que hàn theo hợp đồng ngoại số SW/11/EXP-039 ngày 12/02/2011 với PI ISPA INDO DESA KEDUNGTURI TAMAN, SIDOARJO INDONESIA. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, khoản vay đã quá hạn trả và Ngân hàng cũng đã có thông báo miễn giảm một phần lãi cho Công ty con này.

(2) Hợp đồng tín dụng số 2016/HĐTD ngày 30/06/2011 giữa Công ty Cổ phần chè Liên Sơn (Công ty con của Tổng Công ty chè Việt Nam - Công ty Cổ phần) và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Văn Chấn, tỉnh Yên Bái, hạn mức tín dụng 5.000.000.000 đồng, số tiền đã nhận nợ là 5.000.000.000 đồng, thời hạn trả 12 tháng, lãi suất 10,5%/năm. Mục đích vay vốn ngắn hạn trả tiền mua búp chè tươi từ các hộ làm chè, tài sản đảm bảo khoản vay là nhà cửa, vật kiến trúc của Công ty con này.

(3) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2017/2819313/HĐTD ngày 03/07/2017, dư nợ gốc vay là 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất vay 9%/năm, mục đích vay để thanh toán tiền mua chè tươi, tài sản thuê chấp là quyền sử dụng đất của bên thứ 3.

(4) Các hợp đồng tín dụng giữa Công ty Chăn nuôi Tam Đảo (Chi nhánh của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - Công ty con của Công ty) và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc; thời hạn vay 06 tháng, lãi suất vay 7,2%/năm; mục đích vay: dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Chăn nuôi Tam Đảo. Tài sản đảm bảo là các hợp đồng tiền gửi kỳ hạn.

(5) Các hợp đồng tín dụng giữa Công ty Chăn nuôi Tam Đảo (Chi nhánh của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - Công ty con của Công ty) và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh huyện Bình Xuyên; thời hạn vay 06 tháng, lãi suất vay 6,5%/năm; mục đích vay: dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Chăn nuôi Tam Đảo. Tài sản đảm bảo là các hợp đồng tiền gửi kỳ hạn.

(6) Theo hợp đồng tín dụng số 4219-LAV-201700206 ngày 02/06/2017, Công ty Cổ phần Chăn nuôi Miền Trung (Công ty con của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP) vay vốn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Hạn mức tín dụng được vay là 2 tỷ đồng; thời hạn vay 12 tháng, thời hạn cụ thể theo từng kế ước nhận nợ. Mục đích vay vốn mua sắm vật tư, nguyên liệu phục vụ hoạt động chăn nuôi lợn. Lãi suất cho vay trong hạn là 7%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cùng loại. Tài sản đảm bảo: Phương tiện vận tải tại Văn phòng Công ty Cổ phần Chăn nuôi Miền Trung và Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất gồm nhà làm việc, hệ thống chuồng trại theo giấy chứng nhận số BI 824731 do UBND tỉnh Quảng Trị cấp ngày 18/06/2013 kèm theo hợp đồng thuê đất số 258/HĐ/TĐ ngày 03/6/2014.

(7) Khoản vay không tính lãi theo hợp đồng vay số 09/2015/GB TEA VIỆT NAM - CSG ngày 27/11/2015 giữa Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP (Công ty con của Công ty) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất kinh doanh GB - TEA Việt Nam, thời hạn vay 03 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích vay thực hiện nghĩa vụ nộp vào Ngân sách nhà nước đất thuê trả tiền một lần đối với lô đất 225 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 7, quận 3, Tp Hồ Chí Minh, cho giai đoạn từ ngày 01/01/1996 đến ngày 01/01/2046 theo Thông báo 10134/TB-CT ngày 03/11/2015 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh (xem Thuyết minh số 38.1). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, khoản vay đã quá hạn trả và đã được gia hạn bằng thỏa thuận giữa 02 bên.

(8) Khoản vay vốn ODA kế thừa từ Tổng Công ty Chè Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên, số tiền nhận nợ với Ngân hàng là 2.369.074.609 đồng, lãi suất 5,4%/năm, thời điểm nhận nợ 17/12/2015, thời hạn trả nợ 5 năm kể từ thời điểm nhận nợ.

PHỤ LỤC 05: THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế Giá trị gia tăng	-	8.436.733.123	143.595.130.857	144.314.984.783	-	7.716.879.197
- Thuế Xuất khẩu, nhập khẩu	-	-	1.698.148.515	1.698.148.515	-	-
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	5.234.101.600	3.018.888.213	19.414.305.896	15.710.242.169	2.345.868.361	3.834.718.701
- Thuế Thu nhập cá nhân	2.733.794	666.407.110	14.772.057.271	14.651.785.582	109.123.778	893.068.783
- Thuế Tài nguyên	-	2.203.248	223.542.093	221.147.700	-	4.597.641
- Thuế Nhà đất và tiền thuê đất	8.539.676	2.118.705.555	16.084.565.097	16.831.370.652	8.539.676	1.371.900.000
- Các loại thuế khác	-	-	394.769.354	394.260.354	-	509.000
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.519.403.900	292.774.648	1.717.088.549	-	95.089.999
	5.245.375.070	15.762.341.149	196.475.293.731	195.539.028.304	2.463.531.815	13.916.763.321

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

PHỤ LỤC 06: BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	748.000.000.000	-	-	-	683.081.038	221.299.709	101.951.485.611	146.563.196.533	997.419.062.891
Tăng vốn trong năm trước	1.752.000.000.000	245.042.505.974	-	-	-	-	-	-	1.997.042.505.974
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	15.647.510.506	322.740.477	15.970.250.983
Tăng do hợp nhất tại Công ty con xác định lại	-	-	-	-	-	-	15.925.878.985	-	15.925.878.985
Ảnh hưởng bút toán điều chỉnh cổ phần hóa đầu năm	-	-	1.128.956.762	(47.896.865.264)	-	-	-	-	(46.767.908.502)
Giảm do hợp nhất tại Công ty định lại	-	-	-	-	-	-	(2.657.653.256)	(1.691.821.332)	(4.349.474.588)
Lỗ do mua thêm vốn tại Công ty con	-	-	-	-	-	-	(88.825.380.000)	(76.010.675.544)	(164.836.055.544)
Giảm do thoái vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(22.059.353.474)	(22.059.353.474)
Giảm do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-	(7.241.270.439)	-	(7.241.270.439)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	514.494.741	26.373.840	-	-	540.868.581
Giảm khác	-	-	-	-	(93.928.558)	(20.779.658)	(84.096.295)	-	(198.804.511)
Số dư cuối năm trước	2.500.000.000.000	245.042.505.974	1.128.956.762	(47.896.865.264)	1.103.647.221	226.893.891	34.716.475.112	47.124.086.660	2.781.445.700.356
Tăng do hợp nhất Vilico	-	-	-	(96.464.312.877)	-	-	-	1.190.163.491.550	1.093.699.178.673
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	40.396.815.620	111.505.294.378	151.902.109.998
Tăng do ảnh hưởng thuế TNDN hoãn lại khoản đầu tư Công ty con	-	-	-	-	-	-	6.099.077.671	-	6.099.077.671
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	5.088.133.443	-	(9.455.665.683)	(19.827.571.501)	(24.195.103.741)
Tạm phân phối lợi nhuận năm 2017	-	-	-	-	8.150.567.750	-	(14.432.357.052)	(82.968.518.743)	(89.250.308.045)
Giảm do thay đổi tỷ lệ lợi ích tại Công ty con	-	-	-	-	-	-	(21.954.031.117)	(76.128.048.743)	(98.082.079.860)
Ảnh hưởng của phân phối lợi nhuận các công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	(605.476.175)	(326.025.633)	(931.501.808)
Giảm do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	(757.957.959)	-	(204.453.851)	-	(962.411.810)
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ lợi	-	-	-	-	-	-	(211.101.299)	211.101.299	-
Giảm khác (1)	-	-	-	-	-	-	(7.123.170.419)	-	(7.123.170.419)
Số dư cuối năm nay	2.500.000.000.000	245.042.505.974	1.128.956.762	(144.361.178.141)	13.584.390.455	226.893.891	27.226.112.807	1.170.753.809.268	3.813.601.491.016

(1) Khoản giảm khác bao gồm: Công ty xác định chi phí dự phòng khoản đầu tư vào công ty con là Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP (Công ty con của Công ty) đến trước năm 2016 là chi phí không hợp lý khi tính thuế TNDN do chưa có báo cáo về việc quyết toán vốn cổ phần hóa số tiền 6.227.872.712 đồng và khoản thuế phải nộp số tiền 895.297.708 đồng theo Kết luận của Cơ quan Thanh tra thuế tại Quyết định số 26984/QĐ/CCT-KT1 về việc thực hiện nghĩa vụ thuế của Công ty từ năm 2012 - 2016.

PHỤ LỤC 06: BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

(*) Công ty con phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2016 như sau:

	Công ty con VND	Lợi ích Công ty mẹ tại Công ty con VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại Công ty con VND	Cộng VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	78.276.746.875	51.004.925.068	27.741.546.400	157.023.218.343
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	7.814.665.148	5.088.133.443	.761.003.887	15.663.802.478
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	4.827.688.711	3.155.302.895	1.741.734.060	9.724.725.666
- Trích Quỹ thưởng ban quản lý điều hành	1.850.089.349	1.212.229.345	668.826.303	3.731.144.996
- Trích trả cổ tức năm 2016	41.015.650.000	26.660.172.500	14.705.389.767	82.381.212.267
- Điều chỉnh trên BCTC hợp nhất		(26.660.172.500)	(49.382.516)	(26.709.555.016)
	55.508.093.208	9.455.665.683	19.827.571.501	84.791.330.392

(**) Công ty con tạm phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2017 như sau:

Trong năm 2017, Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (Công ty con của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP) đã tạm phân phối lợi nhuận năm 2017 căn cứ theo các văn bản: Nghị quyết Hội đồng quản trị số 103/NQ/HĐQT ngày 06/07/2017 (tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2017, tỷ lệ 10%); Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 45/NQ/CPGBS/2017 ngày 06/04/2017 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 151/NQ/HĐQT, ngày 14/10/2017 (tạm phân phối lợi nhuận sau thuế). Cụ thể như sau:

	Phân phối lợi nhuận trên Báo cáo công ty con VND	Lợi ích của Công ty mẹ VND	Lợi ích của Cổ đồng không kiểm soát VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	216.787.224.025	81.505.677.497	135.281.546.528
- Tạm trích Quỹ đầu tư phát triển	21.678.722.403	8.150.567.750	13.528.154.653
- Tạm trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	10.839.361.201	4.075.283.875	6.764.077.326
- Tạm trích Quỹ thưởng ban quản lý điều hành	5.868.772.403	2.206.505.427	3.662.266.976
- Trích cổ tức trên vốn điều lệ	142.115.115.000	53.431.140.985	88.683.974.015
- Điều chỉnh trên BCTC hợp nhất	-	(53.431.140.985)	(29.669.954.227)
	180.501.971.007	14.432.357.052	82.968.518.743

PHỤ LỤC 7: BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động chế biến sữa VND	Hoạt động chăn nuôi VND	Hoạt động sản xuất kinh doanh chè VND	Hoạt động thương mại, dịch vụ VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.141.675.163.687	146.007.613.769	489.585.283.802	914.995.177.040	89.037.466.378	3.781.300.704.676
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	420.043.999.879	(36.845.256.567)	20.473.097.807	54.502.071.773	(19.230.867.136)	438.943.045.756
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	-	-	-	106.766.924.899
Tài sản bộ phận	618.952.058.463	59.319.719.152	597.487.385.017	171.327.901.494	490.113.403.558	1.937.200.467.684
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	2.864.333.004.179
Tổng tài sản	618.952.058.463	59.319.719.152	597.487.385.017	171.327.901.494	490.113.403.558	4.801.533.471.863
Nợ phải trả của các bộ phận	228.309.129.408	11.573.007.985	460.832.713.298	19.322.164.033	25.883.934.867	45.920.949.591
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	34.621.117.688
Tổng nợ phải trả	228.309.129.408	11.573.007.985	460.832.713.298	19.322.164.033	25.883.934.867	780.542.067.279

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.